

Health Plan  
of San Joaquin

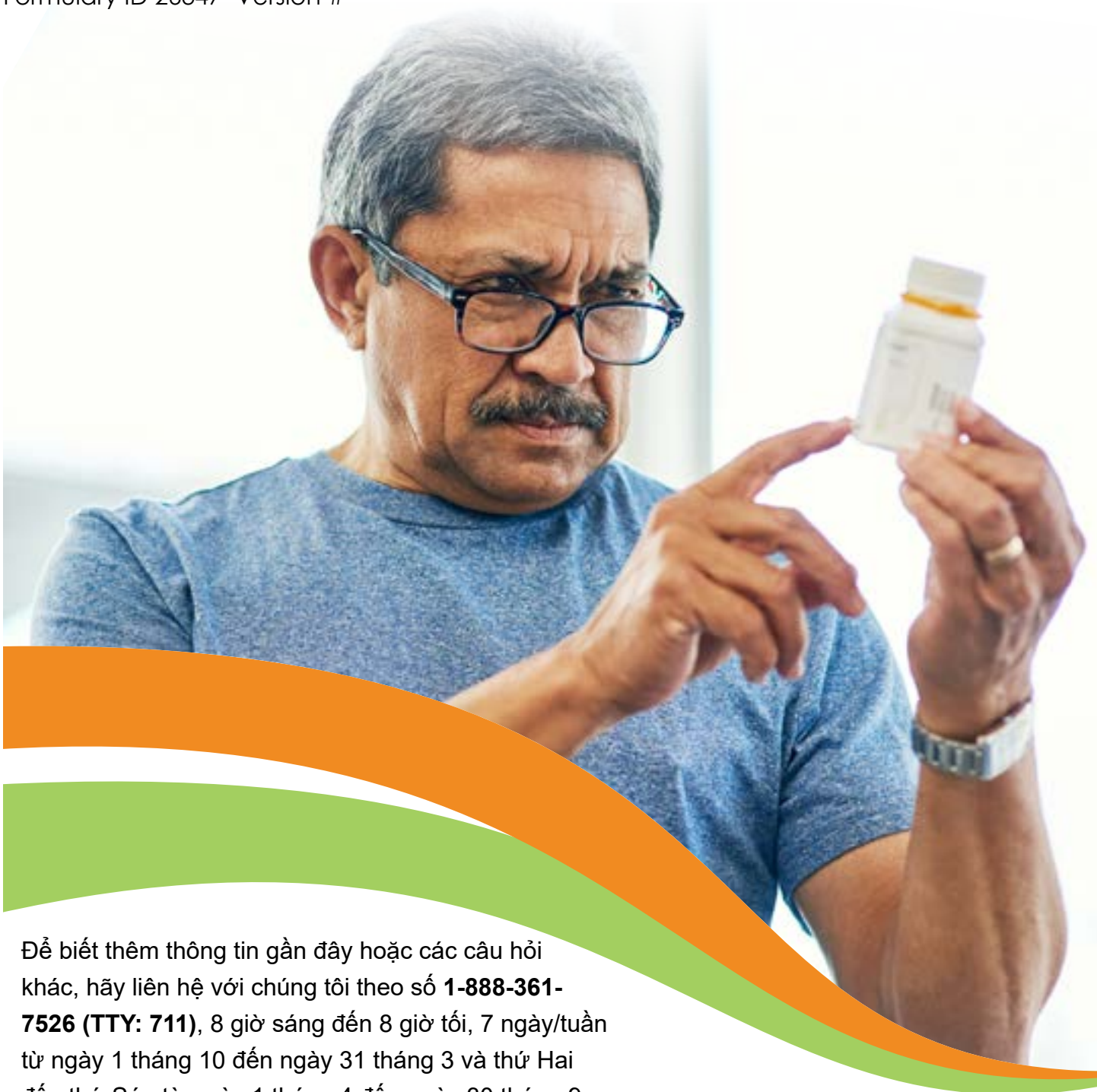


Mountain Valley  
Health Plan

Advantage D-SNP (HMO)

## Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ

**VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÃ ĐỀ NGHỊ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY.** Danh Sách Thuốc này được cập nhật vào Formulary ID 26347 Version #



Để biết thêm thông tin gần đây hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9 hoặc truy cập trang **[www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org)**.

# Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO)

## ***Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ*** năm 2026 (*Danh Sách Thuốc* hoặc *Danh Mục Thuốc*)

### **VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÃ THỌ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY**

#### **Giới Thiệu**

Tài liệu này được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* (còn gọi là *Danh Sách Thuốc*). Tài liệu cho quý vị biết những loại thuốc và sản phẩm không phải thuốc nào được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO) đãi thọ. *Danh Sách Thuốc* cũng cho quý vị biết liệu có bất kỳ quy tắc hoặc hạn chế đặc biệt nào đối với bất kỳ loại thuốc nào được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đãi thọ hay không. Các thuật ngữ chính và định nghĩa tương ứng xuất hiện trong chương cuối của *Sổ Tay Hội Viên*.

#### **Mục lục**

A. Tuyên Bó Miễn Trừ Trách Nhiệm.....	3
B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ).....	10
B1. Những loại thuốc kê đơn nào nằm trong <i>Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ</i> ? (Chúng tôi gọi tắt <i>Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ</i> là " <i>Danh Sách Thuốc</i> ")......	10
B2. <i>Danh Sách Thuốc</i> có bao giờ thay đổi không? .....	10
B3. Điều gì xảy ra khi có thay đổi trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ? .....	11
B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi đãi thọ thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào phải thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không?.....	13
B5. Làm thế nào để biết liệu loại thuốc tôi muốn có bị giới hạn hay cần thực hiện hành động bắt buộc để mua được thuốc? .....	14



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

B6. Điều gì xảy ra nếu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP thay đổi các quy tắc đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế theo trị liệu từng bước)? .....	14
B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ? .....	14
B8. Điều gì sẽ xảy ra nếu thuốc tôi muốn sử dụng lại không có trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ? .....	14
B9. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP và không thể tìm thấy thuốc của mình trong <i>Danh Sách Thuốc</i> hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc? .....	15
B10. Tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ để được đài thọ thuốc của mình không? .....	16
B11. Làm thế nào tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ? .....	16
B12. Mất bao lâu để nhận được duyệt trường hợp ngoại lệ? .....	16
B13. Thuốc gốc là gì? .....	17
B14. Các sinh phẩm gốc là gì và chúng liên quan đến thuốc sinh học tương tự như thế nào?.....	17
B15. Thuốc OTC (không kê đơn) là gì? .....	18
B16. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ các sản phẩm OTC không phải thuốc không?.....	18
B17. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ cho việc cung cấp thuốc kê đơn dài hạn không?.....	18
B18. Khoản đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu?.....	18
C. Tổng quan về <i>Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ</i> .....	20
C1. <i>Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc</i> .....	21
D. <i>Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ</i> .....	I-1

---

## A. Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm

Đây là danh sách các loại thuốc mà hội viên có thể nhận được trong Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO)

- ❖ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP là một chương trình thuộc loại Tổ Chức Duy Trì Sức Khỏe (HMO) có hợp đồng với Medicare và Medi-Cal. Việc ghi danh tham gia Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP phụ thuộc vào tình trạng gia hạn hợp đồng.
- ❖ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP tuân thủ luật dân quyền liên bang hiện hành và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc giới tính. Gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3, và từ Thứ Hai đến Thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Truy cập trang web của chúng tôi tại [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).
- ❖ Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* cập nhật của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trực tuyến tại [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org) hoặc gọi đến số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và Thứ Hai đến Thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.
- ❖ Quý vị có thể tải tài liệu này miễn phí ở các định dạng khác, chẳng hạn như in cỡ lớn, chữ nổi hoặc tệp âm thanh. Gọi theo các số điện thoại ở cuối trang của tài liệu này. Đây là cuộc gọi miễn cước. Tài liệu này có sẵn miễn phí bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Campuchia và tiếng Việt.

Thông Báo về Sự Sẵn Có của Dịch Vụ Hỗ Trợ Ngôn Ngữ và Các Công Cụ Hỗ Trợ và Dịch Vụ Phụ Trợ

### English

**ATTENTION: If you need help in your language, call 1-888-361-7526 (TTY: 711). Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call 1-888-361-7526 (TTY: 711). These services are free of charge.**



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và Thứ Hai đến Thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

## العربية (Arabic)

يرجى الانتباه: إذا احتجت المساعدة بلغتك، فاتصل بـ **1-888-361-7526**.  
(TTY: 711) تتوفر أيضا المساعدات والخدمات للأشخاص ذوي الإعاقة، مثل  
المستندات المكتوبة بطريقة برايل والخط الكبير. اتصل بـ **1-888-361-7526**.  
(TTY: 711) هذه الخدمات مجانية

## Հայերեն (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ. Եթե Ձեզ օգնություն է հարկավոր  
Ձեր լեզվով, զանգահարեք **1-888-361-7526 (TTY: 711)**:  
Կան նաև օժանդակ միջոցներու ծառայություններ  
հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար, օրինակ՝  
Բրայլի գրատիպով ու խոշորատառ տպագրված նյութեր:  
Զանգահարեք **1-888-361-7526 (TTY: 711)**: Այս  
ծառայություններն անվճար են:

## 中文 (Chinese)

请注意：如果您需要以您的母语提供帮助，请致电  
**1-888-361-7526 (TTY: 711)**。另外还提供针对残疾人士的  
帮助和服务，例如盲文和需要较大字体阅读，也是方便取用  
的。请致电 **1-888-361-7526 (TTY: 711)**。这些服务都是免  
费的。

## ਪੰਜਾਬੀ (Punjabi)

ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇਕਰ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ  
**1-888-361-7526 (TTY: 711)** 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਅਪਾਰਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ  
ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬ੍ਰੇਲ ਅਤੇ ਵੱਡੇ ਅੱਖਰਾਂ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼,  
ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ। **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਇਹ  
ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫਤ ਹਨ।

## हिंदी (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है, तो **1-888-361-7526 (TTY: 711)** पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। **1-888-361-7526 (TTY: 711)** पर कॉल करें। ये सेवाएं निःशुल्क हैं।

## Hmoob (Hmong)

CEEB TOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li puav leej muaj ua cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

## 日本語 (Japanese)

注意：日本語の対応が必要な場合は、**1-888-361-7526 (TTY: 711)**へお電話ください。点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスを用意しています。**1-888-361-7526 (TTY: 711)**へお電話ください。これらのサービスは無料で提供しています。

## 한국어 (Korean)

유의사항: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 번으로 의하십시오. 점자나 큰



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 도움과 서비스도 이용 가능합니다. **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 번으로 의하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

**ພາສາລາວ (Laotian)**

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອໃນພາສາຂອງທ່ານ ໃຫ້ໂທຫາເບີ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**.

ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ການບໍລິການສໍາລັບຄົນພິການ ເຊັ່ນ: ເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນ ແລະ ມິໂຕພິມໃຫຍ່, ໃຫ້ໂທຫາເບີ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**.

ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ແມ່ນບໍ່ໄດ້ເສຍຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໆ

**Mien**

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiemx longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux **1-888-361-7526 (TTY: 711)**.

Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hluc mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

**ខ្មែរ (Cambodian)**

ចំណាំ: បើអ្នកត្រូវការជំនួយជាភាសារបស់អ្នក សូមទូរសព្ទទៅលេខ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**។ ជំនួយ និងសេវាកម្មសម្រាប់ជនពិការ ដូចជាឯកសារសរសេរជាអក្សរធំសម្រាប់ជនពិការ

និងជាពុម្ពអក្សរធំក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរសព្ទទៅលេខ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃទេ ។

### فارسی (Farsi)

توجه: اگر می‌خواهید به زبان خود کمک دریافت کنید، با **1-888-361-7526 (TTY: 711)** تماس بگیرید. کمک‌ها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌های خط بریل و چاپ با حروف بزرگ، نیز موجود است. با **1-888-361-7526 (TTY: 711)** تماس بگیرید. این خدمات رایگان ارائه می‌شوند.

### Русский (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Предоставляются также средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Такие услуги предоставляются бесплатно.

### Español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Estos servicios son gratuitos.

### Tagalog (Filipino)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

kapansanan,tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Libre ang mga serbisyong ito.

### ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. นอกจากนี้ ยังพร้อมให้ ความช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ สำหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วย ตัวอักษรขนาดใหญ่. กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. ไม่มีค่าใช้จ่ายสำหรับบริการเหล่านี้.

### Українська (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами та послугами, наприклад отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на Номер **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Ці послуги безкоштовні.

### Tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và bản in khổ chữ lớn. Vui lòng gọi số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Các dịch vụ này đều miễn phí.

- ❖ Gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để cho biết ngôn ngữ hoặc định dạng ưa thích của quý vị. Chúng tôi sẽ hỏi xem quý vị yêu cầu cho một tài liệu hay cho tất cả.

- ❖ Nếu quý vị yêu cầu tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Campuchia, tiếng Việt hoặc định dạng khác cho tất cả các tài liệu, đây được gọi là yêu cầu thường trực. Yêu cầu của quý vị sẽ được lưu giữ trong hệ thống của chúng tôi cho tất cả các thư và lần liên lạc trong tương lai. Quý vị chỉ phải yêu cầu các tùy chọn này một lần. Nếu sử dụng các ngôn ngữ khác, phải yêu cầu cho mỗi tài liệu.
- ❖ Để cập nhật tùy chọn của quý vị, hãy gọi tới số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước. Để biết thêm thông tin, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).



---

**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

---

## B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Tìm câu trả lời tại đây cho các câu hỏi của quý vị về *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* (*Danh Sách Thuốc*) này. Quý vị có thể đọc tất cả Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm hoặc tìm kiếm câu hỏi và câu trả lời.

### **B1. Những loại thuốc kê đơn nào nằm trong *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* là "*Danh Sách Thuốc*").**

Các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* từ **Mục C** là những loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đãi thọ. Thuốc có sẵn tại các nhà thuốc trong mạng lưới của chúng tôi. Một nhà thuốc thuộc mạng lưới của chúng tôi nếu chúng tôi có thỏa thuận với họ để hợp tác với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là "nhà thuốc trong mạng lưới".

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx đãi thọ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx ([www.medi-calrx.dhcs.ca.gov](http://www.medi-calrx.dhcs.ca.gov)) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ ID Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.

- Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ đãi thọ tất cả các loại thuốc cần thiết về mặt y tế trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
  - Bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị nói rằng quý vị cần những loại thuốc này để khỏe hơn hoặc duy trì sức khỏe,
  - Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đồng ý rằng thuốc là cần thiết về mặt y tế cho quý vị, **và**
  - Quý vị mua thuốc kê đơn của một nhà thuốc trong mạng lưới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP.
- Trong một số trường hợp, quý vị phải làm điều gì đó trước khi có thể dùng thuốc. Tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm thấy danh sách thuốc cập nhật mà chúng tôi đãi thọ trên trang web [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org) hoặc gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối trang trong tài liệu này.

### **B2. *Danh Sách Thuốc* có bao giờ thay đổi không?**

Có và Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP phải tuân theo các quy tắc của Medicare và Medi-Cal khi thực hiện thay đổi. Chúng tôi có thể thêm hoặc loại bỏ thuốc có trong *Danh Sách Thuốc* trong năm.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy tắc về thuốc. Ví dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định yêu cầu hoặc không yêu cầu chấp thuận trước đối với một loại thuốc. (Chấp thuận trước là sự cho phép trước từ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trước khi quý vị có thể nhận thuốc.)
- Thêm hoặc thay đổi số lượng thuốc quý vị có thể nhận được (gọi là giới hạn số lượng).
- Thêm hoặc thay đổi hạn chế theo trị liệu từng bước đối với một loại thuốc. (Trị liệu từng bước có nghĩa là quý vị phải dùng một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác.)

Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuốc này, hãy tham khảo câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc đã được đài thọ vào **đầu** năm, chúng tôi thường sẽ không loại bỏ hoặc thay đổi phạm vi đài thọ của loại thuốc đó **trong thời gian còn lại của năm**, trừ khi:

- Một loại thuốc mới, rẻ hơn xuất hiện trên thị trường và có tác dụng giống như một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* hiện nay, hoặc
- Chúng tôi biết rằng một loại thuốc không an toàn, hoặc
- Một loại thuốc được loại bỏ khỏi thị trường.

Các câu hỏi B3 và B6 dưới đây có thêm thông tin về điều gì sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc* cập nhật của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trực tuyến tại [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org). Cập nhật *Danh Sách Thuốc* được đăng trên trang web hàng tháng.
- Quý vị cũng có thể gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo các số ở chân trang của tài liệu này để kiểm tra *Danh Sách Thuốc* hiện tại.

### **B3. Điều gì xảy ra khi có thay đổi trong *Danh Sách Thuốc*?**

Một số thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* sẽ được thực hiện **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Thay thế một số phiên bản mới của thuốc.** Chúng tôi có thể ngay lập tức loại bỏ thuốc khỏi *Danh Sách Thuốc* nếu chúng tôi thay thế bằng một số phiên bản mới nhất định của loại thuốc đó, nhưng chi phí của quý vị cho loại thuốc mới sẽ vẫn là \$0. Khi thêm phiên bản mới của một loại thuốc, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ nguyên thuốc biệt dược hoặc sinh phẩm gốc trong danh sách nhưng thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn đài thọ.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

- Chúng tôi có thể không cho quý vị biết trước khi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện khi thay đổi đó xảy ra.
- Chúng tôi chỉ có thể thực hiện những thay đổi này nếu loại thuốc chúng tôi sẽ bổ sung:
  - Là phiên bản thuốc gốc mới của thuốc biệt dược, hoặc
  - Là một phiên bản thuốc sinh học tương tự mới nhất định của các sinh phẩm gốc trong *Danh Sách Thuốc* (ví dụ: thêm một loại thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi cho nhau có thể thay thế cho một sinh phẩm gốc mà không cần đơn thuốc mới).
  - Một số loại thuốc này có thể còn mới lạ với quý vị. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo **Mục B14**.
- Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ từ những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một thông báo với các bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Vui lòng tham khảo các câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.
- **Loại bỏ các loại thuốc không an toàn và các loại thuốc khác được rút khỏi thị trường.** Đôi khi một loại thuốc có thể được phát hiện là không an toàn hoặc rút khỏi thị trường vì một lý do khác. Nếu điều này xảy ra, chúng tôi có thể ngay lập tức loại thuốc đó ra khỏi *Danh Sách Thuốc*. Nếu quý vị đang dùng thuốc, chúng tôi sẽ gửi thông báo cho quý vị sau khi thực hiện thay đổi. Thông báo sẽ cung cấp cho quý vị hướng dẫn về những việc cần làm. Ví dụ, quý vị có thể được yêu cầu gọi cho bác sĩ kê đơn của mình.

**Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác ảnh hưởng đến các loại thuốc quý vị sử dụng.** Chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị về những thay đổi khác đối với *Danh Sách Thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- FDA cung cấp hướng dẫn mới hoặc có hướng dẫn lâm sàng mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi xóa một loại thuốc biệt dược khỏi *Danh Sách Thuốc* khi thêm một loại thuốc gốc đã từng có trên thị trường, hoặc
- Chúng tôi loại bỏ một sinh phẩm gốc khi thêm một thuốc sinh học tương tự, hoặc
- Chúng tôi thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn đòi hỏi cho thuốc biệt dược.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- Thông báo cho quý vị ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc*; **hoặc**

- Thông báo và cung cấp thuốc cho quý vị trong 30 ngày sau khi quý vị yêu cầu mua thêm thuốc.

Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định:

- Nếu có một loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng để thay thế hoặc
- Có nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ từ những thay đổi này hay không. Để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ, hãy tham khảo câu hỏi B10-B12.

#### **B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi đài thọ thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào phải thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không?**

Có, một số loại thuốc có quy định về đài thọ hoặc có giới hạn về số tiền quý vị có thể nhận. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị phải làm gì đó trước khi quý vị có thể mua thuốc. Ví dụ:

- **Chấp thuận trước:** Đối với một số loại thuốc, quý vị hoặc bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị phải nhận được sự cho phép từ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trước khi quý vị mua thuốc kê đơn của mình. Chấp thuận trước khác với giấy giới thiệu. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể không đài thọ thuốc nếu quý vị không có chấp thuận trước.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP giới hạn số lượng thuốc quý vị có thể nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP yêu cầu quý vị thực hiện liệu pháp từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị sẽ phải sử dụng thuốc theo một thứ tự nhất định cho tình trạng bệnh lý của mình. Quý vị có thể phải sử dụng một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ kê đơn của quý vị cho rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng với quý vị, chúng tôi sẽ đài thọ loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của mình có bất kỳ yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào hay không bằng cách xem các bảng trong **Mục C**. Quý vị cũng có thể biết thêm thông tin bằng cách truy cập trang web của chúng tôi tại [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org). Chúng tôi đã đăng trực tuyến các tài liệu giải thích chấp thuận trước và các hạn chế về trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi một bản sao cho quý vị.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

**Quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ từ những giới hạn này.** Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

**B5. Làm thế nào để biết liệu loại thuốc tôi muốn có bị giới hạn hay cần thực hiện hành động bắt buộc để mua được thuốc?**

Bảng trong phần có tiêu đề "Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc" có cột được dán nhãn "Các hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng".

**B6. Điều gì xảy ra nếu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP thay đổi các quy tắc đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế theo trị liệu từng bước)?**

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước nếu chúng tôi thêm hoặc thay đổi chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế điều trị từng bước đối với một loại thuốc. Tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về thông báo trước này và các tình huống mà chúng tôi có thể không thể cho quý vị biết trước khi các quy định của chúng tôi về thuốc trong *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

**B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?**

Có hai cách để tìm thuốc:

- Quý vị có thể tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái, **hoặc**
- Quý vị có thể tìm kiếm theo loại thuốc.

Để tìm kiếm **theo thứ tự bảng chữ cái**, hãy tìm thuốc của quý vị trong mục Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ. Quý vị có thể tìm thấy phần này ở trang I-1.

Để tìm kiếm **theo loại thuốc**, hãy tìm **Mục C1** có nhãn "Danh Sách Thuốc Theo Loại Thuốc". Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành các hạng mục theo loại thuốc. Ví dụ: nếu quý vị đang dùng thuốc điều trị đau nửa đầu, bạn nên tìm trong hạng mục "Thuốc Chống Đau Nửa Đầu". Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị chứng đau nửa đầu.

**B8. Điều gì sẽ xảy ra nếu thuốc tôi muốn sử dụng lại không có trong *Danh Sách Thuốc*?**

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc*, hãy gọi Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối của tài liệu này và hỏi về điều đó. Nếu quý vị biết Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ không đài thọ thuốc, quý vị có thể làm một trong những điều sau:

- Yêu cầu Dịch Vụ Khách Hàng cung cấp danh sách các loại thuốc giống như loại quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn

khác của quý vị. Họ có thể kê đơn một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* giống như loại quý vị muốn dùng. **Hoặc**

- Hãy yêu cầu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP áp dụng trường hợp ngoại lệ để đòi thuốc của quý vị. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

### **B9. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP và không thể tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc?**

Chúng tôi có thể giúp quý vị. Chúng tôi có thể đòi thuốc tạm thời cho 30 ngày cho quý vị trong 90 ngày đầu tiên quý vị là hội viên của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP. Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ.

Nếu đơn thuốc của quý vị được kê cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép cung cấp nhiều đơn thuốc cho tối đa 30 ngày.

Chúng tôi sẽ đòi thuốc cấp thuốc cho quý vị trong 30 ngày nếu:

- Quý vị đang dùng một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi, **hoặc**
- Quy tắc chương trình của chúng tôi không cho phép quý vị nhận được lượng thuốc mà bác sĩ kê đơn của quý vị đã kê, **hoặc**
- Thuốc yêu cầu chấp thuận trước của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP, **hoặc**
- Quý vị đang dùng một loại thuốc được hạn chế theo trị liệu từng bước.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc mà Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP không coi là thuốc Phần D, thuốc đó không có trong *Danh Sách Thuốc* và quý vị gặp vấn đề khi dùng thuốc, thuốc có thể được đòi thuốc thông qua Medi-Cal Rx. Nếu thuốc bị loại trừ trong Phần D yêu cầu trường hợp ngoại lệ và quý vị đang trong tình trạng khẩn cấp, Medi-Cal Rx sẽ cho phép cung cấp thuốc trong không dưới 72 giờ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx ([www.medi-calrx.dhcs.ca.gov](http://www.medi-calrx.dhcs.ca.gov)) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Medi-Cal BIC khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

Nếu quý vị đang ở viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng có được loại thuốc mình cần, chúng tôi có thể giúp quý vị. Nếu quý vị đã tham gia chương trình lâu hơn 90 ngày, sống ở một cơ sở chăm sóc dài hạn và cần thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ đài thọ một lượng thuốc quý vị cần đủ cho 31 ngày (trừ khi quý vị có đơn thuốc cho ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP hay không.
- Số thuốc này khác với nguồn cung cấp tạm thời trong 90 ngày đầu tiên tham gia Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP.

Nếu quý vị đang chuyển tiếp giữa các cấp độ chăm sóc khác nhau (ví dụ: ngoài bệnh viện), Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ đài thọ lượng thuốc trong thời gian chuyển tiếp 31 ngày để quý vị sử dụng trong môi trường mới.

### **B10. Tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ để được đài thọ thuốc của mình không?**

Có. Quý vị có thể yêu cầu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP áp dụng trường hợp ngoại lệ để đài thọ cho loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi quy định về thuốc của mình.

- Ví dụ: Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ đài thọ. Nếu thuốc của quý vị có giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và đài thọ thêm.
- Các ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ các giới hạn về trị liệu từng bước hoặc yêu cầu chấp thuận trước.

### **B11. Làm thế nào tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ?**

Để yêu cầu trường hợp ngoại lệ, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng. Đại diện Dịch Vụ Khách Hàng của quý vị sẽ làm việc với quý vị và bác sĩ kê đơn của quý vị để giúp quý vị yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9, Mục G** trong *Sổ Tay Hội Viên* để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ.

### **B12. Mất bao lâu để nhận được duyệt trường hợp ngoại lệ?**

Sau khi nhận được thông tin từ bác sĩ kê đơn của quý vị rằng họ ủng hộ yêu cầu trường hợp ngoại lệ của quý vị, chúng tôi sẽ ra quyết định trong vòng 72 giờ. Nếu quý vị yêu cầu trường hợp ngoại lệ, bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị cũng sẽ cho chúng tôi biết lý do cho trường hợp ngoại lệ về thuốc. Chúng tôi gọi đây là "lời khai hỗ trợ". Bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị có thể thông báo với chúng tôi qua điện thoại và fax hoặc gửi lời khai qua thư cho chúng tôi theo địa chỉ:

- Điện thoại: 1-833-546-0796 (TTY: 711), 7 ngày trong tuần, 24/24
- Số fax: 1-858-790-7100
- Thư: MedImpact  
10181 Scripps Gateway Court  
San Diego, CA 92131

Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu quý vị phải đợi 72 giờ để nhận quyết định, quý vị có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ cấp tốc. Đây là một quyết định nhanh hơn. Nếu bác sĩ kê đơn của quý vị ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ ra quyết định trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được lời khai hỗ trợ của bác sĩ kê đơn của quý vị.

### **B13. Thuốc gốc là gì?**

Thuốc gốc được tạo thành từ các hoạt chất tương tự như thuốc biệt dược. Chúng thường có giá thấp hơn thuốc biệt dược và có hiệu quả tương tự. Loại thuốc này thường không có tên nổi tiếng. Thuốc gốc được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt. Có nhiều loại thuốc gốc cho nhiều loại thuốc biệt dược. Thuốc gốc thường có thể thay thế thuốc biệt dược tại nhà thuốc mà không cần đơn thuốc mới - tùy thuộc vào luật pháp của tiểu bang.

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ cả thuốc thương hiệu và thuốc gốc.

### **B14. Các sinh phẩm gốc là gì và chúng liên quan đến thuốc sinh học tương tự như thế nào?**

Khi đề cập đến thuốc, điều này có thể có nghĩa là một loại thuốc hoặc một sinh phẩm. Sinh phẩm là các loại thuốc phức tạp hơn các loại thuốc thông thường. Do đó, sinh phẩm có các dạng được gọi là thuốc sinh học tương tự thay vì có dạng gốc như thuốc. Nói chung, thuốc sinh học tương tự hoạt động tốt như sinh phẩm gốc và có thể có giá thấp hơn. Có những lựa chọn thay thế thuốc sinh học tương tự cho một số sinh phẩm gốc. Một số thuốc sinh học tương tự là thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi cho nhau và, tùy thuộc vào luật pháp tiểu bang, có thể được thay thế cho sinh phẩm gốc tại nhà thuốc mà không cần đơn thuốc mới, giống như thuốc gốc có thể thay thế cho thuốc biệt dược.

Để biết thêm thông tin về các loại thuốc, hãy tham khảo **Chương 5** trong *Sổ Tay Hội Viên*.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

### **B15. Thuốc OTC (không kê đơn) là gì?**

OTC là viết tắt của "over-the-counter" (không kê đơn). Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ một số loại thuốc OTC khi chúng được nhà cung cấp của quý vị kê dưới dạng đơn thuốc.

Quý vị có thể xem *Danh Sách Thuốc* của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để tìm hiểu những thuốc OTC được đài thọ.

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP cung cấp các loại thuốc và sản phẩm OTC như một phúc lợi bổ sung Phần C. Để biết thêm thông tin về các phúc lợi bổ sung của quý vị, hãy xem **Chương 4** của *Sổ Tay Hội Viên*.

### **B16. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ các sản phẩm OTC không phải thuốc không?**

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ một số sản phẩm OTC không phải thuốc khi chúng được nhà cung cấp của quý vị kê trong đơn thuốc.

Ví dụ về các sản phẩm OTC không phải thuốc bao gồm kim lấy máu, tăm bông tẩm cồn và ống tiêm insulin.

Quý vị có thể xem *Danh Sách Thuốc* của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để tìm hiểu những sản phẩm OTC không phải thuốc được đài thọ.

### **B17. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ cho việc cung cấp thuốc kê đơn dài hạn không?**

- **Chương Trình Đặt Mua Qua Thư.** Chúng tôi cung cấp chương trình đặt mua qua thư cho phép quý vị nhận được lượng thuốc cho tối đa 90 ngày (Bậc 2, 3 và 4) hoặc 100 ngày (Bậc 1 và 6) trực tiếp tại nhà. Lượng thuốc dành cho 90 ngày hoặc 100 ngày có khoản đồng thanh toán như lượng thuốc trong một tháng.
- **Chương Trình Nhà Thuốc Bán Lẻ 90 Ngày hoặc 100 Ngày.** Một số nhà thuốc bán lẻ cũng có thể cung cấp thuốc được đài thọ cho tối đa 90 ngày (Bậc 2, 3 và 4) hoặc 100 ngày (Bậc 1 và 6). Lượng thuốc dành cho 90 ngày hoặc 100 ngày có khoản đồng thanh toán như lượng thuốc trong một tháng.

### **B18. Khoản đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu?**

Các hội viên của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có khoản đồng thanh toán dao động từ \$0 đến \$12,65 cho các sản phẩm kê đơn và không phải thuốc nếu tuân thủ các quy tắc của chương trình. Tham khảo câu hỏi B15 và B16 để biết thêm thông tin về thuốc OTC và các sản phẩm không phải thuốc.

Bậc là các nhóm thuốc trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

- Bạc 1 Thuốc gốc ưu tiên có khoản đồng thanh toán là \$0.
- Bạc 2 Thuốc gốc có khoản đồng thanh toán từ \$1,60 đến \$5,10.
- Bạc 3 Thuốc biệt dược ưu tiên có khoản đồng thanh toán từ \$4,90 đến \$12,65.
- Bạc 4 Thuốc biệt dược không ưu tiên có khoản đồng thanh toán từ \$4,90 đến \$12,65.
- Bạc 5 Thuốc gốc đặc trị có khoản đồng thanh toán từ \$1,60 đến \$5,10.
- Bạc 5 Thuốc biệt dược đặc trị có khoản đồng thanh toán từ \$4,90 đến \$12,65.
- Bạc 6 Thuốc Chăm Sóc Chọn Lọc có khoản đồng thanh toán là \$0.

Nếu quý vị có thắc mắc, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối trang này.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.  
**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

---

## C. Tổng quan về *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ*

*Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* cung cấp cho quý vị thông tin về các loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đãi thọ. Nếu quý vị gặp khó khăn khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy chuyển sang Chi Mục Thuốc Được Đãi Thọ ở **Mục C**. Chỉ mục này liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái tất cả các loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đãi thọ.

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx đãi thọ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx ([www.medi-calrx.dhcs.ca.gov](http://www.medi-calrx.dhcs.ca.gov)) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ ID Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.

### Kháng Cáo Theo Phần D

- Kháng cáo là một cách chính thức để yêu cầu chúng tôi xem lại một quyết định mà chúng tôi đã đưa ra về phạm vi đãi thọ của quý vị và thay đổi nếu quý vị cho rằng chúng tôi đã nhầm lẫn.
- Ví dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc mà quý vị muốn không được đãi thọ hoặc không còn được Medicare hoặc Medi-Cal đãi thọ.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể kháng cáo. Nếu quý vị có câu hỏi, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo các số điện thoại ở cuối trang của tài liệu này.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** của *Sổ Tay Hội Viên* để tìm hiểu cách kháng cáo một quyết định.
- Các loại thuốc không phải là thuốc Phần D có các quy tắc kháng cáo khác nhau.

## C1. Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc

Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành các hạng mục tùy thuộc vào loại tình trạng y tế mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ, nếu quý vị mắc bệnh tim, quý vị nên tìm trong hạng mục Thuốc Điều Trị Bệnh Tim Mạch. Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Dưới đây là ý nghĩa của các mã được sử dụng trong cột "Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng":

VIẾT TẮT	MÔ TẢ	GIẢI THÍCH
G	Chỉ Báo Thuốc Gốc	Thuốc này được tạo thành từ các thành phần tương tự như thuốc biệt dược.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một hình thức quản lý sử dụng (UM) chỉ định giới hạn số lượng hoặc hạn chế đối với đơn thuốc theo thời gian. Giới hạn số lượng có thể có nhiều hình thức khác nhau, điển hình nhất là hạn chế hàng ngày và hàng tháng đối với việc cấp hoặc cấp lại đơn thuốc.
ST	Trị Liệu Từng Bước	Trước tiên, quý vị phải dùng (các) loại thuốc khác để điều trị tình trạng bệnh lý của mình. Thuốc này chỉ có thể được đài thọ nếu (các) loại thuốc khác không có tác dụng với quý vị.
PA	Chấp Thuận Trước	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) phải có chấp thuận trước để khi mua thuốc kê đơn. Nếu không có chấp thuận trước, Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA NSO	Chấp Thuận Trước – Bắt Đầu Mới	Nếu quý vị chưa từng dùng thuốc này trước đây, quý vị (hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị) phải có chấp thuận trước để khi mua thuốc kê đơn.
PA BvD	Chấp Thuận Trước - Phần B so với Phần D	Thuốc này có thể hội đủ điều kiện để thanh toán theo Medicare Phần B hoặc Phần D. Cần xem xét chấp thuận trước dựa trên các quy tắc bảo hiểm của Medicare.
LA	Tiếp Cận Hạn Chế	Thuốc này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Danh Mục Nhà Thuốc của quý vị hoặc gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 7 ngày/tuần.



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

VIẾT TẮT	MÔ TẢ	GIẢI THÍCH
AGE	Giới Hạn Độ Tuổi	Thuốc này có giới hạn dài thọ dựa trên các nhóm tuổi. Giới hạn có thể dựa trên cách thuốc được FDA phê duyệt hoặc các cảnh báo đặc biệt khi sử dụng bởi những người ở một số nhóm tuổi nhất định.
NDS	Cung Cấp Theo Ngày Không Kéo Dài	Thuốc này không đủ điều kiện để được cung cấp dài hạn (còn được gọi là "cung cấp kéo dài").
PA-HRM	Chấp Thuận Trước – Thuốc Rủi Ro Cao	Thuốc này đã được CMS coi là có khả năng gây hại và là Thuốc Rủi Ro Cao cho những người thụ hưởng Medicare từ 65 tuổi trở lên. Nếu không có chấp thuận trước, thuốc này có thể không được dài thọ cho hội viên từ 65 tuổi trở lên.

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên của thuốc. Thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in nghiêng viết thường (ví dụ: lisinopril), thuốc biệt dược được viết hoa (ví dụ: HUMIRA) và các sản phẩm không phải thuốc được liệt kê bằng chữ thường (ví dụ: kim lấy máu). Thông tin trong cột "Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng" cho quý vị biết liệu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có bất kỳ quy tắc nào để dài thọ thuốc của quý vị hay không.

### Danh Sách Viết Tắt Dạng Bào Chế

Dưới đây là các chữ viết tắt, hoặc dạng rút gọn của từ hoặc cụm từ, có thể được liệt kê trong cột "Tên Thuốc" trong phần tiếp theo.

VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ	ĐỊNH NGHĨA
8 hr	8 giờ
12 hr hoặc 12h	12 giờ
24 hr hoặc 24h	24 giờ
72 hr	72 giờ
act	hoạt hóa
admix	chất phụ gia
aero	dạng khí dung
admin	đường dùng
ampul	ống thủy tinh
app, appl	dụng cụ bôi thuốc
auto	tự động

VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ	ĐỊNH NGHĨA
cap	viên nang
chew	dạng nhai
CT	số lượng
comb	kết hợp
del, delayed	trì hoãn
disinteg, disintegrat	tan rã
dose	liều dùng
DR	giải phóng chậm
EC	bao tan ruột
emolnt	chất làm mềm
ENFit	đầu nối cho nuôi ăn qua ống
er, ER	giải phóng kéo dài
ext, extnd, extend	kéo dài
gast	dạ dày
HFA	hydrofluoroalkane
hi	cao
IR	giải phóng ngay lập tức
liqd	chất lỏng
lo	thấp
loz, lozenge	viên ngậm
mini lozenge	viên ngậm nhỏ
misc	khác
MP	bơm định lượng
muco	nhầy
pak, pack	gói
PCA	dùng do bệnh nhân tự kiểm soát
pell	hạt nén



**Nếu quý vị có thắc mắc**, vui lòng gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước.

**Để biết thêm thông tin**, truy cập [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).

<b>VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA</b>
pk	gói
powdr	bột
pt	bệnh nhân
recon	hoàn nguyên
rel, release	giải phóng
soln	dung dịch
sprink, sprinkl	rắc
susp, suspen	hỗn dịch
syring	ống tiêm
tab	viên nén
TD	qua da
var	thay đổi
w/	với

## Table of Contents

<b>Analgesics</b> .....	27
<b>Anesthetics</b> .....	31
<b>Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents</b> .....	31
<b>Antianxiety Agents</b> .....	32
<b>Antibacterials</b> .....	34
<b>Anticancer Agents</b> .....	42
<b>Anticonvulsants</b> .....	62
<b>Antidementia Agents</b> .....	69
<b>Antidepressants</b> .....	69
<b>Antidiabetic Agents</b> .....	73
<b>Antifungals</b> .....	79
<b>Antigout Agents</b> .....	82
<b>Antihistamines</b> .....	82
<b>Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane)</b> .....	82
<b>Antimigraine Agents</b> .....	82
<b>Antimycobacterials</b> .....	84
<b>Antinausea Agents</b> .....	85
<b>Antiparasite Agents</b> .....	86
<b>Antiparkinsonian Agents</b> .....	87
<b>Antipsychotic Agents</b> .....	88
<b>Antivirals (Systemic)</b> .....	96
<b>Blood Products/Modifiers/Volume Expanders</b> .....	104
<b>Caloric Agents</b> .....	107
<b>Cardiovascular Agents</b> .....	108
<b>Central Nervous System Agents</b> .....	119
<b>Contraceptives</b> .....	123
<b>Dental And Oral Agents</b> .....	132

<b>Dermatological Agents</b> .....	132
<b>Devices</b> .....	137
<b>Enzyme Cofactors/Chaperones</b> .....	187
<b>Enzyme Replacement/Modifiers</b> .....	187
<b>Eye, Ear, Nose, Throat Agents</b> .....	188
<b>Gastrointestinal Agents</b> .....	192
<b>Genitourinary Agents</b> .....	196
<b>Heavy Metal Antagonists</b> .....	197
<b>Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying</b> .....	197
<b>Immunological Agents</b> .....	202
<b>Inflammatory Bowel Disease Agents</b> .....	216
<b>Metabolic Bone Disease Agents</b> .....	217
<b>Miscellaneous Therapeutic Agents</b> .....	218
<b>Ophthalmic Agents</b> .....	219
<b>Replacement Preparations</b> .....	221
<b>Respiratory Tract Agents</b> .....	222
<b>Skeletal Muscle Relaxants</b> .....	227
<b>Sleep Disorder Agents</b> .....	227
<b>Vasodilating Agents</b> .....	228
<b>Vitamins And Minerals</b> .....	229

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Analgesics</b>		
<b>Analgesics, Miscellaneous</b>		
<i>acetaminophen-codeine 300-30 mg/12.5 ml cup inner 300 mg-30 mg/12.5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (4500 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine oral solution 120-12 mg/5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (4500 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine oral tablet 300-15 mg, 300-30 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine oral tablet 300-60 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>buprenorphine transdermal patch weekly 10 mcg/hour, 15 mcg/hour, 20 mcg/hour, 5 mcg/hour, 7.5 mcg/hour</i> (Butrans)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (4 per 28 days)
<i>butalbital-acetaminop-caf-cod oral capsule 50-325-40-30 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; NDS; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<i>butalbital-acetaminophen-caff oral capsule 50-300-40 mg</i> (Fioricet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<i>butalbital-acetaminophen-caff oral capsule 50-325-40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<i>butalbital-acetaminophen-caff oral tablet 50-325-40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<i>endocet oral tablet 10-325 mg</i> (oxycodone-acetaminophen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>endocet oral tablet 2.5-325 mg, 5-325 mg</i> (oxycodone-acetaminophen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
<i>endocet oral tablet 7.5-325 mg</i> (oxycodone-acetaminophen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
<i>fentanyl citrate buccal lozenge on a handle 1,200 mcg, 1,600 mcg, 400 mcg, 600 mcg, 800 mcg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>fentanyl citrate buccal lozenge on a handle 200 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>fentanyl transdermal patch 72 hour 100 mcg/hr, 12 mcg/hr, 25 mcg/hr, 50 mcg/hr, 75 mcg/hr</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (10 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen oral solution 10-300 mg/15 ml, 10-325 mg/15 ml, 7.5-325 mg/15 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (2700 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg, 7.5-325 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen oral tablet 5-325 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
<i>hydromorphone oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg</i> (Dilaudid)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>methadone oral tablet 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>methadone oral tablet 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>morphine concentrate oral solution 100 mg/5 ml (20 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>morphine oral solution 10 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (700 per 30 days)
<i>morphine oral solution 20 mg/5 ml (4 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (300 per 30 days)
MORPHINE ORAL TABLET 15 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	NDS; QL (180 per 30 days)
MORPHINE ORAL TABLET 30 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>morphine oral tablet extended release 100 mg, 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (60 per 30 days)
<i>morphine oral tablet extended release 15 mg, 30 mg</i> (MS Contin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (90 per 30 days)
<i>morphine oral tablet extended release 60 mg</i> (MS Contin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone oral capsule 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>oxycodone oral tablet 10 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>oxycodone oral tablet 15 mg, 30 mg</i> (Roxicodone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone oral tablet 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg</i> (Endocet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen oral tablet 2.5-325 mg, 5-325 mg</i> (Endocet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen oral tablet 7.5-325 mg</i> (Endocet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
<i>tramadol oral tablet 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (240 per 30 days)
<i>tramadol-acetaminophen oral tablet 37.5-325 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (300 per 30 days)
<b>Nonsteroidal Anti-Inflammatory Agents</b>		
<i>celecoxib oral capsule 100 mg, 200 mg, 400 mg, 50 mg</i> (Celebrex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac epolamine transdermal patch 12 hour 1.3 %</i> (Flector)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA; QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac potassium oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>diclofenac sodium oral tablet extended release 24 hr 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diclofenac sodium oral tablet, delayed release (dr/ec) 25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diclofenac sodium oral tablet, delayed release (dr/ec) 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>diclofenac sodium oral tablet, delayed release (dr/ec) 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac sodium topical drops 1.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>diclofenac sodium topical solution in metered-dose pump 20 mg/gram /actuation(2 %)</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (224 per 28 days)
<i>diclofenac-misoprostol oral tablet,ir,delayed rel,biphasic 50-200 mg-mcg</i> (Arthrotec 50)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diclofenac-misoprostol oral tablet,ir,delayed rel,biphasic 75-200 mg-mcg</i> (Arthrotec 75)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>etodolac oral capsule 200 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>etodolac oral tablet 400 mg</i> (Lodine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>etodolac oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>flurbiprofen oral tablet 100 mg</i> (Lurbiro)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ibu oral tablet 400 mg</i> (ibuprofen)	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>ibu oral tablet 600 mg, 800 mg</i> (ibuprofen)	\$0 (Tier 1)	
<i>ibuprofen oral tablet 400 mg</i> (IBU)	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>ibuprofen oral tablet 600 mg, 800 mg</i> (IBU)	\$0 (Tier 1)	
<i>indomethacin oral capsule 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>ketorolac oral tablet 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (20 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<i>meloxicam oral tablet 15 mg, 7.5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nabumetone oral tablet 500 mg, 750 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>naproxen oral tablet 250 mg, 375 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>naproxen oral tablet 500 mg</i> (Naprosyn)	\$0 (Tier 1)	
<i>naproxen oral tablet,delayed release (dr/ec) 375 mg</i> (EC-Naprosyn)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sulindac oral tablet 150 mg, 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Anesthetics</b>		
<b>Local Anesthetics</b>		
<i>dermacinrx lidocan 5% patch outer</i> (lidocaine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
<i>glydo mucous membrane jelly in applicator 2 %</i> (lidocaine hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lidocaine 2% viscous soln</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lidocaine hcl mucous membrane jelly 2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lidocaine hcl mucous membrane jelly in applicator 2 %</i> (Glydo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lidocaine topical adhesive patch,medicated 5 %</i> (DermacinRx Lidocan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
<i>lidocaine topical ointment 5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (240 per 30 days)
<i>lidocaine viscous mucous membrane solution 2 %</i> (lidocaine hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lidocaine-prilocaine topical cream 2.5-2.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
<i>lidocan iii topical adhesive patch,medicated 5 %</i> (lidocaine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
<i>tridacaine ii topical adhesive patch,medicated 5 %</i> (lidocaine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
ZTLIDO TOPICAL ADHESIVE PATCH,MEDICATED 1.8 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (90 per 30 days)
<b>Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents</b>		
<b>Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents</b>		
<i>acamprosate oral tablet,delayed release (dr/ec) 333 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>buprenorphine hcl sublingual tablet 2 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>buprenorphine-naloxone sublingual film 12-3 mg, 2-0.5 mg, 4-1 mg, 8-2 mg</i> (Suboxone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>buprenorphine-naloxone sublingual tablet 2-0.5 mg, 8-2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bupropion hcl (smoking deter) oral tablet extended release 12 hr 150 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>disulfiram oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
KLOXXADO NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 8 MG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
<i>naloxone injection solution 0.4 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>naloxone injection syringe 0.4 mg/ml, 0.4 mg/ml (prefilled syringe), 1 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>naloxone nasal spray, non-aerosol 4 mg/actuation</i> (Narcan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>naltrexone oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
NICOTROL NS NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 10 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (240 per 180 days)
<i>varenicline tartrate oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i> (Chantix)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (336 per 365 days)
<i>varenicline tartrate oral tablet 1 mg (56 pack)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (336 per 365 days)
<i>varenicline tartrate oral tablets, dose pack 0.5 mg (11)- 1 mg (42)</i> (Chantix Starting Month Box)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antianxiety Agents</b>		
<b>Benzodiazepines</b>		
<i>alprazolam oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg</i> (Xanax)	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>alprazolam oral tablet 2 mg</i> (Xanax)	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (150 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>chlordiazepoxide hcl oral capsule 10 mg, 25 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
<i>clonazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i> (Klonopin)	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>clonazepam oral tablet 2 mg</i> (Klonopin)	\$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>clonazepam oral tablet, disintegrating 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>clonazepam oral tablet, disintegrating 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>clorazepate dipotassium oral tablet 15 mg, 3.75 mg, 7.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>diazepam injection solution 5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (10 per 28 days)
<i>diazepam injection syringe 5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diazepam intensol oral concentrate 5 mg/ml</i> (diazepam)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
<i>diazepam oral solution 5 mg/5 ml (1 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
<i>diazepam oral tablet 10 mg, 2 mg, 5 mg</i> (Valium)	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg/ml oral concent</i> (Lorazepam Intensol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (150 per 30 days)
<i>lorazepam 4 mg/ml vial inner</i> (Ativan)	\$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>lorazepam injection solution 2 mg/ml</i> (Ativan)	\$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>lorazepam injection solution 4 mg/ml</i> (Ativan)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (2 per 30 days)
<i>lorazepam injection syringe 2 mg/ml</i>	\$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>lorazepam intensol oral concentrate 2 mg/ml</i> (lorazepam)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (150 per 30 days)
<i>lorazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i> (Ativan)	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (90 per 30 days)
<i>lorazepam oral tablet 2 mg</i> (Ativan)	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (150 per 30 days)
<i>temazepam oral capsule 15 mg, 30 mg</i> (Restoril)	\$0 (Tier 1)	NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>temazepam oral capsule 22.5 mg</i> (Restoril)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (30 per 30 days)
<i>temazepam oral capsule 7.5 mg</i> (Restoril)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
<b>Antibacterials</b>		
<b>Aminoglycosides</b>		
<i>amikacin injection solution 500 mg/2 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
ARIKAYCE INHALATION SUSPENSION FOR NEBULIZATION 590 MG/8.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (235.2 per 28 days)
<i>gentamicin injection solution 40 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gentamicin sulfate (ped) (pf) injection solution 20 mg/2 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gentamicin sulfate (pf) intravenous solution 100 mg/10 ml, 60 mg/6 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>streptomycin intramuscular recon soln 1 gram</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TOBI PODHALER INHALATION CAPSULE, W/INHALATION DEVICE 28 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (224 per 28 days)
<i>tobramycin in 0.225 % nacl inhalation solution for nebulization 300 mg/5 ml</i> (Tobi)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>tobramycin sulfate injection solution 10 mg/ml, 40 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antibacterials, Miscellaneous</b>		
<i>clindamycin hcl oral capsule 150 mg, 300 mg, 75 mg</i> (Cleocin HCl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clindamycin phosphate injection solution 150 (mg/ml) (4 ml), 150 (mg/ml) (6 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clindamycin phosphate injection solution 150 mg/ml</i> (Cleocin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>colistin (colistimethate na) injection recon soln 150 mg</i> (Coly-Mycin M Parenteral)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>daptomycin intravenous recon soln 350 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>fosfomycin tromethamine oral packet 3 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>linezolid in dextrose 5% intravenous piggyback 600 mg/300 ml</i> (Zyvox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>linezolid oral suspension for reconstitution 100 mg/5 ml</i> (Zyvox)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>linezolid oral tablet 600 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methenamine hippurate oral tablet 1 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metronidazole in nacl (iso-os) intravenous piggyback 500 mg/100 ml</i> (Metro I.V.)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metronidazole oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin macrocrystal oral capsule 100 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>nitrofurantoin monohyd/m-cryst oral capsule 100 mg</i> (Macrobid)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>trimethoprim oral tablet 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>vancomycin intravenous recon soln 1,000 mg, 1.25 gram, 10 gram, 5 gram, 500 mg, 750 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>vancomycin oral capsule 125 mg</i> (Vancocin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (56 per 14 days)
<i>vancomycin oral capsule 250 mg</i> (Vancocin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (112 per 14 days)
XIFAXAN ORAL TABLET 200 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (9 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XIFAXAN ORAL TABLET 550 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<b>Cephalosporins</b>		
<i>cefactor oral capsule 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefadroxil oral capsule 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefadroxil oral suspension for reconstitution 250 mg/5 ml, 500 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefazolin injection recon soln 1 gram, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefazolin intravenous recon soln 10 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefdinir oral capsule 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefdinir oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefepime injection recon soln 1 gram, 2 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefixime oral capsule 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefixime oral tablet 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefoxitin intravenous recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefpodoxime oral tablet 100 mg, 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefprozil oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ceftaroline fosamil intravenous recon soln 400 mg, 600 mg</i> (Teflaro)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>ceftazidime injection recon soln 1 gram, 2 gram, 6 gram</i> (Tazicef)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ceftriaxone injection recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram, 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefuroxime axetil oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefuroxime sodium injection recon soln 750 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cefuroxime sodium intravenous recon soln 1.5 gram, 7.5 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cephalexin oral capsule 250 mg, 500 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cephalexin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tazicef injection recon soln 1 gram, 2 gram, 6 gram</i> (ceftazidime)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Macrolides</b>		
<i>azithromycin intravenous recon soln 500 mg</i> (Zithromax)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>azithromycin oral suspension for reconstitution 100 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>azithromycin oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml</i> (Zithromax)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>azithromycin oral tablet 250 mg (6 pack), 500 mg (3 pack), 600 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>azithromycin oral tablet 250 mg, 500 mg</i> (Zithromax)	\$0 (Tier 1)	
<i>clarithromycin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clarithromycin oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>erythromycin ethylsuccinate oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml</i> (E.E.S. Granules)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>erythromycin ethylsuccinate oral suspension for reconstitution 400 mg/5 ml</i> (EryPed 400)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>erythromycin oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fidaxomicin oral tablet 200 mg</i> (Dificid)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (20 per 10 days)
<b>Miscellaneous B-Lactam Antibiotics</b>		
<i>aztreonam injection recon soln 1 gram, 2 gram</i> (Azactam)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
CAYSTON INHALATION SOLUTION FOR NEBULIZATION 75 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS
<i>ertapenem injection recon soln 1 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>imipenem-cilastatin intravenous recon soln 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>imipenem-cilastatin intravenous recon soln 500 mg</i> (Primaxin IV)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>meropenem intravenous recon soln 1 gram, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>meropenem intravenous recon soln 2 gram</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<b>Penicillins</b>		
<i>amoxicillin oral capsule 250 mg, 500 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amoxicillin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 200 mg/5 ml, 250 mg/5 ml, 400 mg/5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amoxicillin oral tablet 500 mg, 875 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amoxicillin oral tablet, chewable 125 mg, 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 200-28.5 mg/5 ml, 400-57 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 250-62.5 mg/5 ml</i> (Augmentin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 600-42.9 mg/5 ml</i> (Augmentin ES-600)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral tablet 250-125 mg, 875-125 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral tablet 500-125 mg</i> (Augmentin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-pot clavulanate oral tablet, chewable 200-28.5 mg, 400-57 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ampicillin oral capsule 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ampicillin sodium injection recon soln 1 gram, 10 gram, 125 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ampicillin-sulbactam injection recon soln 1.5 gram, 15 gram, 3 gram</i> (Unasyn)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
BICILLIN L-A INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,200,000 UNIT/2 ML, 2,400,000 UNIT/4 ML, 600,000 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>dicloxacillin oral capsule 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
EXTENCILLINE INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1.2 MILLION UNIT, 2.4 MILLION UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
LENTOCILIN S INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1.2 MILLION UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>nafcillin injection recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>penicillin g potassium injection recon (Pfizerpen-G) soln 20 million unit</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>penicillin g procaine intramuscular syringe 1.2 million unit/2 ml, 600,000 unit/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>penicillin v potassium oral recon soln 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>penicillin v potassium oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>piperacillin-tazobactam intravenous recon soln 2.25 gram, 3.375 gram, 4.5 gram, 40.5 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Quinolones</b>		
<i>ciprofloxacin hcl oral tablet 250 mg, 500 mg (Cipro)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl oral tablet 750 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin in 5 % dextrose intravenous piggyback 200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levofloxacin in d5w intravenous piggyback 250 mg/50 ml, 500 mg/100 ml, 750 mg/150 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levofloxacin oral solution 250 mg/10 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levofloxacin oral tablet 250 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>moxifloxacin 400 mg/250 ml bag suv, p/f, inner</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>moxifloxacin oral tablet 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>moxifloxacin-sod.chloride(iso) intravenous piggyback 400 mg/250 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Sulfonamides</b>		
<i>sulfadiazine oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim oral suspension 200-40 mg/5 ml</i> (Sulfatrim)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim oral tablet 400-80 mg</i> (Bactrim)	\$0 (Tier 1)	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim oral tablet 800-160 mg</i> (Bactrim DS)	\$0 (Tier 1)	
<b>Tetracyclines</b>		
<i>demeclocycline oral tablet 150 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxy-100 intravenous recon soln 100 mg</i> (doxycycline hyclate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline hyclate intravenous recon soln 100 mg</i> (Doxy-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline hyclate oral capsule 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline hyclate oral capsule 50 mg</i> (Morgidox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline hyclate oral tablet 100 mg, 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate oral capsule 100 mg</i> (Mondoxyne NL)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate oral capsule 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate oral suspension for reconstitution 25 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate oral tablet 100 mg</i> (Avidoxy)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>minocycline oral capsule 100 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tetracycline oral capsule 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tigecycline intravenous recon soln 50 mg</i> (Tygacil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Anticancer Agents</b>		
<b>Anticancer Agents</b>		
<i>abiraterone oral tablet 250 mg</i> (Abirtega)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>abiraterone oral tablet 500 mg</i> (Zytiga)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>abiraterone, submicronized oral tablet 125 mg</i> (Yonsa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>abirtega oral tablet 250 mg</i> (abiraterone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (120 per 30 days)
<i>adrucil intravenous solution 2.5 gram/50 ml</i> (fluorouracil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
AKEEGA ORAL TABLET 100-500 MG, 50-500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ALECENSA ORAL CAPSULE 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLET 180 MG, 90 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLET 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLETS,DOSE PACK 90 MG (7)-180 MG (23)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>anastrozole oral tablet 1 mg</i> (Arimidex)	\$0 (Tier 1)	
ANKTIVA INTRAVESICAL SOLUTION 400 MCG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1.6 per 28 days)
AUGTYRO ORAL CAPSULE 160 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
AUGTYRO ORAL CAPSULE 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
AVMAPKI ORAL CAPSULE 0.8 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
AVMAPKI-FAKZYNJA ORAL COMBO PACK 0.8-200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (66 per 28 days)
AXTLE INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
AYVAKIT ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 25 MG, 300 MG, 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>azacitidine injection recon soln 100 mg</i> (Vidaza)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
BALVERSA ORAL TABLET 3 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
BALVERSA ORAL TABLET 4 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
BALVERSA ORAL TABLET 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
<i>bendamustine intravenous recon soln 100 mg, 25 mg</i> (Treanda)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BENDAMUSTINE INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML (Bendeka)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BENDEKA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML (bendamustine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>bexarotene oral capsule 75 mg</i> (Targretin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>bexarotene topical gel 1 %</i> (Targretin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>bicalutamide oral tablet 50 mg</i> (Casodex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
BIZENGRI INTRAVENOUS SOLUTION 375 MG/18.75 ML (20 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (75 per 28 days)
<i>bleomycin injection recon soln 15 unit, 30 unit</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bortezomib injection recon soln 1 mg, 2.5 mg</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
<i>bortezomib injection recon soln 3.5 mg</i> (Velcade)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BORUZU INJECTION SOLUTION 2.5 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
BOSULIF ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BOSULIF ORAL CAPSULE 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
BOSULIF ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BOSULIF ORAL TABLET 400 MG, 500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
BRAFTOVI ORAL CAPSULE 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BRUKINSA ORAL CAPSULE 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
BRUKINSA ORAL TABLET 160 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CABOMETYX ORAL TABLET 20 MG, 60 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
CABOMETYX ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CALQUENCE (ACALABRUTINIB MAL) ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CALQUENCE ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CAMCEVI (6 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 42 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
CAPRELSA ORAL TABLET 100 MG (vandetanib)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CAPRELSA ORAL TABLET 300 MG (vandetanib)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
COMETRIQ ORAL CAPSULE 100 MG/DAY(80 MG X1-20 MG X1), 60 MG/DAY (20 MG X 3/DAY)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
COMETRIQ ORAL CAPSULE 140 MG/DAY(80 MG X1-20 MG X3)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
COPIKTRA ORAL CAPSULE 15 MG, 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
COTELLIC ORAL TABLET 20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (63 per 28 days)
<i>cyclophosphamide intravenous recon soln 1 gram, 2 gram, 500 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>cyclophosphamide intravenous solution 100 mg/ml, 200 mg/ml</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>cyclophosphamide intravenous solution 500 mg/ml</i> (Frindovyx)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>cyclophosphamide oral capsule 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; ST
<i>cyclophosphamide oral tablet 25 mg, 50 mg</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; ST
DANYELZA INTRAVENOUS SOLUTION 4 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 28 days)
DANZITEN ORAL TABLET 71 MG, 95 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
<i>dasatinib oral tablet 100 mg, 140 mg, 50 mg, 70 mg, 80 mg</i> (Sprycel)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>dasatinib oral tablet 20 mg</i> (Sprycel)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
DATROWAY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
DAURISMO ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
DAURISMO ORAL TABLET 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>decitabine intravenous recon soln 50 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>doxorubicin, peg-liposomal intravenous suspension 2 mg/ml</i> (Caelyx)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
ELAHERE INTRAVENOUS SOLUTION 5 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ELIGARD (3 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 22.5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ELIGARD (4 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 30 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELIGARD (6 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELIGARD SUBCUTANEOUS SYRINGE 7.5 MG (1 MONTH)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELREXFIO 44 MG/1.1 ML VIAL INNER, SUV, P/F 40 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ELREXFIO SUBCUTANEOUS SOLUTION 40 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (9.5 per 28 days)
EMCYT ORAL CAPSULE 140 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
EMRELIS INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ENSACOVE ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ENSACOVE ORAL CAPSULE 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (270 per 30 days)
EPKINLY SUBCUTANEOUS SOLUTION 4 MG/0.8 ML, 48 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ERBITUX INTRAVENOUS SOLUTION 100 MG/50 ML, 200 MG/100 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ERIVEDGE ORAL CAPSULE 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
ERLEADA ORAL TABLET 240 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ERLEADA ORAL TABLET 60 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>erlotinib oral tablet 100 mg, 25 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>erlotinib oral tablet 150 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ETOPOPHOS INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>etoposide intravenous solution 20 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
EULEXIN ORAL CAPSULE 125 MG (flutamide)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>everolimus (antineoplastic) oral tablet 10 mg</i> (Torpenz)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
<i>everolimus (antineoplastic) oral tablet 2.5 mg</i> (Torpenz)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
<i>everolimus (antineoplastic) oral tablet 5 mg</i> (Torpenz)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>everolimus (antineoplastic) oral tablet 7.5 mg</i> (Torpenz)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>everolimus (antineoplastic) oral tablet for suspension 2 mg, 3 mg, 5 mg</i> (Afinitor Disperz)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
<i>exemestane oral tablet 25 mg</i> (Aromasin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
FAKZYNJA ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (42 per 28 days)
FIRMAGON KIT W DILUENT SYRINGE SUBCUTANEOUS RECON SOLN 120 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
FIRMAGON KIT W DILUENT SYRINGE SUBCUTANEOUS RECON SOLN 80 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD
<i>floxuridine injection recon soln 0.5 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>fluorouracil intravenous solution 1 gram/20 ml, 5 gram/100 ml, 500 mg/10 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>flutamide oral capsule 125 mg</i> (Eulexin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
FOTIVDA ORAL CAPSULE 0.89 MG, 1.34 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FRUZAQLA ORAL CAPSULE 1 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
FRUZAQLA ORAL CAPSULE 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
<i>fulvestrant intramuscular syringe 250 mg/5 ml</i> (Faslodex)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
FYARRO INTRAVENOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
GAVRETO ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>gefitinib oral tablet 250 mg</i> (Iressa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
GILOTRIF ORAL TABLET 20 MG, 30 MG, 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
GOMEKLI ORAL CAPSULE 1 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
GOMEKLI ORAL CAPSULE 2 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
GOMEKLI ORAL TABLET FOR SUSPENSION 1 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
HERCEPTIN HYLECTA SUBCUTANEOUS SOLUTION 600 MG-10,000 UNIT/5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 21 days)
HERNEXEOS ORAL TABLET 60 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>hydroxyurea oral capsule 500 mg</i> (Hydrea)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
HYRNUO ORAL TABLET 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
IBRANCE ORAL CAPSULE 100 MG, 125 MG, 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
IBRANCE ORAL TABLET 100 MG, 125 MG, 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
IBTROZI ORAL CAPSULE 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
ICLUSIG ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 30 MG, 45 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
IDHIFA ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>ifosfamide intravenous recon soln 1 gram</i> (Ifex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ifosfamide intravenous solution 1 gram/20 ml, 3 gram/60 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>imatinib oral tablet 100 mg</i> (Gleevec)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (180 per 30 days)
<i>imatinib oral tablet 400 mg</i> (Gleevec)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (60 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL CAPSULE 140 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL CAPSULE 70 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
IMBRUVICA ORAL SUSPENSION 70 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (216 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL TABLET 140 MG, 280 MG, 420 MG, 560 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
IMDELLTRA INTRAVENOUS RECON SOLN 1 MG, 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
IMJUDO INTRAVENOUS SOLUTION 20 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
IMKELDI ORAL SOLUTION 80 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (280 per 28 days)
INLEXZO INTRAVESICAL IMPLANT 225 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
INLURIYO ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
INLYTA ORAL TABLET 1 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
INLYTA ORAL TABLET 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
INQOVI ORAL TABLET 35-100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
INREBIC ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ITOVEBI ORAL TABLET 3 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ITOVEBI ORAL TABLET 9 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
IWILFIN ORAL TABLET 192 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
JAKAFI ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
JAYPIRCA ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
JAYPIRCA ORAL TABLET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
JEMPERLI INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
JYLAMVO ORAL SOLUTION 2 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD; ST
KEYTRUDA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
KEYTRUDA QLEX SUBCUTANEOUS SOLUTION 395 MG-4,800 UNIT/2.4 ML, 790 MG-9,600 UNIT/4.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
KIMMTRAK INTRAVENOUS SOLUTION 100 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (2 per 28 days)
KISQALI 200 MG DAILY DOSE 200 MG/DAY (200 MG X 1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 200 MG/DAY(200 MG X 1)-2.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (49 per 28 days)
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 400 MG/DAY(200 MG X 2)-2.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (70 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 600 MG/DAY(200 MG X 3)-2.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (91 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 200 MG/DAY (200 MG X 1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 400 MG/DAY (200 MG X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (42 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 600 MG/DAY (200 MG X 3)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (63 per 28 days)
KOMZIFTI ORAL CAPSULE 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE, SPRINKLE 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (600 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE, SPRINKLE 7.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (390 per 30 days)
KRAZATI ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>lapatinib oral tablet 250 mg</i> (Tykerb)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LAZCLUZE ORAL TABLET 240 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
LAZCLUZE ORAL TABLET 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>lenalidomide oral capsule 10 mg, 15 mg, 2.5 mg, 20 mg, 25 mg, 5 mg</i> (Revlimid)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
LENVIMA ORAL CAPSULE 10 MG/DAY (10 MG X 1), 12 MG/DAY (4 MG X 3), 14 MG/DAY(10 MG X 1-4 MG X 1), 18 MG/DAY (10 MG X 1-4 MG X2), 20 MG/DAY (10 MG X 2), 24 MG/DAY(10 MG X 2-4 MG X 1), 4 MG, 8 MG/DAY (4 MG X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>letrozole oral tablet 2.5 mg</i> (Femara)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
LEUKERAN ORAL TABLET 2 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>leuprolide acetate (3 month) intramuscular suspension for reconstitution 22.5 mg</i> (Lutrate Depot (3 month))	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
<i>leuprolide subcutaneous kit 1 mg/0.2 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO
<i>lomustine oral capsule 10 mg</i> (Gleostine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lomustine oral capsule 100 mg, 40 mg</i> (Gleostine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
LONSURF ORAL TABLET 15-6.14 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (100 per 28 days)
LONSURF ORAL TABLET 20-8.19 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (80 per 28 days)
LOQTORZI INTRAVENOUS SOLUTION 240 MG/6 ML (40 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LORBRENA ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
LORBRENA ORAL TABLET 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 120 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 240 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 320 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
LUNSUMIO INTRAVENOUS SOLUTION 1 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUNSUMIO VELO SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/ML, 5 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LUPRON DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 22.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT (4 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT (6 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 45 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 7.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUTRATE DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 22.5 MG (leuprolide acetate (3 month))	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
LYNOZYFIC INTRAVENOUS SOLUTION 2 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (15 per 8 days)
LYNOZYFIC INTRAVENOUS SOLUTION 20 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (40 per 28 days)
LYNPARZA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
LYSODREN ORAL TABLET 500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
LYTGOBI ORAL TABLET 12 MG/DAY (4 MG X 3), 16 MG/DAY (4 MG X 4), 20 MG/DAY (4 MG X 5)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (140 per 28 days)
MARGENZA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
MATULANE ORAL CAPSULE 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>megestrol oral tablet 20 mg, 40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
MEKINIST ORAL RECON SOLN 0.05 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1260 per 30 days)
MEKINIST ORAL TABLET 0.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
MEKINIST ORAL TABLET 2 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
MEKTOVI ORAL TABLET 15 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>mercaptopurine oral suspension 20 mg/ml</i> (Purixan)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>mercaptopurine oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methotrexate sodium (pf) injection recon soln 1 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methotrexate sodium (pf) injection solution 25 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methotrexate sodium injection solution 25 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methotrexate sodium oral tablet 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; ST
<i>mitoxantrone intravenous concentrate 2 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MODEYSO ORAL CAPSULE 125 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (20 per 28 days)
NERLYNX ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>nilotinib hcl oral capsule 150 mg, 200 mg</i> (Tasigna)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
<i>nilotinib hcl oral capsule 50 mg</i> (Tasigna)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>nilutamide oral tablet 150 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
NINLARO ORAL CAPSULE 2.3 MG, 3 MG, 4 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (3 per 28 days)
NUBEQA ORAL TABLET 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ODOMZO ORAL CAPSULE 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS
OGIVRI INTRAVENOUS RECON SOLN 150 MG, 420 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OGSIVEO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
OGSIVEO ORAL TABLET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
OJEMDA ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 25 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (96 per 28 days)
OJEMDA ORAL TABLET 400 MG/WEEK (100 MG X 4), 500 MG/WEEK (100 MG X 5), 600 MG/WEEK (100 MG X 6)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
OJJAARA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ONUREG ORAL TABLET 200 MG, 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (14 per 28 days)
OPDIVO INTRAVENOUS SOLUTION 100 MG/10 ML, 120 MG/12 ML, 240 MG/24 ML, 40 MG/4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
OPDIVO QVANTIG SUBCUTANEOUS SOLUTION 300 MG-5,000 UNIT/2.5 ML, 600 MG-10,000 UNIT/5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
OPDUALAG INTRAVENOUS SOLUTION 240-80 MG/20 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ORSERDU ORAL TABLET 345 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ORSERDU ORAL TABLET 86 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>paclitaxel protein-bound intravenous suspension for reconstitution 100 mg</i> (Abraxane)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>pazopanib oral tablet 200 mg</i> (Votrient)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>pazopanib oral tablet 400 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
PEMAZYRE ORAL TABLET 13.5 MG, 4.5 MG, 9 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pemetrexed disodium intravenous recon soln 1,000 mg, 100 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>pemetrexed disodium intravenous solution 25 mg/ml</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PEMRYDI RTU INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PIQRAY ORAL TABLET 200 MG/DAY (200 MG X 1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
PIQRAY ORAL TABLET 250 MG/DAY (200 MG X1-50 MG X1), 300 MG/DAY (150 MG X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
<i>pomalidomide oral capsule 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i> (Pomalyst)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
POMALYST ORAL CAPSULE 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG (pomalidomide)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
QINLOCK ORAL TABLET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
RETEVMO ORAL CAPSULE 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
RETEVMO ORAL CAPSULE 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
RETEVMO ORAL TABLET 120 MG, 160 MG, 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
RETEVMO ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 110 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 160 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
REZLIDHIA ORAL CAPSULE 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RITUXAN HYCELA SUBCUTANEOUS SOLUTION 1400 MG/11.7 ML (120 MG/ML), 1600 MG/13.4 ML (120 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ROMVIMZA ORAL CAPSULE 14 MG, 20 MG, 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (8 per 28 days)
ROZLYTREK ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
ROZLYTREK ORAL CAPSULE 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
ROZLYTREK ORAL PELLETS IN PACKET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
RUBRACA ORAL TABLET 200 MG, 250 MG, 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
RYBREVANT FASPRO SUBCUTANEOUS SOLUTION 1,600 MG-20,000 UNIT/10 ML, 2,240 MG-28,000 UNIT/14 ML, 2,400 MG-30,000 UNIT/15 ML, 3,520 MG-44,000 UNIT/22 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
RYBREVANT INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
RYDAPT ORAL CAPSULE 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
RYTELO INTRAVENOUS RECON SOLN 188 MG, 47 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
SCEMBLIX ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
SCEMBLIX ORAL TABLET 20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
SCEMBLIX ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
SOLTAMOX ORAL SOLUTION 20 MG/10 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>sorafenib oral tablet 200 mg</i> (Nexavar)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
STIVARGA ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
<i>sunitinib malate oral capsule 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg</i> (Sutent)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
SYNRIBO SUBCUTANEOUS RECON SOLN 3.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TABLOID ORAL TABLET 40 MG (thioguanine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TABRECTA ORAL TABLET 150 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
TAFINLAR ORAL CAPSULE 50 MG, 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TAFINLAR ORAL TABLET FOR SUSPENSION 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (900 per 30 days)
TAGRISSE ORAL TABLET 40 MG, 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (30 per 30 days)
TALVEY SUBCUTANEOUS SOLUTION 2 MG/ML, 40 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TALZENNA ORAL CAPSULE 0.1 MG, 0.25 MG, 0.35 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>tamoxifen oral tablet 10 mg, 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
TASIGNA ORAL CAPSULE 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
TASIGNA ORAL CAPSULE 50 MG (nilotinib hcl)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TAZVERIK ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
TECVAYLI SUBCUTANEOUS SOLUTION 10 MG/ML, 90 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TEPMETKO ORAL TABLET 225 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
TEVIMBRA INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
TIBSOVO ORAL TABLET 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
TICE BCG INTRAVESICAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
TIVDAK INTRAVENOUS RECON SOLN 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 21 days)
<i>toposar intravenous solution 20 mg/ml</i> (etoposide)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>toremifene oral tablet 60 mg</i> (Fareston)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>torpenz oral tablet 10 mg</i> (everolimus (antineoplastic))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>torpenz oral tablet 2.5 mg, 5 mg, 7.5 mg</i> (everolimus (antineoplastic))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
TRELSTAR INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 11.25 MG, 22.5 MG, 3.75 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
<i>tretinoin (antineoplastic) oral capsule 10 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TRUQAP ORAL TABLET 160 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (64 per 28 days)
TRUXIMA INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TUKYSA ORAL TABLET 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TUKYSA ORAL TABLET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
TURALIO ORAL CAPSULE 125 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
VANFLYTA ORAL TABLET 17.7 MG, 26.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VENCLEXTA ORAL TABLET 10 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA NSO; LA; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
VENCLEXTA ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (180 per 30 days)
VENCLEXTA ORAL TABLET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (30 per 30 days)
VENCLEXTA STARTING PACK ORAL TABLETS,DOSE PACK 10 MG-50 MG- 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS
VERZENIO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG, 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
<i>vinorelbine intravenous solution 10 mg/ml, 50 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
VITRAKVI ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
VITRAKVI ORAL CAPSULE 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
VITRAKVI ORAL SOLUTION 20 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
VIVIMUSTA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML (bendamustine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VIZIMPRO ORAL TABLET 15 MG, 30 MG, 45 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
VONJO ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
VORANIGO ORAL TABLET 10 MG, 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VYLOY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
WELIREG ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
XALKORI ORAL CAPSULE 200 MG, 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XALKORI ORAL PELLETT 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
XALKORI ORAL PELLETT 20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XALKORI ORAL PELLETT 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XATMEP ORAL SOLUTION 2.5 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD; ST
XOSPATA ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
XPOVIO ORAL TABLET 100 MG/WEEK (50 MG X 2), 40MG TWICE WEEK (40 MG X 2), 80 MG/WEEK (40 MG X 2), 80 MG/WEEK (80 MG X 1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (8 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 40 MG/WEEK (10 MG X 4)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (16 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 40 MG/WEEK (40 MG X 1), 60 MG/WEEK (60 MG X 1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (4 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 60MG TWICE WEEK (120 MG/WEEK)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 80MG TWICE WEEK (160 MG/WEEK)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (32 per 28 days)
XTANDI ORAL CAPSULE 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XTANDI ORAL TABLET 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XTANDI ORAL TABLET 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
YERVOY INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/40 ML (5 MG/ML), 50 MG/10 ML (5 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
YONSA ORAL TABLET 125 MG (abiraterone, submicronized)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ZEJULA ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
ZEJULA ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZELBORAF ORAL TABLET 240 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
ZIIHERA INTRAVENOUS RECON SOLN 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZIRABEV INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZOLADEX SUBCUTANEOUS IMPLANT 10.8 MG, 3.6 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
ZOLINZA ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
ZYDELIG ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ZYKADIA ORAL TABLET 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
ZYNLONTA INTRAVENOUS RECON SOLN 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZYNYZ INTRAVENOUS SOLUTION 500 MG/20 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (20 per 28 days)
<b>Anticonvulsants</b>		
<b>Anticonvulsants</b>		
<i>brivaracetam intravenous solution 50 mg/5 ml</i> (Briviact)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (80 per 30 days)
<i>brivaracetam oral solution 10 mg/ml</i> (Briviact)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (600 per 30 days)
<i>brivaracetam oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg</i> (Briviact)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
BRIVIACT INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/5 ML (brivaracetam)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (80 per 30 days)
<i>carbamazepine 100 mg/5 ml cup outer 100 mg/5 ml (5 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbamazepine oral capsule, er multiphase 12 hr 100 mg, 200 mg, 300 mg</i> (Carbatrol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbamazepine oral suspension 100 mg/5 ml</i> (Tegretol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carbamazepine oral tablet 200 mg</i> (Tegretol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbamazepine oral tablet extended release 12 hr 100 mg, 200 mg, 400 mg</i> (Tegretol XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbamazepine oral tablet, chewable 100 mg, 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobazam oral suspension 2.5 mg/ml</i> (Onfi)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (480 per 30 days)
<i>clobazam oral tablet 10 mg, 20 mg</i> (Onfi)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
DIACOMIT ORAL CAPSULE 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
DIACOMIT ORAL CAPSULE 500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
DIACOMIT ORAL POWDER IN PACKET 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
DIACOMIT ORAL POWDER IN PACKET 500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>diazepam rectal kit 12.5-15-17.5-20 mg, 5-7.5-10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diazepam rectal kit 2.5 mg</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
DILANTIN ORAL CAPSULE 30 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>divalproex oral capsule, delayed rel sprinkle 125 mg</i> (Depakote Sprinkles)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>divalproex oral tablet extended release 24 hr 250 mg, 500 mg</i> (Depakote ER)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>divalproex oral tablet, delayed release (dr/ec) 125 mg, 250 mg, 500 mg</i> (Depakote)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
ELEPSIA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 1,000 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ELEPSIA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 1,500 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
EPIDIOLEX ORAL SOLUTION 100 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>epitol oral tablet 200 mg</i> (carbamazepine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>eslicarbazepine oral tablet 200 mg, 400 mg</i> (Aptiom)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>eslicarbazepine oral tablet 600 mg, 800 mg</i> (Aptiom)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>ethosuximide oral capsule 250 mg</i> (Zarontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ethosuximide oral solution 250 mg/5 ml</i> (Zarontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>felbamate oral suspension 600 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>felbamate oral tablet 400 mg, 600 mg</i> (Felbatol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
FINTEPLA ORAL SOLUTION 2.2 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>fosphenytoin injection solution 100 mg pe/2 ml, 500 mg pe/10 ml</i> (Cerebyx)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gabapentin oral capsule 100 mg, 300 mg</i> (Neurontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (360 per 30 days)
<i>gabapentin oral capsule 400 mg</i> (Neurontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (270 per 30 days)
<i>gabapentin oral solution 250 mg/5 ml</i> (Neurontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (2160 per 30 days)
<i>gabapentin oral tablet 600 mg</i> (Neurontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>gabapentin oral tablet 800 mg</i> (Neurontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>lacosamide intravenous solution 200 mg/20 ml</i> (Vimpat)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (200 per 5 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>lacosamide oral solution 10 mg/ml</i> (Vimpat)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
<i>lacosamide oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg</i> (Vimpat)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>lamotrigine oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg</i> (Subvenite)	\$0 (Tier 1)	
<i>lamotrigine oral tablet, chewable dispersible 25 mg, 5 mg</i> (Lamictal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lamotrigine oral tablet, disintegrating 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Lamictal ODT)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levetiracetam intravenous solution 500 mg/5 ml</i> (Keppra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levetiracetam oral solution 100 mg/ml</i> (Keppra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levetiracetam oral tablet 1,000 mg, 250 mg, 500 mg, 750 mg</i> (Keppra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levetiracetam oral tablet extended release 24 hr 500 mg, 750 mg</i> (Keppra XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levetiracetam oral tablet for suspension 250 mg</i> (Spritam)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST
<i>levetiracetam oral tablet for suspension 500 mg</i> (Spritam)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
LIBERVANT BUCCAL FILM 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 5 MG, 7.5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (10 per 30 days)
<i>methsuximide oral capsule 300 mg</i> (Celontin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
NAYZILAM NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 5 MG/SPRAY (0.1 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (10 per 30 days)
<i>oxcarbazepine oral suspension 300 mg/5 ml (60 mg/ml)</i> (Trileptal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>oxcarbazepine oral tablet 150 mg, 300 mg, 600 mg</i> (Trileptal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>perampanel oral suspension 0.5 mg/ml</i> (Fycompa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (720 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>perampanel oral tablet 10 mg, 12 mg, 8 mg</i> (Fycompa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>perampanel oral tablet 2 mg</i> (Fycompa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>perampanel oral tablet 4 mg, 6 mg</i> (Fycompa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>phenobarbital oral elixir 20 mg/5 ml (4 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>phenobarbital oral tablet 100 mg, 15 mg, 16.2 mg, 30 mg, 32.4 mg, 60 mg, 64.8 mg, 97.2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>phenytek oral capsule 200 mg, 300 mg</i> (phenytoin sodium extended)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin oral suspension 125 mg/5 ml</i> (Dilantin-125)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin oral tablet, chewable 50 mg</i> (Dilantin Infatabs)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin sodium extended oral capsule 100 mg</i> (Dilantin Extended)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin sodium extended oral capsule 200 mg, 300 mg</i> (Phenytek)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin sodium intravenous solution 50 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenytoin sodium intravenous syringe 50 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>pregabalin oral capsule 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg</i> (Lyrica)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>pregabalin oral capsule 225 mg, 300 mg</i> (Lyrica)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>pregabalin oral solution 20 mg/ml</i> (Lyrica)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (900 per 30 days)
<i>primidone oral tablet 125 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>primidone oral tablet 250 mg, 50 mg</i> (Mysoline)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>rufinamide oral suspension 40 mg/ml</i> (Banzel)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS
<i>rufinamide oral tablet 200 mg</i> (Banzel)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST
<i>rufinamide oral tablet 400 mg</i> (Banzel)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS
SEZABY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
SPRITAM ORAL TABLET FOR SUSPENSION 1,000 MG, 750 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
SPRITAM ORAL TABLET FOR SUSPENSION 250 MG, 500 MG (levetiracetam)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
SUBVENITE ORAL SUSPENSION 10 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA NSO
<i>subvenite oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg</i> (lamotrigine)	\$0 (Tier 1)	
SYMPAZAN ORAL FILM 10 MG, 20 MG, 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>tiagabine oral tablet 12 mg, 16 mg, 2 mg, 4 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>topiramate oral capsule, sprinkle 15 mg, 25 mg</i> (Topamax)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>topiramate oral capsule, sprinkle 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>topiramate oral solution 25 mg/ml</i> (Eprontia)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST
<i>topiramate oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Topamax)	\$0 (Tier 1)	
<i>valproate sodium intravenous solution 500 mg/5 ml (100 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>valproic acid (as sodium salt) oral solution 250 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>valproic acid oral capsule 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VALTOCO NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 10 MG/SPRAY (0.1 ML), 15 MG/2 SPRAY (7.5/0.1ML X 2), 20 MG/2 SPRAY (10MG/0.1ML X2), 5 MG/SPRAY (0.1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (10 per 30 days)
<i>vigabatrin oral powder in packet 500 mg</i> (Vigadrone)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>vigabatrin oral tablet 500 mg</i> (Vigadrone)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>vigadrone oral powder in packet 500 mg</i> (vigabatrin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>vigadrone oral tablet 500 mg</i> (vigabatrin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>vigpoder oral powder in packet 500 mg</i> (vigabatrin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
XCOPRI MAINTENANCE PACK ORAL TABLET 250MG/DAY(150 MG X1-100MG X1), 350 MG/DAY (200 MG X1-150MG X1)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (56 per 28 days)
XCOPRI ORAL TABLET 100 MG, 25 MG, 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
XCOPRI ORAL TABLET 150 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
XCOPRI TITRATION PACK ORAL TABLETS, DOSE PACK 12.5 MG (14)- 25 MG (14)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
XCOPRI TITRATION PACK ORAL TABLETS, DOSE PACK 150 MG (14)- 200 MG (14), 50 MG (14)- 100 MG (14)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
ZONISADE ORAL SUSPENSION 100 MG/5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>zonisamide oral capsule 100 mg, 25 mg</i> (Zonegran)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>zonisamide oral capsule 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZTALMY ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1080 per 30 days)
<b>Antidementia Agents</b>		
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Aricept)	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil oral tablet 23 mg</i> (Aricept)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil oral tablet, disintegrating 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>donepezil oral tablet, disintegrating 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ergoloid oral tablet 1 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>galantamine oral capsule, ext rel. pellets 24 hr 16 mg, 24 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine oral solution 4 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (200 per 30 days)
<i>galantamine oral tablet 12 mg, 4 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine oral capsule, sprinkle, er 24hr 14 mg, 21 mg, 28 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>memantine oral capsule, sprinkle, er 24hr 7 mg</i> (Namenda XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>memantine oral solution 2 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>memantine oral tablet 10 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine tartrate oral capsule 1.5 mg, 3 mg, 4.5 mg, 6 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>rivastigmine transdermal patch 24 hour 13.3 mg/24 hour, 4.6 mg/24 hour, 9.5 mg/24 hour</i> (Exelon Patch)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<b>Antidepressants</b>		
<b>Antidepressants</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>amitriptyline oral tablet 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amoxapine oral tablet 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
AUVELITY ORAL TABLET, IR AND ER, BIPHASIC 45-105 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS
<i>bupropion hcl oral tablet 100 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bupropion hcl oral tablet extended release 24 hr 150 mg, 300 mg</i> (Wellbutrin XL)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bupropion hcl oral tablet sustained-release 12 hr 100 mg, 150 mg, 200 mg</i> (Wellbutrin SR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>citalopram oral solution 10 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>citalopram oral tablet 10 mg</i> (Celexa)	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>citalopram oral tablet 20 mg, 40 mg</i> (Celexa)	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>clomipramine oral capsule 25 mg, 50 mg, 75 mg</i> (Anafranil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desipramine oral tablet 10 mg, 25 mg</i> (Norpramin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desipramine oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desvenlafaxine succinate oral tablet extended release 24 hr 100 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Pristiq)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>doxepin oral capsule 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxepin oral concentrate 10 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
DRIZALMA SPRINKLE ORAL CAPSULE, DELAYED REL SPRINKLE 20 MG, 30 MG, 60 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST; QL (60 per 30 days)
DRIZALMA SPRINKLE ORAL CAPSULE, DELAYED REL SPRINKLE 40 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>duloxetine oral capsule, delayed release(dr/ec) 20 mg, 30 mg, 60 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
EMSAM TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 12 MG/24 HR, 6 MG/24 HR, 9 MG/24 HR	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate oral solution 5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>escitalopram oxalate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Lexapro)	\$0 (Tier 1)	
EXXUA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 18.2 MG, 36.3 MG, 54.5 MG, 72.6 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
EXXUA ORAL TABLET, EXT REL 24HR DOSE PACK 18.2 MG (32 TABS)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
FETZIMA ORAL CAPSULE,EXT REL 24HR DOSE PACK 20 MG (2)- 40 MG (26)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
FETZIMA ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24 HR 120 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>fluoxetine oral capsule 10 mg, 20 mg</i> (Prozac)	\$0 (Tier 1)	
<i>fluoxetine oral capsule 40 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluoxetine oral solution 20 mg/5 ml (4 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluvoxamine oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>imipramine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MARPLAN ORAL TABLET 10 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>mirtazapine oral tablet 15 mg, 30 mg</i> (Remeron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mirtazapine oral tablet 45 mg, 7.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mirtazapine oral tablet, disintegrating</i> (Remeron SolTab) 15 mg, 30 mg, 45 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nefazodone oral tablet</i> 100 mg, 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nortriptyline oral capsule</i> 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	\$0 (Tier 1)	
<i>nortriptyline oral solution</i> 10 mg/5 ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>paroxetine hcl oral suspension</i> 10 mg/5 ml (Paxil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>paroxetine hcl oral tablet</i> 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg (Paxil)	\$0 (Tier 1)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>paroxetine hcl oral tablet extended release</i> 24 hr 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg (Paxil CR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>perphenazine-amitriptyline oral tablet</i> 2-10 mg, 2-25 mg, 4-10 mg, 4-25 mg, 4-50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>phenelzine oral tablet</i> 15 mg (Nardil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>protriptyline oral tablet</i> 10 mg, 5 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
RALDESY ORAL SOLUTION 10 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1200 per 30 days)
<i>sertraline oral concentrate</i> 20 mg/ml (Zoloft)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sertraline oral tablet</i> 100 mg, 25 mg, 50 mg (Zoloft)	\$0 (Tier 1)	
SPRAVATO NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 28 MG, 56 MG (28 MG X 2), 84 MG (28 MG X 3)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>tranylcypromine oral tablet</i> 10 mg (Parnate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>trazodone oral tablet</i> 100 mg, 150 mg, 300 mg, 50 mg	\$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>trimipramine oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
TRINTELLIX ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine oral capsule, extended release 24hr 150 mg</i> (Effexor XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine oral capsule, extended release 24hr 37.5 mg, 75 mg</i> (Effexor XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>venlafaxine oral tablet 100 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>vilazodone oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg</i> (Viibryd)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ZURZUVAE ORAL CAPSULE 20 MG, 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 14 days)
ZURZUVAE ORAL CAPSULE 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (14 per 14 days)
<b>Antidiabetic Agents</b>		
<b>Antidiabetic Agents, Miscellaneous</b>		
<i>acarbose oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dapagliflozin oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Farxiga)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>dapagliflozin-metformin oral tablet, ir - er, biphasic 24hr 10-1,000 mg, 10-500 mg, 5-1,000 mg, 5-500 mg</i> (Xigduo XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
FARXIGA ORAL TABLET 10 MG, 5 MG (dapagliflozin)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
GLYXAMBI ORAL TABLET 10-5 MG, 25-5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JANUMET ORAL TABLET 50-1,000 MG, 50-500 MG (sitagliptin phosphometformin)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JANUMET XR ORAL TABLET, ER MULTIPHASE 24 HR 100-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
JANUMET XR ORAL TABLET, ER MULTIPHASE 24 HR 50-1,000 MG, 50-500 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JANUVIA ORAL TABLET 100 MG, 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JANUVIA ORAL TABLET 50 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JARDIANCE ORAL TABLET 10 MG, 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JENTADUETO ORAL TABLET (linagliptin-metformin) 2.5-1,000 MG, 2.5-500 MG, 2.5-850 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JENTADUETO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 2.5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JENTADUETO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>metformin oral solution 500 mg/5 ml</i> (Riomet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (765 per 30 days)
<i>metformin oral tablet 1,000 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (75 per 30 days)
<i>metformin oral tablet 500 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (150 per 30 days)
<i>metformin oral tablet 750 mg, 850 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
<i>metformin oral tablet extended release 24 hr 500 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin oral tablet extended release 24 hr 750 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
<i>mifepristone oral tablet 300 mg</i> (Korlym)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
MOUNJARO SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 10 MG/0.5 ML, 12.5 MG/0.5 ML, 15 MG/0.5 ML, 2.5 MG/0.5 ML, 5 MG/0.5 ML, 7.5 MG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 28 days)
<i>nateglinide oral tablet 120 mg, 60 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
OZEMPIC ORAL TABLET 1.5 MG, 4 MG, 9 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
OZEMPIC SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 0.25 MG OR 0.5 MG (2 MG/3 ML), 0.25 MG OR 0.5 MG(2 MG/1.5 ML), 1 MG/DOSE (4 MG/3 ML), 2 MG/DOSE (8 MG/3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (3 per 28 days)
<i>pioglitazone oral tablet 15 mg, 30 mg, 45 mg</i> (Actos)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>pioglitazone-metformin oral tablet 15-500 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
<i>pioglitazone-metformin oral tablet 15-850 mg</i> (Actoplus MET)	\$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
<i>repaglinide oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
<i>repaglinide oral tablet 2 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)
RYBELSUS ORAL TABLET 1.5 MG, 14 MG, 3 MG, 4 MG, 7 MG, 9 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
SYNJARDY ORAL TABLET 12.5-1,000 MG, 12.5-500 MG, 5-1,000 MG, 5-500 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-1,000 MG, 25-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 12.5-1,000 MG, 5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
TRADJENTA ORAL TABLET 5 MG (linagliptin)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-5-1,000 MG, 25-5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 12.5-2.5-1,000 MG, 5-2.5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRULICITY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 0.75 MG/0.5 ML, 1.5 MG/0.5 ML, 3 MG/0.5 ML, 4.5 MG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 28 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-1,000 MG, 10-500 MG (dapagliflozin-metformin)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 2.5-1,000 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 5-1,000 MG, 5-500 MG (dapagliflozin-metformin)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<b>Insulins</b>		
FIASP FLEXTOUCH U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
FIASP PENFILL U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML (3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
FIASP PUMPCART SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML (1.6 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply
FIASP U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
HUMULIN R U-500 (CONC) INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 500 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
HUMULIN R U-500 (CONC) KWIKPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 500 UNIT/ML (3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (24 per 28 days)
<i>insulin asp prt-insulin aspart subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (70-30)</i> (Novolog Mix 70-30FlexPen U-100)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>insulin asp prt-insulin aspart subcutaneous solution 100 unit/ml (70-30)</i>	(Novolog Mix 70-30 U-100 Insuln)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
<i>insulin aspart u-100 subcutaneous cartridge 100 unit/ml</i>	(Novolog PenFill U-100 Insulin)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
<i>insulin aspart u-100 subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (3 ml)</i>	(Novolog FlexPen U-100 Insulin)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
<i>insulin aspart u-100 subcutaneous solution 100 unit/ml</i>	(Novolog U-100 Insulin aspart)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
<i>insulin glargine-yfgn subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (3 ml)</i>	(Semglee(insulin glarg-yfgn)Pen)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
<i>insulin glargine-yfgn subcutaneous solution 100 unit/ml</i>	(Semglee(insulin glargine-yfgn))	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
<i>insulin lispro subcutaneous solution 100 unit/ml</i>	(Admelog U-100 Insulin lispro)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
LANTUS SOLOSTAR U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)	(insulin glargine)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
LANTUS U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML	(insulin glargine)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN 70/30 U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML (70-30)		max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN U-100 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (70-30)		max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLIN N FLEXPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)		max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NOVOLIN N NPH U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN R FLEXPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLIN R REGULAR U100 INSULIN INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLOG FLEXPEN U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML) (insulin aspart u-100)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG MIX 70-30 U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML (70-30) (insulin asp prt-insulin aspart)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLOG MIX 70-30FLEXPEN U-100 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (70-30) (insulin asp prt-insulin aspart)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG PENFILL U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML (insulin aspart u-100)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG U-100 INSULIN ASPART SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML (insulin aspart u-100)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
SOLIQUA 100/33 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT-33 MCG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (30 per 30 days)
TOUJEO MAX U-300 SOLOSTAR SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 300 UNIT/ML (3 ML) (insulin glargine u-300 conc)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (18 per 28 days)
TOUJEO SOLOSTAR U-300 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 300 UNIT/ML (1.5 ML) (insulin glargine u-300 conc)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (13.5 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XULTOPHY 100/3.6 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT-3.6 MG /ML (3 ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	max \$35 copay per month supply; QL (15 per 28 days)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride oral tablet 1 mg, 2 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>glimepiride oral tablet 4 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide oral tablet 10 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide oral tablet 2.5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
<i>glipizide oral tablet 5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)
<i>glipizide oral tablet extended release 24hr 10 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide oral tablet extended release 24hr 2.5 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide-metformin oral tablet 2.5-250 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)
<i>glipizide-metformin oral tablet 2.5-500 mg, 5-500 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
<i>glyburide micronized oral tablet 1.5 mg, 3 mg, 6 mg</i>	\$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>glyburide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>glyburide-metformin oral tablet 1.25-250 mg, 2.5-500 mg, 5-500 mg</i>	\$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<b>Antifungals</b>		
<b>Antifungals</b>		
ABELCET INTRAVENOUS SUSPENSION 5 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
<i>amphotericin b injection recon soln 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>amphotericin b liposome intravenous suspension for reconstitution 50 mg</i> (AmBisome)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>ciclopirox topical cream 0.77 %</i> (Ciclodan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>ciclopirox topical solution 8 %</i> (Ciclodan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (19.8 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>ciclopirox topical suspension 0.77 %</i> (Loprox (as olamine))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>clotrimazole mucous membrane troche 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clotrimazole topical cream 1 %</i> (Antifungal (clotrimazole))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clotrimazole topical solution 1 %</i> (Athlete's Foot (clotrimazole))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clotrimazole-betamethasone topical cream 1-0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
CRESEMBA INTRAVENOUS RECON SOLN 372 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
CRESEMBA ORAL CAPSULE 186 MG, 74.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>econazole nitrate topical cream 1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (170 per 30 days)
<i>fluconazole in nacl (iso-osm) intravenous piggyback 200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluconazole oral suspension for reconstitution 10 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluconazole oral suspension for reconstitution 40 mg/ml</i> (Diflucan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluconazole oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>flucytosine oral capsule 250 mg, 500 mg</i> (Ancobon)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>griseofulvin microsize oral suspension 125 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>griseofulvin microsize oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>griseofulvin ultramicrosize oral tablet 125 mg, 165 mg, 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>itraconazole oral capsule 100 mg</i> (Sporanox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>ketoconazole oral tablet 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ketoconazole topical cream 2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>ketoconazole topical shampoo 2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (360 per 30 days)
<i>micafungin intravenous recon soln 100 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>miconazole-3 vaginal suppository 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nyamyc topical powder 100,000 unit/gram</i> (nystatin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nystatin oral suspension 100,000 unit/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nystatin oral tablet 500,000 unit</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nystatin topical cream 100,000 unit/gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nystatin topical ointment 100,000 unit/gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nystatin topical powder 100,000 unit/gram</i> (Nyamyc)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nystatin-triamcinolone topical cream 100,000-0.1 unit/g-%</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nystatin-triamcinolone topical ointment 100,000-0.1 unit/gram-%</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nystop topical powder 100,000 unit/gram</i> (nystatin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>posaconazole oral tablet, delayed release (dr/ec) 100 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>terbinafine hcl oral tablet 250 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>voriconazole intravenous recon soln 200 mg</i> (Vfend IV)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>voriconazole oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml (40 mg/ml)</i> (Vfend)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>voriconazole oral tablet 200 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antigout Agents</b>		
<b>Antigout Agents, Other</b>		
<i>allopurinol oral tablet 100 mg</i> (Zyloprim)	\$0 (Tier 1)	
<i>allopurinol oral tablet 300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>colchicine oral capsule 0.6 mg</i> (Mitigare)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>colchicine oral tablet 0.6 mg</i> (Colcris)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>febuxostat oral tablet 40 mg, 80 mg</i> (Uloric)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>probenecid oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>probenecid-colchicine oral tablet 500-0.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antihistamines</b>		
<b>Antihistamines</b>		
<i>hydroxyzine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levocetirizine oral tablet 5 mg</i> (24HR Allergy Relief)	\$0 (Tier 1)	
<b>Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane)</b>		
<b>Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane)</b>		
<i>clindamycin phosphate vaginal cream 2 %</i> (Cleocin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metronidazole vaginal gel 0.75 % (37.5mg/5 gram)</i> (Vandazole)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>terconazole vaginal cream 0.4 %, 0.8 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>terconazole vaginal suppository 80 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antimigraine Agents</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Antimigraine Agents</b>		
AIMOVIG AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 140 MG/ML, 70 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (1 per 30 days)
<i>dihydroergotamine nasal spray, non-aerosol 0.5 mg/pump act. (4 mg/ml)</i> (Migranal)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (8 per 28 days)
EMGALITY PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 120 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 30 days)
EMGALITY SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 120 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 30 days)
EMGALITY SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 300 MG/3 ML (100 MG/ML X 3)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (3 per 30 days)
<i>naratriptan oral tablet 1 mg, 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
NURTEC ODT ORAL TABLET, DISINTEGRATING 75 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (18 per 30 days)
QULIPTA ORAL TABLET 10 MG, 30 MG, 60 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
<i>rizatriptan oral tablet 10 mg</i> (Maxalt)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>rizatriptan oral tablet 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>rizatriptan oral tablet, disintegrating 10 mg</i> (Maxalt-MLT)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>rizatriptan oral tablet, disintegrating 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>sumatriptan 4 mg/0.5 ml inject outer, suv</i> (Imitrex STATdose Pen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>sumatriptan 6 mg/0.5 ml autoinj suv</i> (Imitrex STATdose Pen)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (4 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sumatriptan nasal spray, non-aerosol 20 mg/actuation, 5 mg/actuation</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate oral tablet 100 mg</i> (Imitrex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (9 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate oral tablet 25 mg, 50 mg</i> (Imitrex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate subcutaneous pen injector 4 mg/0.5 ml</i> (Imitrex STATdose Pen)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (4 per 28 days)
<i>sumatriptan succinate subcutaneous pen injector 6 mg/0.5 ml</i> (Imitrex STATdose Pen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>sumatriptan succinate subcutaneous solution 6 mg/0.5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (5 per 28 days)
UBRELVY ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (16 per 30 days)
<b>Antimycobacterials</b>		
<b>Antimycobacterials</b>		
<i>dapsone oral tablet 100 mg, 25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ethambutol oral tablet 100 mg, 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>isoniazid oral tablet 100 mg, 300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
PRIFTIN ORAL TABLET 150 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>pyrazinamide oral tablet 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>rifabutin oral capsule 150 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>rifampin intravenous recon soln 600 mg</i> (Rifadin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>rifampin oral capsule 150 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
SIRTURO ORAL TABLET 100 MG, 20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TRECATOR ORAL TABLET 250 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Antinausea Agents</b>		
<b>Antinausea Agents</b>		
<i>aprepitant oral capsule 125 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (2 per 28 days)
<i>aprepitant oral capsule 40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (1 per 28 days)
<i>aprepitant oral capsule 80 mg</i> (Emend)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (4 per 28 days)
<i>aprepitant oral capsule, dose pack 125 mg (1)- 80 mg (2)</i> (Emend)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>compro rectal suppository 25 mg</i> (prochlorperazine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dronabinol oral capsule 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i> (Marinol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
<i>meclizine oral tablet 12.5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>meclizine oral tablet 25 mg</i> (Dramamine (meclizine))	\$0 (Tier 1)	
<i>ondansetron hcl oral tablet 4 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>ondansetron oral tablet, disintegrating 4 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>prochlorperazine edisylate injection solution 10 mg/2 ml (5 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>prochlorperazine maleate oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Compazine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>prochlorperazine rectal suppository 25 mg</i> (Compro)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>promethazine injection solution 25 mg/ml</i> (Phenergan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>promethazine oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>promethazine rectal suppository 25 mg</i> (Promethegan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>promethegan rectal suppository 12.5 mg, 25 mg</i> (promethazine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>scopolamine base transdermal patch</i> (Transderm-Scop) 3 day 1 mg over 3 days	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (10 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
<b>Antiparasite Agents</b>		
<b>Antiparasite Agents</b>		
<i>albendazole oral tablet 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atovaquone oral suspension 750 mg/5 ml</i> (Mepron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atovaquone-proguanil oral tablet 250-100 mg</i> (Malarone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atovaquone-proguanil oral tablet 62.5-25 mg</i> (Malarone Pediatric)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>chloroquine phosphate oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
COARTEM ORAL TABLET 20-120 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>hydroxychloroquine oral tablet 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>hydroxychloroquine oral tablet 200 mg</i> (Plaquenil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>hydroxychloroquine oral tablet 300 mg</i> (Sovuna)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>hydroxychloroquine oral tablet 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
IMPAVIDO ORAL CAPSULE 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
<i>ivermectin oral tablet 3 mg</i> (Stromectol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ivermectin oral tablet 6 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mefloquine oral tablet 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nitazoxanide oral tablet 500 mg</i> (Alinia)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pentamidine inhalation recon soln 300 mg</i> (Nebupent)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>pentamidine injection recon soln 300 mg</i> (Pentam)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>praziquantel oral tablet 600 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
PRIMAQUINE ORAL TABLET 26.3 MG (15 MG BASE)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>pyrimethamine oral tablet 25 mg</i> (Daraprim)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>quinine sulfate oral capsule 324 mg</i> (Quaaliquin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>tinidazole oral tablet 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antiparkinsonian Agents</b>		
<b>Antiparkinsonian Agents</b>		
<i>amantadine hcl oral capsule 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amantadine hcl oral solution 50 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amantadine hcl oral tablet 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>benztropine oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>benztropine oral tablet 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bromocriptine oral tablet 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cabergoline oral tablet 0.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbidopa-levodopa oral tablet 10-100 mg</i> (Sinemet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbidopa-levodopa oral tablet 25-100 mg</i> (Dhivy)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbidopa-levodopa oral tablet 25-250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carbidopa-levodopa oral tablet extended release 25-100 mg, 50-200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carbidopa-levodopa oral tablet, disintegrating 10-100 mg, 25-100 mg, 25-250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>entacapone oral tablet 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
KYNMOBI SUBLINGUAL FILM 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (150 per 30 days)
KYNMOBI SUBLINGUAL FILM 10-15-20-25-30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ONAPGO SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 4.9 MG/ ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (600 per 30 days)
<i>pramipexole oral tablet 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>rasagiline oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i> (Azilect)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ropinirole oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ropinirole oral tablet extended release 24 hr 2 mg, 4 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>selegiline hcl oral capsule 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>selegiline hcl oral tablet 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>trihexyphenidyl oral tablet 2 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
VYALEV CONTIN. SUBCUTANEOUS INFUSION SOLUTION 12-240 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (560 per 28 days)

**Antipsychotic Agents**

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 720 MG/2.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.4 per 42 days)
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 960 MG/3.2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.2 per 42 days)
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL RECON 300 MG, 400 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 300 MG, 400 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
<i>aripiprazole oral solution 1 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aripiprazole oral tablet 10 mg, 15 mg, 2 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg</i> (Abilify)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aripiprazole oral tablet, disintegrating 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (90 per 30 days)
<i>aripiprazole oral tablet, disintegrating 15 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (60 per 30 days)
ARISTADA INITIO INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 675 MG/2.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (4.8 per 365 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 1,064 MG/3.9 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.9 per 14 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 441 MG/1.6 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.6 per 14 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 662 MG/2.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.4 per 14 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRINGE 882 MG/3.2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.2 per 14 days)
<i>asenapine maleate sublingual tablet</i> (Saphris) 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPLYTA ORAL CAPSULE 10.5 MG, 21 MG, 42 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>chlorpromazine injection solution</i> 25 mg/ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>chlorpromazine oral concentrate</i> 100 mg/ml, 30 mg/ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>chlorpromazine oral tablet</i> 10 mg, 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clozapine oral tablet</i> 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg (Clozaril)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clozapine oral tablet,disintegrating</i> 100 mg, 12.5 mg, 25 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (90 per 30 days)
<i>clozapine oral tablet,disintegrating</i> 150 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (180 per 30 days)
<i>clozapine oral tablet,disintegrating</i> 200 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (120 per 30 days)
COBENFY ORAL CAPSULE 100-20 MG, 125-30 MG, 50-20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
COBENFY STARTER PACK ORAL CAPSULE,DOSE PACK 50 MG-20 MG /100 MG-20 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 117 MG/0.75 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.75 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 156 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 234 MG/1.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.5 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 351 MG/2.25 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.25 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 39 MG/0.25 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.25 per 21 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 78 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.5 per 21 days)
FANAPT ORAL TABLET 1 MG, 10 MG, 12 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG, 8 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
FANAPT TITRATION PACK A ORAL TABLETS,DOSE PACK 1MG(2)-2MG(2)- 4MG(2)-6MG(2)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
FANAPT TITRATION PACK B ORAL TABLETS,DOSE PACK 1 MG(6)-2MG(2)- 6 MG(2)-8 MG(2)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
FANAPT TITRATION PACK C ORAL TABLETS,DOSE PACK 1 MG(4)-2 MG(2) -6 MG (2)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
<i>fluphenazine decanoate injection solution 25 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluphenazine hcl injection solution 2.5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluphenazine hcl oral concentrate 5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluphenazine hcl oral elixir 2.5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluphenazine hcl oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>haloperidol decanoate intramuscular solution 100 mg/ml, 100 mg/ml (1 ml), 50 mg/ml, 50 mg/ml(1ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>haloperidol lactate injection solution 5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>haloperidol lactate intramuscular syringe 5 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>haloperidol lactate oral concentrate 2 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>haloperidol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,092 MG/3.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.5 per 166 days)
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,560 MG/5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (5 per 166 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 117 MG/0.75 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.75 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 156 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 234 MG/1.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.5 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 39 MG/0.25 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (0.25 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 78 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.5 per 21 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 273 MG/0.88 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.88 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 410 MG/1.32 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.32 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 546 MG/1.75 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.75 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 819 MG/2.63 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.63 per 70 days)
<i>loxapine succinate oral capsule 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lurasidone oral tablet 120 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg</i> (Latuda)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>lurasidone oral tablet 80 mg</i> (Latuda)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYBALVI ORAL TABLET 10-10 MG, 15-10 MG, 20-10 MG, 5-10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
<i>molindone oral tablet 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
<i>molindone oral tablet 25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (270 per 30 days)
<i>molindone oral tablet 5 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (120 per 30 days)
NUPLAZID ORAL CAPSULE 34 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
NUPLAZID ORAL TABLET 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine intramuscular recon soln 10 mg</i> (Zyprexa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Zyprexa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>olanzapine oral tablet 15 mg, 7.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>olanzapine oral tablet, disintegrating 10 mg, 15 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Zyprexa Zydis)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
OPIPZA ORAL FILM 10 MG, 2 MG, 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS
<i>paliperidone oral tablet extended release 24hr 1.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone oral tablet extended release 24hr 3 mg, 9 mg</i> (Invega)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone oral tablet extended release 24hr 6 mg</i> (Invega)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>perphenazine oral tablet 16 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
PERSERIS SUBCUTANEOUS SUSPENSION, EXTENDED REL SYRING 120 MG, 90 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pimozide oral tablet 1 mg, 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>prochlorperazine 10 mg/2 ml vial inner 10 mg/2 ml (5 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>quetiapine oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 300 mg, 400 mg, 50 mg</i> (Seroquel)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>quetiapine oral tablet 150 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>quetiapine oral tablet extended release 24 hr 150 mg, 200 mg, 300 mg, 400 mg, 50 mg</i> (Seroquel XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
REXULTI ORAL TABLET 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
<i>risperidone microspheres intramuscular suspension, extended rel recon 12.5 mg/2 ml</i> (Risperdal Consta)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
<i>risperidone microspheres intramuscular suspension, extended rel recon 25 mg/2 ml</i> (Rykindo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
<i>risperidone microspheres intramuscular suspension, extended rel recon 37.5 mg/2 ml, 50 mg/2 ml</i> (Rykindo)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
<i>risperidone oral solution 1 mg/ml</i> (Risperdal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>risperidone oral tablet 0.25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>risperidone oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i> (Risperdal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>risperidone oral tablet, disintegrating 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
RYKINDO INTRAMUSCULAR SUSPENSION, EXTENDED REL RECON 25 MG/2 ML, 37.5 MG/2 ML, 50 MG/2 ML (risperidone microspheres)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SECUADO TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 3.8 MG/24 HOUR, 5.7 MG/24 HOUR, 7.6 MG/24 HOUR	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>thioridazine oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>thiothixene oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>trifluoperazine oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 100 MG/0.28 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.28 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 125 MG/0.35 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.35 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 150 MG/0.42 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.42 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 200 MG/0.56 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.56 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 250 MG/0.7 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.7 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 50 MG/0.14 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.14 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 75 MG/0.21 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.21 per 28 days)
VERSACLOZ ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (540 per 30 days)
VRAYLAR ORAL CAPSULE 0.5 MG, 0.75 MG, 1.5 MG, 3 MG, 4.5 MG, 6 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VRAYLAR ORAL CAPSULE,DOSE PACK 1.5 MG (1)- 3 MG (6)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
<i>ziprasidone hcl oral capsule 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg</i> (Geodon)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ziprasidone mesylate intramuscular recon soln 20 mg/ml (final conc.)</i> (Geodon)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (6 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 210 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (2 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 405 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 28 days)
<b>Antivirals (Systemic)</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir oral solution 20 mg/ml</i> (Ziagen)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>abacavir oral tablet 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>abacavir-lamivudine oral tablet 600-300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
APTIVUS ORAL CAPSULE 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>atazanavir oral capsule 150 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atazanavir oral capsule 200 mg, 300 mg</i> (Reyataz)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
BIKTARVY ORAL TABLET 30-120-15 MG, 50-200-25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
CABENUVA INTRAMUSCULAR SUSPENSION, EXTENDED RELEASE 400 MG/2 ML- 600 MG/2 ML, 600 MG/3 ML- 900 MG/3 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>cabotegravir intramuscular suspension, extended release 400 mg/2 ml (200 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 365 days)
<i>cabotegravir intramuscular suspension, extended release 600 mg/3 ml (200 mg/ml)</i> (Apretude)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 365 days)
CIMDUO ORAL TABLET 300-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>darunavir oral tablet 600 mg</i> (Prezista)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>darunavir oral tablet 800 mg</i> (Prezista)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
DELSTRIGO ORAL TABLET 100-300-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
DESCOVY ORAL TABLET 120-15 MG, 200-25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>didanosine oral capsule, delayed release(dr/ec) 250 mg, 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
DOVATO ORAL TABLET 50-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
EDURANT ORAL TABLET 25 MG (rilpivirine hcl)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
EDURANT PED ORAL TABLET FOR SUSPENSION 2.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>efavirenz oral capsule 200 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>efavirenz oral tablet 600 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>efavirenz-emtricitabin-tenofovir oral tablet 600-200-300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>efavirenz-lamivu-tenofovir disoproxil fumarate oral tablet 400-300-300 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>efavirenz-lamivu-tenofovir disoproxil fumarate oral tablet 600-300-300 mg</i> (Symfi)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>emtricitabine oral capsule 200 mg</i> (Emtriva)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>emtricitabine-tenofovir (tdf) oral tablet 100-150 mg, 167-250 mg, 200-300 mg</i> (Truvada)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>emtricitabine-tenofovir (tdf) oral tablet 133-200 mg</i> (Truvada)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>emtricitabine-tenofovir (tdf) oral tablet 200-25-300 mg</i> (Complera)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
EMTRIVA ORAL SOLUTION 10 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
EPIVIR HBV ORAL SOLUTION 25 MG/5 ML (5 MG/ML)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>etravirine oral tablet 100 mg, 200 mg</i> (Intence) (Intence)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
EVOTAZ ORAL TABLET 300-150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>fosamprenavir oral tablet 700 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
FUZEON SUBCUTANEOUS RECON SOLN 90 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
GENVOYA ORAL TABLET 150-150-200-10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
INTELENCE ORAL TABLET 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
ISENTRESS HD ORAL TABLET 600 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL POWDER IN PACKET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL TABLET 400 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
ISENTRESS ORAL TABLET,CHEWABLE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL TABLET,CHEWABLE 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
JULUCA ORAL TABLET 50-25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
KALETRA ORAL SOLUTION 400-100 MG/5 ML (lopinavir-ritonavir)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (480 per 30 days)
<i>lamivudine oral solution 10 mg/ml</i> (Epivir)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lamivudine oral tablet 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lamivudine oral tablet 150 mg, 300 mg</i> (Epivir)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lamivudine-zidovudine oral tablet 150-300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
LEXIVA ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>lopinavir-ritonavir oral solution 400-100 mg/5 ml</i> (Kaletra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (480 per 30 days)
<i>lopinavir-ritonavir oral tablet 100-25 mg</i> (Kaletra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>lopinavir-ritonavir oral tablet 200-50 mg</i> (Kaletra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>maraviroc oral tablet 150 mg, 300 mg</i> (Selzentry)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>nevirapine oral suspension 50 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
<i>nevirapine oral tablet 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nevirapine oral tablet extended release 24 hr 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>nevirapine oral tablet extended release 24 hr 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
NORVIR ORAL POWDER IN PACKET 100 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NORVIR ORAL SOLUTION 80 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
ODEFSEY ORAL TABLET 200-25-25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PIFELTRO ORAL TABLET 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PREZCOBIX ORAL TABLET 675-150 MG, 800-150 MG-MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PREZISTA ORAL SUSPENSION 100 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PREZISTA ORAL TABLET 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PREZISTA ORAL TABLET 75 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
RETROVIR INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
REYATAZ ORAL POWDER IN PACKET 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>rilpivirine hcl oral tablet 25 mg</i> (Edurant)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>rilpivirine intramuscular suspension, extended release 600 mg/2 ml (300 mg/ml), 900 mg/3 ml (300 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>ritonavir oral tablet 100 mg</i> (Norvir)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
RUKOBIA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 12 HR 600 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
SELZENTRY ORAL SOLUTION 20 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
SELZENTRY ORAL TABLET 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
SELZENTRY ORAL TABLET 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>stavudine oral capsule 15 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
STRIBILD ORAL TABLET 150-150-200-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
SUNLENCA ORAL TABLET 300 MG, 300 MG (4-TABLET PACK), 300 MG (5-TABLET PACK)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
SUNLENCA SUBCUTANEOUS SOLUTION 309 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
SYM TUZA ORAL TABLET 800-150-200-10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TEMIXYS ORAL TABLET 300-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>tenofovir disoproxil fumarate oral tablet 300 mg</i> (Viread)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
TIVICAY ORAL TABLET 10 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
TIVICAY ORAL TABLET 25 MG, 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TIVICAY PD ORAL TABLET FOR SUSPENSION 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TRIUMEQ ORAL TABLET 600-50-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
TRIUMEQ PD ORAL TABLET FOR SUSPENSION 60-5-30 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
TRIZIVIR ORAL TABLET 300-150-300 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
TROGARZO INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/1.33 ML (150 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
VEMLIDY ORAL TABLET 25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
VIRACEPT ORAL TABLET 250 MG, 625 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
VIREAD ORAL POWDER 40 MG/SCOOP (40 MG/GRAM)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VIREAD ORAL TABLET 150 MG, 200 MG, 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
VOCABRIA ORAL TABLET 30 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>zidovudine oral capsule 100 mg</i> (Retrovir)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>zidovudine oral syrup 10 mg/ml</i> (Retrovir)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>zidovudine oral tablet 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Antivirals, Miscellaneous</b>		
LIVTENCITY ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>oseltamivir oral capsule 30 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (84 per 180 days)
<i>oseltamivir oral capsule 45 mg</i> (Tamiflu)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (48 per 180 days)
<i>oseltamivir oral capsule 75 mg</i> (Tamiflu)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (42 per 180 days)
<i>oseltamivir oral suspension for reconstitution 6 mg/ml</i> (Tamiflu)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (540 per 180 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 150 MG (10)- 100 MG (10)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (20 per 5 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 150 MG (6)- 100 MG (5)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (11 per 28 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 300 MG (150 MG X 2)-100 MG	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 5 days)
PREVYMIS ORAL TABLET 240 MG, 480 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
RELENZA DISKHALER INHALATION BLISTER WITH DEVICE 5 MG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (60 per 180 days)
<b>Hcv Antivirals</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
EPCLUSA ORAL PELLETS IN PACKET 150-37.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
EPCLUSA ORAL PELLETS IN PACKET 200-50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
EPCLUSA ORAL TABLET 200-50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
EPCLUSA ORAL TABLET 400-100 (sofosbuvir-velpatasvir) MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
HARVONI ORAL PELLETS IN PACKET 33.75-150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
HARVONI ORAL PELLETS IN PACKET 45-200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
HARVONI ORAL TABLET 45-200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
HARVONI ORAL TABLET 90-400 (ledipasvir-sofosbuvir) MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
VOSEVI ORAL TABLET 400-100-100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
<b>Interferons</b>		
PEGASYS SUBCUTANEOUS SOLUTION 180 MCG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PEGASYS SUBCUTANEOUS SYRINGE 180 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Nucleosides And Nucleotides</b>		
<i>acyclovir oral capsule 200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acyclovir oral suspension 200 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>acyclovir oral tablet 400 mg, 800 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>acyclovir sodium intravenous solution 50 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>adefovir oral tablet 10 mg</i> (Hepsera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>entecavir oral tablet 0.5 mg, 1 mg</i> (Baraclude)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>famciclovir oral tablet 125 mg, 250 mg, 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ribavirin oral tablet 200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>valacyclovir oral tablet 1 gram, 500 mg</i> (Valtrex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>valganciclovir oral recon soln 50 mg/ml</i> (Valcyte)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>valganciclovir oral tablet 450 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Blood Products/Modifiers/Volume Expanders</b>		
<b>Anticoagulants</b>		
<i>dabigatran etexilate oral capsule 110 mg, 150 mg, 75 mg</i> (Pradaxa)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS DVT-PE TREAT 30D START ORAL TABLETS,DOSE PACK 5 MG (74 TABS)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
ELIQUIS ORAL TABLET 2.5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET 5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (74 per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET FOR SUSPENSION 0.5 MG, 1.5 MG (0.5 MG X 3), 2 MG (0.5 MG X 4)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (960 per 30 days)
ELIQUIS SPRINKLE ORAL CAPSULE, SPRINKLE 0.15 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>enoxaparin subcutaneous syringe 100 mg/ml, 150 mg/ml</i> (Lovenox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>enoxaparin subcutaneous syringe 120 mg/0.8 ml, 80 mg/0.8 ml</i> (Lovenox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (48 per 30 days)
<i>enoxaparin subcutaneous syringe 30 mg/0.3 ml</i> (Lovenox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
<i>enoxaparin subcutaneous syringe 40 mg/0.4 ml</i> (Lovenox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>enoxaparin subcutaneous syringe 60 mg/0.6 ml</i> (Lovenox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
<i>fondaparinux subcutaneous syringe 10 mg/0.8 ml</i> (Arixtra)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 30 days)
<i>fondaparinux subcutaneous syringe 2.5 mg/0.5 ml</i> (Arixtra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (15 per 30 days)
<i>fondaparinux subcutaneous syringe 5 mg/0.4 ml</i> (Arixtra)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (12 per 30 days)
<i>fondaparinux subcutaneous syringe 7.5 mg/0.6 ml</i> (Arixtra)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (18 per 30 days)
<i>heparin (porcine) injection solution 1,000 unit/ml, 10,000 unit/ml, 20,000 unit/ml, 5,000 unit/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>jantoven oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg</i> (warfarin)	\$0 (Tier 1)	
<i>rivaroxaban oral suspension for reconstitution 1 mg/ml</i> (Xarelto)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (600 per 30 days)
<i>rivaroxaban oral tablet 2.5 mg</i> (Xarelto)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>warfarin oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg</i> (Jantoven)	\$0 (Tier 1)	
XARELTO DVT-PE TREAT 30D START ORAL TABLETS,DOSE PACK 15 MG (42)- 20 MG (9)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
XARELTO ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1 MG/ML (rivaroxaban)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (600 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 10 MG, 20 MG (rivaroxaban)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 15 MG (rivaroxaban)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 2.5 MG (rivaroxaban)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (60 per 30 days)
<b>Blood Formation Modifiers</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ALVAIZ ORAL TABLET 18 MG, 36 MG, 54 MG, 9 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine oral powder in packet 12.5 mg</i> (Promacta)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine oral powder in packet 25 mg</i> (Promacta)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine oral tablet 12.5 mg</i> (Promacta)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine oral tablet 25 mg</i> (Promacta)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine oral tablet 50 mg, 75 mg</i> (Promacta)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
HAEGARDA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 2,000 UNIT	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
HAEGARDA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 3,000 UNIT	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (20 per 30 days)
NIVESTYM INJECTION SOLUTION 300 MCG/ML, 480 MCG/1.6 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NIVESTYM SUBCUTANEOUS SYRINGE 300 MCG/0.5 ML, 480 MCG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NYVEPRIA SUBCUTANEOUS SYRINGE 6 MG/0.6 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
RETACRIT INJECTION SOLUTION 10,000 UNIT/ML, 2,000 UNIT/ML, 20,000 UNIT/2 ML, 20,000 UNIT/ML, 3,000 UNIT/ML, 4,000 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (12 per 28 days)
RETACRIT INJECTION SOLUTION 40,000 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (4 per 28 days)
UDENYCA ONBODY SUBCUTANEOUS SYRINGE, W/ WEARABLE INJECTOR 6 MG/0.6 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Hematologic Agents, Miscellaneous</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>anagrelide oral capsule 0.5 mg</i> (Agrylin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>anagrelide oral capsule 1 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tranexamic acid oral tablet 650 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Platelet-Aggregation Inhibitors</b>		
<i>aspirin-dipyridamole oral capsule, er multiphase 12 hr 25-200 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cilostazol oral tablet 100 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clopidogrel oral tablet 75 mg</i> (Plavix)	\$0 (Tier 1)	
<i>dipyridamole oral tablet 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>pentoxifylline oral tablet extended release 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>prasugrel hcl oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Effient)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ticagrelor oral tablet 60 mg, 90 mg</i> (Brilinta)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Caloric Agents</b>		
<b>Caloric Agents</b>		
CLINIMIX 6%-D5W (SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 6-5 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX 8%-D10W(SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-10 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX 8%-D14W(SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-14 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX E 8%-D10W SULFITEFREE INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-10 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CLINIMIX E 8%-D14W SULFITEFREE INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-14 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
<i>dextrose 5 % in water (d5w)</i> <i>intravenous parenteral solution</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Cardiovascular Agents</b>		
<b>Alpha-Adrenergic Agents</b>		
<i>clonidine hcl oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg, 0.3 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clonidine transdermal patch weekly 0.1 mg/24 hr</i> (Catapres-TTS-1)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clonidine transdermal patch weekly 0.2 mg/24 hr</i> (Catapres-TTS-2)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clonidine transdermal patch weekly 0.3 mg/24 hr</i> (Catapres-TTS-3)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>doxazosin oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg</i> (Cardura)	\$0 (Tier 1)	
<i>droxidopa oral capsule 100 mg</i> (Northera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (180 per 30 days)
<i>droxidopa oral capsule 200 mg, 300 mg</i> (Northera)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
<i>guanfacine oral tablet 1 mg, 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>midodrine oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>prazosin oral capsule 1 mg, 2 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Angiotensin II Receptor Antagonists</b>		
<i>candesartan oral tablet 16 mg, 32 mg, 4 mg, 8 mg</i> (Atacand)	\$0 (Tier 6)	
<i>candesartan-hydrochlorothiazid oral tablet 16-12.5 mg, 32-12.5 mg, 32-25 mg</i> (Atacand HCT)	\$0 (Tier 6)	
ENTRESTO ORAL TABLET 24-26 MG, 49-51 MG, 97-103 MG (sacubitril-valsartan)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ENTRESTO SPRINKLE ORAL PELLETT 15-16 MG, 6-6 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>irbesartan oral tablet 150 mg, 300 mg</i> (Avapro)	\$0 (Tier 6)	
<i>irbesartan oral tablet 75 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide oral tablet 150-12.5 mg, 300-12.5 mg</i> (Avalide)	\$0 (Tier 6)	
<i>losartan oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Cozaar)	\$0 (Tier 6)	
<i>losartan-hydrochlorothiazide oral tablet 100-12.5 mg, 100-25 mg, 50-12.5 mg</i> (Hyzaar)	\$0 (Tier 6)	
<i>olmesartan oral tablet 20 mg, 40 mg, 5 mg</i> (Benicar)	\$0 (Tier 6)	
<i>olmesartan-amlodipin-hcthiiazid oral tablet 20-5-12.5 mg, 40-10-12.5 mg, 40-10-25 mg, 40-5-12.5 mg, 40-5-25 mg</i> (Tribenzor)	\$0 (Tier 6)	
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide oral tablet 20-12.5 mg, 40-12.5 mg, 40-25 mg</i> (Benicar HCT)	\$0 (Tier 6)	
<i>sacubitril-valsartan oral tablet 24-26 mg, 49-51 mg, 97-103 mg</i> (Entresto)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>telmisartan oral tablet 20 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>telmisartan oral tablet 40 mg, 80 mg</i> (Micardis)	\$0 (Tier 6)	
<i>telmisartan-hydrochlorothiazid oral tablet 40-12.5 mg, 80-12.5 mg, 80-25 mg</i> (Micardis HCT)	\$0 (Tier 6)	
<i>valsartan oral tablet 160 mg, 320 mg, 40 mg, 80 mg</i> (Diovan)	\$0 (Tier 6)	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide oral tablet 160-12.5 mg, 160-25 mg, 320-12.5 mg, 320-25 mg, 80-12.5 mg</i> (Diovan HCT)	\$0 (Tier 6)	
<b>Angiotensin-Converting Enzyme Inhibitors</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>benazepril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg</i> (Lotensin)	\$0 (Tier 6)	
<i>benazepril oral tablet 5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>benazepril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg</i> (Lotensin HCT)	\$0 (Tier 6)	
<i>benazepril-hydrochlorothiazide oral tablet 5-6.25 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>captopril oral tablet 100 mg, 12.5 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>enalapril maleate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Vasotec)	\$0 (Tier 6)	
<i>enalapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-25 mg</i> (Vaseretic)	\$0 (Tier 6)	
<i>enalapril-hydrochlorothiazide oral tablet 5-12.5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>fosinopril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>fosinopril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>lisinopril oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 5 mg</i> (Zestril)	\$0 (Tier 6)	
<i>lisinopril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg</i> (Zestoretic)	\$0 (Tier 6)	
<i>moexipril oral tablet 15 mg, 7.5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>perindopril erbumine oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>quinapril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>ramipril oral capsule 1.25 mg, 2.5 mg, 5 mg</i> (Altace)	\$0 (Tier 6)	
<i>ramipril oral capsule 10 mg</i>	\$0 (Tier 6)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>trandolapril oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<b>Antiarrhythmic Agents</b>		
<i>amiodarone oral tablet 100 mg, 200 mg</i> (Pacerone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>amiodarone oral tablet 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dofetilide oral capsule 125 mcg, 250 mcg, 500 mcg</i> (Tikosyn)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>flecainide oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MULTAQ ORAL TABLET 400 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>pacerone oral tablet 100 mg, 200 mg, 400 mg</i> (amiodarone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>propafenone oral capsule, extended release 12 hr 225 mg, 325 mg, 425 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>propafenone oral tablet 150 mg, 225 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>quinidine sulfate oral tablet 200 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Beta-Adrenergic Blocking Agents</b>		
<i>acebutolol oral capsule 200 mg, 400 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atenolol oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Tenormin)	\$0 (Tier 1)	
<i>atenolol-chlorthalidone oral tablet 100-25 mg</i> (Tenoretic 100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>atenolol-chlorthalidone oral tablet 50-25 mg</i> (Tenoretic 50)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bisoprolol fumarate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide oral tablet 10-6.25 mg, 2.5-6.25 mg, 5-6.25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carvedilol oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 3.125 mg, 6.25 mg</i> (Coreg)	\$0 (Tier 1)	
<i>labetalol oral tablet 100 mg, 200 mg, 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metoprolol succinate oral tablet extended release 24 hr 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Toprol XL)	\$0 (Tier 1)	
<i>metoprolol ta-hydrochlorothiaz oral tablet 50-25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metoprolol tartrate oral tablet 100 mg, 50 mg</i> (Lopressor)	\$0 (Tier 1)	
<i>metoprolol tartrate oral tablet 25 mg, 37.5 mg, 75 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nebivolol oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Bystolic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>propranolol oral capsule, extended release 24 hr 120 mg, 160 mg, 60 mg, 80 mg</i> (Inderal LA)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>propranolol oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sorine oral tablet 120 mg, 160 mg, 240 mg, 80 mg</i> (sotalol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sotalol af oral tablet 120 mg, 160 mg, 80 mg</i> (sotalol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sotalol oral tablet 120 mg, 160 mg, 80 mg</i> (Sotalol AF)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sotalol oral tablet 240 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>timolol maleate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Calcium-Channel Blocking Agents</b>		
<i>cartia xt oral capsule, extended release 24hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg</i> (diltiazem hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem 24hr er 360 mg cap once-a-day dosage</i> (Tiadylt ER)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>diltiazem 24hr er 420 mg cap</i> (Tiadylt ER)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl oral capsule,extended release 12 hr 120 mg, 60 mg, 90 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl oral capsule,extended release 24 hr 180 mg, 360 mg, 420 mg</i> (Tiadylt ER)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl oral capsule,extended release 24hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg</i> (Cartia XT)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl oral tablet 120 mg, 30 mg, 60 mg</i> (Cardizem)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl oral tablet 90 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dilt-xr oral capsule,ext.rel 24h degradable 120 mg, 180 mg, 240 mg</i> (diltiazem hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>taztia xt oral capsule,extended release 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg</i> (diltiazem hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tiadylt er oral capsule,extended release 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg, 420 mg</i> (diltiazem hcl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>verapamil oral capsule,ext rel. pellets 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>verapamil oral capsule,ext rel. pellets 24 hr 360 mg</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>verapamil oral tablet 120 mg, 40 mg, 80 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>verapamil oral tablet extended release 120 mg, 180 mg, 240 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Cardiovascular Agents, Miscellaneous</b>		
ATTRUBY ORAL TABLET 356 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
CAMZYOS ORAL CAPSULE 10 MG, 15 MG, 2.5 MG, 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CORLANOR ORAL SOLUTION 5 MG/5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (600 per 30 days)
<i>digoxin injection syringe 250 mcg/ml (0.25 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>digoxin oral tablet 125 mcg (0.125 mg), 250 mcg (0.25 mg)</i> (Lanoxin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>epinephrine injection auto-injector 0.15 mg/0.15 ml</i> (Auvi-Q)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine injection auto-injector 0.15 mg/0.3 ml</i> (EpiPen Jr)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine injection auto-injector 0.3 mg/0.3 ml</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine injection auto-injector 0.3 mg/0.3 ml</i> (Auvi-Q)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>hydralazine oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>icatibant subcutaneous syringe 30 mg/3 ml</i> (Firazyr)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (18 per 30 days)
<i>ivabradine oral tablet 5 mg, 7.5 mg</i> (Corlanor)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>metyrosine oral capsule 250 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>ranolazine oral tablet extended release 12 hr 1,000 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>ranolazine oral tablet extended release 12 hr 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
VERQUVO ORAL TABLET 10 MG, 2.5 MG, 5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA; QL (30 per 30 days)
VYNDAMAX ORAL CAPSULE 61 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<b>Dihydropyridines</b>		
<i>amlodipine oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i> (Norvasc)	\$0 (Tier 1)	
<i>amlodipine-benazepril oral capsule 10-20 mg, 10-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg</i> (Lotrel)	\$0 (Tier 6)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>amlodipine-benazepril oral capsule</i> 2.5-10 mg, 5-40 mg	\$0 (Tier 6)	
<i>amlodipine-olmesartan oral tablet</i> (Azor) 10-20 mg, 10-40 mg, 5-20 mg, 5-40 mg	\$0 (Tier 6)	
<i>amlodipine-valsartan oral tablet</i> 10-160 mg, 10-320 mg, 5-160 mg, 5-320 mg (Exforge)	\$0 (Tier 6)	
<i>amlodipine-valsartan-hctiazid oral tablet</i> 10-160-12.5 mg, 10-160-25 mg, 10-320-25 mg, 5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg (Exforge HCT)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>felodipine oral tablet extended release</i> 24 hr 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nifedipine oral tablet extended release</i> 24hr 30 mg, 60 mg (Procardia XL)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nifedipine oral tablet extended release</i> 24hr 90 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nifedipine oral tablet extended release</i> 30 mg, 60 mg, 90 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Diuretics</b>		
<i>amiloride oral tablet</i> 5 mg	\$0 (Tier 1)	
<i>amiloride-hydrochlorothiazide oral tablet</i> 5-50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bumetanide oral tablet</i> 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>chlorthalidone oral tablet</i> 25 mg, 50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>furosemide injection solution</i> 10 mg/ml	\$0 (Tier 1)	
<i>furosemide injection syringe</i> 10 mg/ml	\$0 (Tier 1)	
<i>furosemide oral solution</i> 10 mg/ml, 40 mg/5 ml (8 mg/ml)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>furosemide oral tablet</i> 20 mg, 40 mg, 80 mg (Lasix)	\$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hydrochlorothiazide oral capsule 12.5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrochlorothiazide oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>indapamide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
JYNARQUE ORAL TABLET 15 MG, 30 MG (tolvaptan (polycys kidney dis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
<i>metolazone oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>spironolactone oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg</i> (Aldactone)	\$0 (Tier 1)	
<i>spironolacton-hydrochlorothiaz oral tablet 25-25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tolvaptan (polycys kidney dis) oral tablets, sequential 15 mg (am)/ 15 mg (pm), 30 mg (am)/ 15 mg (pm), 45 mg (am)/ 15 mg (pm), 60 mg (am)/ 30 mg (pm), 90 mg (am)/ 30 mg (pm)</i> (Jynarque)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
<i>toremide oral tablet 10 mg, 100 mg, 20 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>triamterene-hydrochlorothiazid oral capsule 37.5-25 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>triamterene-hydrochlorothiazid oral tablet 37.5-25 mg, 75-50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<b>Dyslipidemics</b>		
<i>amlodipine-atorvastatin oral tablet 10-10 mg, 5-10 mg</i> (Caduet)	\$0 (Tier 6)	
<i>amlodipine-atorvastatin oral tablet 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 5-80 mg</i> (Caduet)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-atorvastatin oral tablet 2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 2.5-40 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>atorvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg</i> (Lipitor)	\$0 (Tier 6)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cholestyramine (with sugar) oral powder 4 gram</i> (Questran)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cholestyramine (with sugar) oral powder in packet 4 gram</i> (Questran)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cholestyramine light oral powder in packet 4 gram</i> (cholestyramine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>colesevelam oral powder in packet 3.75 gram</i> (WelChol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>colesevelam oral tablet 625 mg</i> (WelChol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>colestipol oral packet 5 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>colestipol oral tablet 1 gram</i> (Colestid)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ezetimibe oral tablet 10 mg</i> (Zetia)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-10 mg</i> (Vytorin 10-10)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-20 mg</i> (Vytorin 10-20)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-40 mg</i> (Vytorin 10-40)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-80 mg</i> (Vytorin 10-80)	\$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
<i>fenofibrate micronized oral capsule 134 mg, 200 mg, 67 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fenofibrate nanocrystallized oral tablet 145 mg, 48 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fenofibrate oral tablet 160 mg, 54 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluvastatin oral capsule 20 mg, 40 mg</i>	\$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
<i>fluvastatin oral tablet extended release 24 hr 80 mg</i> (Lescol XL)	\$0 (Tier 6)	
<i>gemfibrozil oral tablet 600 mg</i> (Lopid)	\$0 (Tier 1)	
<i>icosapent ethyl oral capsule 0.5 gram</i> (Vascepa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>icosapent ethyl oral capsule 1 gram</i> (Vascepa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>lovastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
NEXLETOL ORAL TABLET 180 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (30 per 30 days)
NEXLIZET ORAL TABLET 180-10 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>niacin oral tablet extended release 24 hr 1,000 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>omega-3 acid ethyl esters oral capsule 1 gram</i> (Lovaza)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (120 per 30 days)
<i>pitavastatin calcium oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg</i> (Livalo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>pravastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<i>prevalite oral powder in packet 4 gram</i> (cholestyramine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
REPATHA PUSHTRONEX SUBCUTANEOUS WEARABLE INJECTOR 420 MG/3.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (7 per 28 days)
REPATHA SURECLICK SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 140 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (6 per 28 days)
REPATHA SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 140 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	ST; QL (6 per 28 days)
<i>rosuvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg</i> (Crestor)	\$0 (Tier 6)	
<i>simvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg</i> (Zocor)	\$0 (Tier 6)	
<i>simvastatin oral tablet 5 mg, 80 mg</i>	\$0 (Tier 6)	
<b>Renin-Angiotensin-Aldosterone System Inhibitors</b>		
<i>aliskiren oral tablet 150 mg, 300 mg</i> (Tekturna)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>eplerenone oral tablet 25 mg</i> (Inspra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>eplerenone oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
KERENDIA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 40 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
<b>Vasodilators</b>		
<i>isosorbide dinitrate oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>isosorbide dinitrate oral tablet 5 mg</i> (Isordil Titradose)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>isosorbide mononitrate oral tablet 10 mg, 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>isosorbide mononitrate oral tablet extended release 24 hr 120 mg, 30 mg, 60 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>minoxidil oral tablet 10 mg, 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nitroglycerin sublingual tablet 0.3 mg, 0.4 mg, 0.6 mg</i> (Nitrostat)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nitroglycerin transdermal patch 24 hour 0.1 mg/hr, 0.2 mg/hr, 0.4 mg/hr, 0.6 mg/hr</i> (Nitro-Dur)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Central Nervous System Agents</b>		
<b>Central Nervous System Agents</b>		
<i>atomoxetine oral capsule 10 mg, 18 mg, 25 mg, 40 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>atomoxetine oral capsule 100 mg, 60 mg, 80 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
AUSTEDO ORAL TABLET 12 MG, 9 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
AUSTEDO ORAL TABLET 6 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 12 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 18 MG, 24 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 30 MG, 36 MG, 42 MG, 48 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 6 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (210 per 30 days)
AUSTEDO XR TITRATION KT(WK1-4) ORAL TABLET, EXT REL 24HR DOSE PACK 12-18-24-30 MG, 6 MG (14)-12 MG (14)-24 MG (14)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
AVONEX INTRAMUSCULAR PEN INJECTOR KIT 30 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
AVONEX INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 30 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
BETASERON SUBCUTANEOUS KIT 0.3 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (15 per 30 days)
<i>dalfampridine oral tablet extended release 12 hr 10 mg</i> (Ampyra)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine oral capsule, extended release 24hr 10 mg, 15 mg, 5 mg</i> (Adderall XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine oral capsule, extended release 24hr 20 mg, 25 mg, 30 mg</i> (Adderall XR)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine oral tablet 10 mg, 12.5 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg</i> (Adderall)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>dimethyl fumarate oral capsule, delayed release(dr/ec) 120 mg</i> (Tecfidera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (14 per 7 days)
<i>dimethyl fumarate oral capsule, delayed release(dr/ec) 120 mg (14)- 240 mg (46)</i> (Tecfidera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>dimethyl fumarate oral capsule, delayed release(dr/ec) 240 mg</i> (Tecfidera)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
<i>fingolimod oral capsule 0.5 mg</i> (Gilenya)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer subcutaneous syringe 20 mg/ml</i> (Glatopa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer subcutaneous syringe 40 mg/ml</i> (Glatopa)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 28 days)
<i>glatopa subcutaneous syringe 20 mg/ml</i> (glatiramer)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>glatopa subcutaneous syringe 40 mg/ml</i> (glatiramer)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 28 days)
<i>guanfacine oral tablet extended release 24 hr 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i> (Intuniv ER)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
INGREZZA INITIATION PK(TARDIV) ORAL CAPSULE,DOSE PACK 40 MG (7)- 80 MG (21)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
INGREZZA ORAL CAPSULE 40 MG, 60 MG, 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
INGREZZA SPRINKLE ORAL CAPSULE, SPRINKLE 40 MG, 60 MG, 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
KESIMPTA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 20 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1.2 per 28 days)
<i>lithium carbonate oral capsule 150 mg, 300 mg, 600 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lithium carbonate oral tablet 300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>lithium carbonate oral tablet extended release 300 mg</i> (Lithobid)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lithium carbonate oral tablet extended release 450 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lithium citrate oral solution 8 meq/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MAVENCLAD (10 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (4 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (5 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (6 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (7 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (8 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (9 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG (cladribine(multiple sclerosis))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAYZENT ORAL TABLET 0.25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
MAYZENT ORAL TABLET 1 MG, 2 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
MAYZENT STARTER(FOR 1MG MAINT) ORAL TABLETS,DOSE PACK 0.25 MG (7 TABS)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
MAYZENT STARTER(FOR 2MG MAINT) ORAL TABLETS,DOSE PACK 0.25 MG (12 TABS)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>methylphenidate hcl oral solution 10 mg/5 ml, 5 mg/5 ml</i> (Methylin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (900 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Ritalin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 125 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 63 MCG/0.5 ML- 94 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS SYRINGE 125 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS SYRINGE 63 MCG/0.5 ML- 94 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>riluzole oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tetrabenazine oral tablet 12.5 mg</i> (Xenazine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (112 per 28 days)
<i>tetrabenazine oral tablet 25 mg</i> (Xenazine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
VUMERITY ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 231 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
<b>Contraceptives</b>		
<b>Contraceptives</b>		
<i>afirmelle oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>altavera (28) oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>alyacen 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(norethindrone-ethin estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>alyacen 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>amethyst (28) oral tablet 90-20 mcg (28)</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>apri oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>aubra eq oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>aurovela 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use	
<i>aurovela 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aurovela 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aurovela fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aurovela fe 1-20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>aviane oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ayuna oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>azurette (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>blisovi 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>blisovi fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>blisovi fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>camila oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>chateal eq (28) oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cryselle (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg</i>	(norgestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cyred eq oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dasetta 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(norethindrone-ethin estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dasetta 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>deblitane oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desog-e.estradiol/e.estradiol oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(Azurette (28))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>desogestrel-ethinyl estradiol oral tablet 0.15-0.03 mg</i> (Apri)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dolishale oral tablet 90-20 mcg (28)</i> (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>elinest oral tablet 0.3-30 mg-mcg</i> (norgestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>eluryng vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr</i> (etonogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
<i>emzahh oral tablet 0.35 mg</i> (norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>enilloring vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr</i> (etonogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
<i>enpresse oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)</i> (levonorg-eth estrad triphasic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>enskyce oral tablet 0.15-0.03 mg</i> (desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>errin oral tablet 0.35 mg</i> (norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>estarylla oral tablet 0.25-0.035 mg</i> (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ethynodiol diac-eth estradiol oral tablet 1-35 mg-mcg</i> (Kelnor 1/35 (28))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ethynodiol diac-eth estradiol oral tablet 1-50 mg-mcg</i> (Valtya)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr</i> (EluRyng)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
<i>falmina (28) oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i> (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>feirza oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7), 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i> (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>femynor oral tablet 0.25-35 mg-mcg</i> (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$0 (Tier 1)	
<i>hailey 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i> (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hailey fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>hailey fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>haloette vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr</i>	(etonogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (1 per 28 days)
<i>heather oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>iclevia oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (91 per 84 days)
<i>incassia oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>introvale oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (91 per 84 days)
<i>isibloom oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>jencycla oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive))	\$0 (Tier 1)
<i>jolessa oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4) QL (91 per 84 days)
<i>juleber oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>junel 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>junel 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>junel fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>junel fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>junel fe 24 oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>kariva (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>kelnor 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(ethynodiol diac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>kelnor 1/50 (28) oral tablet 1-50 mg-mcg</i> (ethynodiol diac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>kurvelo (28) oral tablet 0.15-0.03 mg</i> (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
KYLEENA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 17.5 MCG/24 HR (5 YRS) 19.5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>larin 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg</i> (norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>larin 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg</i> (norethindrone ac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>larin 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i> (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>larin fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i> (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>larin fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i> (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lessina oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i> (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levonest (28) oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)</i> (levonorg-eth estrad triphasic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levonorgest-eth.estradiol-iron oral tablet 0.1 mg-0.02 mg (21)/iron (7)</i> (Balcoltra)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i> (Afirmelle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 0.15-0.03 mg</i> (Altavera (28))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 90-20 mcg (28)</i> (Amethyst (28))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)</i> (Iclevia)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)
<i>levonorg-eth estrad triphasic oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)</i> (Enpresse)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>levora-28 oral tablet 0.15-0.03 mg</i> (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LILETTA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 20.4 MCG/24 HR (8 YRS) 52 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>low-ogestrel (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg</i>	(norgestrel-ethinyl estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>luizza oral tablet 1-20 mg-mcg, 1.5-30 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lutera (28) oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lyleq oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lyza oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>marlissa (28) oral tablet 0.15-0.03 mg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>meleya oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>microgestin 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>microgestin 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg</i>	(norethindrone ac-eth estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>microgestin 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>microgestin fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>microgestin fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mili oral tablet 0.25-0.035 mg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MIRENA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 21 MCG/24HR (UP TO 8 YRS) 52 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>mono-lynyah oral tablet 0.25-0.035 mg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol) \$0 (Tier 1)	
NEXPLANON SUBDERMAL IMPLANT 68 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>norelgestromin-ethin.estradiol transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr</i>	(Xulane) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (3 per 28 days)
<i>norethindrone (contraceptive) oral tablet 0.35 mg</i>	(Jencycla) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(Aurovela Fe 1-20 (28)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)</i>	(Aurovela Fe 1.5/30 (28)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)</i>	(Tilia Fe) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg</i>	(Tri-Lo-Estarylla) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)</i>	(Tri-Estarylla) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.25-0.035 mg</i>	(Mono-Linyah) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nortrel 1/35 (21) oral tablet 1-35 mg-mcg (21)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nortrel 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(norethindrone-ethin estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nortrel 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nylia 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(norethindrone-ethin estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nylia 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>nymyo oral tablet 0.25-35 mg-mcg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>orquidea oral tablet 0.35 mg</i>	(norethindrone (contraceptive)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>pimtrea (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(desog-e.estradiol/e.estradiol) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>portia</i> 28 oral tablet 0.15-0.03 mg (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>reclipsen</i> (28) oral tablet 0.15-0.03 mg (desogestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>setlakin</i> oral tablets, dose pack, 3 month 0.15 mg-30 mcg (91) (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)
<i>sharobel</i> oral tablet 0.35 mg (norethindrone (contraceptive))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>simliya</i> (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5 (desog-e.estradiol/e.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
SKYLA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 14 MCG/24 HR (3 YRS) 13.5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>sprintec</i> (28) oral tablet 0.25-0.035 mg (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sronyx</i> oral tablet 0.1-20 mg-mcg (levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tarina</i> 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4) (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tarina</i> fe 1-20 eq (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7) (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tilia</i> fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9) (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-estarylla</i> oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28) (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-legest</i> fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9) (norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-linyah</i> oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28) (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-lo-estarylla</i> oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-lo-marzia</i> oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tri-lo-mili</i> oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg (norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tri-lo-sprintec oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tri-mili oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tri-nymyo oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg (28)</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tri-sprintec (28) oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>trivora (28) oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)</i>	(levonorg-eth estrad triphasic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tri-vylibra lo oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tri-vylibra oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>turqoz (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg</i>	(norgestrel-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>tyblume oral tablet, chewable 0.1 mg-20 mcg</i>		\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)
<i>valtya oral tablet 1-35 mg-mcg, 1-50 mg-mcg</i>	(ethynodiol diac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>vienva oral tablet 0.1-20 mg-mcg</i>	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>viorele (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>volnea (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5</i>	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>vylibra oral tablet 0.25-0.035 mg</i>	(norgestimate-ethinyl estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>xarah fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)</i>	(norethindrone-e.estradiol-iron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>xulane transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr</i>	(norelgestromin-ethin.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (3 per 28 days)
<i>zafemy transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr</i>	(norelgestromin-ethin.estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (3 per 28 days)
<i>zovia 1-35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg</i>	(ethynodiol diac-eth estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Dental And Oral Agents</b>		
<b>Dental And Oral Agents</b>		
<i>cevimeline oral capsule 30 mg</i>	(Evoxac)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>chlorhexidine gluconate mucous membrane mouthwash 0.12 %</i>	(Periogard)	\$0 (Tier 1)
<i>denta 5000 plus dental cream 1.1 %</i>	(fluoride (sodium))	\$0 (Tier 1)
<i>dentagel dental gel 1.1 %</i>	(fluoride (sodium))	\$0 (Tier 1)
<i>fluoride (sodium) dental gel 1.1 %</i>	(DentaGel)	\$0 (Tier 1)
<i>fluoride (sodium) dental solution 0.2 %</i>	(PreviDent)	\$0 (Tier 1)
<i>perio gard mucous membrane mouthwash 0.12 %</i>	(chlorhexidine gluconate)	\$0 (Tier 1)
<i>pilocarpine hcl oral tablet 5 mg, 7.5 mg</i>	(Salagen (pilocarpine))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>sf 5000 plus dental cream 1.1 %</i>	(fluoride (sodium))	\$0 (Tier 1)
<i>sodium fluoride-pot nitrate dental paste 1.1-5 %</i>	(Denta 5000 Plus Sensitive)	\$0 (Tier 1)
<i>triamcinolone acetamide dental paste 0.1 %</i>	(Kourzeq)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<b>Dermatological Agents</b>		
<b>Dermatological Agents, Other</b>		
<i>acitretin oral capsule 10 mg, 17.5 mg, 25 mg</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>acyclovir topical ointment 5 %</i>	(Zovirax)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (30 per 30 days)
<i>ammonium lactate topical cream 12 %</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>ammonium lactate topical lotion 12 %</i>	(AmLactin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>calcipotriene scalp solution 0.005 %</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (120 per 30 days)
<i>calcipotriene topical cream 0.005 %</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2) QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>calcipotriene topical ointment 0.005 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>fluorouracil topical cream 5 %</i> (Efudex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluorouracil topical solution 2 %, 5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>imiquimod topical cream in packet 5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
KLISYRI (250 MG) TOPICAL OINTMENT IN PACKET 1 %	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (5 per 5 days)
<i>methoxsalen oral capsule, liqd-filled, rapid rel 10 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
PANRETIN TOPICAL GEL 0.1 %	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 28 days)
<i>podofilox topical solution 0.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
SANTYL TOPICAL OINTMENT 250 UNIT/GRAM	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (180 per 30 days)
VALCHLOR TOPICAL GEL 0.016 %	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
<i>zenatane oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg</i> (isotretinoin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Dermatological Antibacterials</b>		
<i>clindamycin phosphate topical solution 1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>clindamycin phosphate topical swab 1 %</i> (Clindacin ETZ)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clindamycin-benzoyl peroxide topical gel 1-5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>erythromycin with ethanol topical solution 2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gentamicin topical cream 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>gentamicin topical ointment 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>metronidazole topical cream 0.75 %</i> (Rosadan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metronidazole topical gel 0.75 %</i> (Rosadan)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metronidazole topical gel 1 %</i> (Metrogel)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mupirocin topical ointment 2 %</i> (Centany)	\$0 (Tier 1)	QL (220 per 30 days)
<i>rosadan topical cream 0.75 %</i> (metronidazole)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>selenium sulfide topical lotion 2.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>silver sulfadiazine topical cream 1 %</i> (SSD)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ssd topical cream 1 %</i> (silver sulfadiazine)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<b>Dermatological Anti-Inflammatory Agents</b>		
<i>ala-cort topical cream 1 %</i> (hydrocortisone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone dipropionate topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone dipropionate topical lotion 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone dipropionate topical ointment 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone valerate topical cream 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone valerate topical lotion 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone valerate topical ointment 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone, augmented topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone, augmented topical gel 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>betamethasone, augmented topical lotion 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betamethasone, augmented topical ointment 0.05 %</i> (Diprolene (augmented))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol scalp solution 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol topical gel 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol topical lotion 0.05 %</i> (Clobex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol topical ointment 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol topical shampoo 0.05 %</i> (Clobex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol-emollient topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>clobetasol-emollient topical foam 0.05 %</i> (Tovet Emollient)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
EUCRISA TOPICAL OINTMENT 2 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>fluocinolone topical cream 0.01 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinolone topical cream 0.025 %</i> (Synalar)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinolone topical ointment 0.025 %</i> (Synalar)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinonide topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinonide topical gel 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinonide topical ointment 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluocinonide topical solution 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluticasone propionate topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>halobetasol propionate topical cream 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>halobetasol propionate topical ointment 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone 2.5% cream</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone topical cream 1 %</i> (Ala-Cort)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone topical cream with perineal applicator 2.5 %</i> (Procto-Med HC)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone topical lotion 2.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone topical ointment 1 %</i> (Anti-Itch (HC))	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone topical ointment 2.5 %</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone valerate topical cream 0.2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mometasone topical cream 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mometasone topical ointment 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mometasone topical solution 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>pimecrolimus topical cream 1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (100 per 30 days)
<i>procto-med hc topical cream with perineal applicator 2.5 %</i> (hydrocortisone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>proctosol hc topical cream with perineal applicator 2.5 %</i> (hydrocortisone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>proctozone-hc topical cream with perineal applicator 2.5 %</i> (hydrocortisone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tacrolimus topical ointment 0.03 %, 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (100 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>triamcinolone acetonide topical cream 0.025 %, 0.1 %</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>triamcinolone acetonide topical cream 0.5 %</i> (Triderm)	\$0 (Tier 1)	
<i>triamcinolone acetonide topical lotion 0.025 %, 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide topical ointment 0.025 %, 0.1 %, 0.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Dermatological Retinoids</b>		
<i>adapalene topical cream 0.1 %</i> (Differin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
ALTRENO TOPICAL LOTION 0.05 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA
<i>tazarotene topical cream 0.1 %</i> (Tazorac)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tretinoin topical cream 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i> (Retin-A)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<b>Scabicides And Pediculicides</b>		
<i>malathion topical lotion 0.5 %</i> (Ovide)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>permethrin topical cream 5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<b>Devices</b>		
<b>Devices</b>		
1ST TIER UNIFINE PENTP 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 8MM 31G STRL,SINGLE-USE,SHRT 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
1ST TIER UNIFINE PNTP 31GX3/16 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTP 32GX5/32 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 0.3 ML 29GX1/2 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 0.5 ML 29GX1/2 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NDL 12.7MM 29G 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLE 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLES 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLES 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ALCOHOL PADS TOPICAL PADS, (alcohol swabs) MEDICATED	\$0 (Tier 1)	PA; ST
ALCOHOL PREP SWABS (alcohol swabs) TOPICAL PADS, MEDICATED	\$0 (Tier 1)	PA; ST
ALCOHOL WIPES TOPICAL PADS, MEDICATED	\$0 (Tier 1)	PA; ST
AQINJECT PEN NEEDLE 31G (pen needle, diabetic) 5MM 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
AQINJECT PEN NEEDLE 32G (pen needle, diabetic) 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID DUO PRO NDL 31G (pen needle, diabetic, safety) 5MM 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID DUO-SHIELD 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID DUO-SHIELD 30GX5/16" 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID INSULIN SAFETY SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE 30GX5/16" 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE (pen needle, diabetic, safety) 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PRO PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID SYR 0.5 ML 31GX15/64" 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID SYR 1 ML 31GX15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
AUTOSHIELD DUO PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD AUTOSHIELD DUO NDL 5MMX30G 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BD ECLIPSE 30GX1/2" SYRINGE 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD ECLIPSE NEEDLE 30GX1/2" (OTC) 30 X 1/2 "	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INS SYR 0.3 ML 8MMX31G(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INS SYR UF 0.3 ML 12.7MMX30G 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INS SYR UF 0.5 ML 12.7MMX30G NOT FOR RETAIL SALE 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INSULIN SYR 1 ML 27GX12.7MM 1 ML 27 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INSULIN SYR 1 ML 27GX5/8" MICRO-FINE 1 ML 27 GAUGE X 5/8" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD LO-DOSE ULTRA-FINE SYRINGE 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD NANO 2 GEN PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETGLD INS 0.3 ML 29G 13MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 1 ML 29G 13MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLID INS 1 ML 6MMX31G 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLIDE SYRINGE 27GX5/8 1 ML 27 GAUGE X 5/8" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BD SAFTYGLD INS 0.3 ML 6MMX31G 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFTYGLD INS 0.5 ML 29G 13MM 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFTYGLD INS 0.5 ML 6MMX31G 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SINGLE USE SWAB (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
BD UF MICRO PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 6MMX32G 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF MINI PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 5MMX31G 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF NANO PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 4MMX32G 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF ORIG PEN NDL (pen needle, diabetic) 12.7MMX29G 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF SHORT PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 8MMX31G 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS 0.3 ML 6MMX31G (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRING 1 ML (insulin syringe-needle u-100) 6MMX31G 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRN 0.3 ML (insulin syringe-needle u-100) 6MMX31G 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRN 0.5 ML (insulin syringe-needle u-100) 6MMX31G 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
BORDERED GAUZE 2"X2" 2 X 2 " (gauze bandage)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 12.7MM (pen needle, diabetic) 29G 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 4MM (pen needle, diabetic) 32G 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
CAREFINE PEN NEEDLE 5MM 32G 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 8MM 30G 30 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLES 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH ALCOHOL 70% PREP PAD (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 32GX3/16" 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML 28GX5/16" 1 ML 28 X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CARETOUCH SYR 1 ML 29GX5/16" 1 ML 29 GAUGE X 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML (insulin syringe-needle 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16 u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML (insulin syringe-needle 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16 u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CLICKFINE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 32GX5/32" 32GX4MM, STERILE 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ 0.3 ML 31G 15/64" (insulin syringe-needle 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ 0.5 ML 31G 15/64" (insulin syringe-needle 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 0.3 ML (insulin syringe-needle 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X u-100) 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 0.3 ML (insulin syringe-needle 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X u-100) 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 1 ML 31G (insulin syringe-needle 15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 1 ML (insulin syringe-needle 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16 u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INSULIN SYR 0.3 (insulin syringe-needle ML 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INSULIN SYR 0.5 (insulin syringe-needle ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 u-100) ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES (pen needle, diabetic) 4MM 32G SINGLE USE, MICRO 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES (pen needle, diabetic) 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>		<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 31G MINI 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 32G SINGLE USE,MINI,HRI 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 33G 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 33G 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 31G SHORT 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 32G 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 33G 33 GAUGE X 5/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 27G 12.7MM 1 ML 27 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT POINT PEN NDL 31GX1/3" 31 GAUGE X 1/3"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT POINT PEN NDL 31GX1/6" 31 GAUGE X 1/6"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COMFORT TOUCH PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 33GX5MM 33 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
CURAD GAUZE PADS 2" X 2" 2 X 2" (gauze bandage)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY ALCOHOL PREPS 2 PLY,MEDIUM (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY GAUZE PADS 2 X 2 " (gauze bandage)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY GAUZE SPONGES (12 PLY)-200/BAG 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST
DERMACEA 2"X2" GAUZE 12 PLY, USP TYPE VII 2 X 2 " (gauze bandage)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
DERMACEA GAUZE 2"X2" SPONGE 8 PLY 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST
DERMACEA NON-WOVEN 2"X2" SPNGE 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST
DROPLET 0.3 ML 29G 12.7MM(1/2) OUTER 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.3 ML 30G 12.7MM(1/2) OUTER 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.5 ML 29GX12.5MM(1/2) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.5 ML 30GX12.5MM(1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 29GX12.5MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 30G 8MM(1/2) OUTER 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET INS 0.3 ML 30GX12.5MM 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 31G 6MM(1/2) OUTER 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 31G 8MM(1/2) OUTER 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 29G 12.7MM OUTER 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 30G 12.7MM OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 30GX6MM(1/2) 0.5ML 30 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 30GX8MM(1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 31GX6MM(1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 31GX8MM(1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 30GX6MM 0.3 ML 30 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 30GX8MM 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET INS SYR 0.3 ML 31GX8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 30G 8MM OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 31G 6MM OUTER 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 31G 8MM OUTER 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 29G 12.7MM OUTER 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 12.5MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 6MM 1 ML 30 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 8MM OUTER 1 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 31G 6MM OUTER 1 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET MICRON 34G X 9/64" 34 GAUGE X 9/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 29G 10MM 29 GAUGE X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET PEN NEEDLE 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE ALCOHOL 70% PREP PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.3 ML 31G 6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.5 ML 31G 6MM 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.5 ML 31G 8MM 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSUL SYR 1 ML 31G 6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSUL SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSULN 1 ML 29G 12.5MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DRUG MART ULTRA COMFORT SYR 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML 31G 1/2" 0.3 ML 31 X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML SYRINGE 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 32GX5/16" 1/2 ML 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML SYRINGE 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 1 ML 32GX5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT ALCOHOL 70% PAD	\$0 (Tier 1)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY COMFORT INSULIN 1 ML SYR 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 29G 4MM 29 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 29G 5MM 29 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 0.5 ML 29G 8MM 1/2 ML 29 X5/16 " (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 1 ML 29G 8MM 1 ML 29 GAUGE X 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 0.5 ML 31GX6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 1 ML 31GX6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY GLIDE PEN NEEDLE 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.3 ML SYR 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 27GX1/2" 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 30GX5/16 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 1 ML SYR 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 1 ML SYR 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH ALCOHOL 70% PADS GAMMA-STERILIZED (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
EASY TOUCH AUTO 0.5 ML 30G 6MM 0.5 ML 30 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTO 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTORET 1 ML 30G 6MM 1 ML 30 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTORET 1 ML 30G 8MM 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH FLIPLOK 1 ML 27GX0.5 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY TOUCH INS 0.5 ML 31G 8MM 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS 1 ML 27G 1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS 1 ML 28G 12.7MM 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS 1 ML 29G 12.7MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS SYR 1 ML 30G 8MM 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN 1 ML 29GX1/2 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN 1 ML 30GX1/2 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN SYR 1 ML RETRACTABLE 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 31GX5/16 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 31GX5/16 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH LUER LOK INSUL 1 ML (insulin syringe needleless)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>		<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
EASY TOUCH PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 30GX5/16 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX3/16 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX5/16 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX3/16 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX5/32 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 29G 5MM 29 GAUGE X 3/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 29G 8MM 29 GAUGE X 5/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 0.5 ML 28G 12.7MM 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 0.5 ML 29G 12.7MM 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 1 ML 27G 16MM 1 ML 27 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH UNI-SLIP SYR 1 ML	(insulin syringe needleless)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>		<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
EASYLIFE INS PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS PEN NDL 33G 8MM 33 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS SYR 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS SYR 1 ML 30G 8MM 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE SAFTY PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE SAFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYLIFE SYR 1 ML 30G 12.7MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASYTOUCH SAF PEN NDL 30G 6MM 30 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 29G (pen needle, diabetic) 12MM 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 30G (pen needle, diabetic) 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 30G (pen needle, diabetic) 8MM 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 31G (pen needle, diabetic) 5MM 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 31G (pen needle, diabetic) 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 31G (pen needle, diabetic) 8MM 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 32G (pen needle, diabetic) 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EQL INSULIN 1 ML SYRINGE SHORT NEEDLE 1 ML 30 GAUGE X 7/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
EXEL U100 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 (insulin syringe-needle ML 29 GAUGE X 1/2" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FP INSULIN 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 0.5 ML (insulin syringe-needle 30GX5/16 0.5 ML 30 GAUGE X u-100) 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 0.5 ML (insulin syringe-needle 31GX5/16 0.5 ML 31 GAUGE X u-100) 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 1 ML (insulin syringe-needle 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X u-100) 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 1 ML (insulin syringe-needle 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X u-100) 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
FT STERILE PADS 2" X 2" 2 X 2 " (gauze bandage)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
GAUZE PAD TOPICAL (gauze bandage) BANDAGE 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GAUZE PADS 2"X2" STRL 2 X 2 " (Bordered Gauze)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
GNP ALCOHOL SWAB STERILE, TWO PLY (Alcohol Pads)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
GNP CLICKFINE 31G X 1/4" NDL 6MM, UNIVERSAL 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP CLICKFINE 31G X 5/16" NDL 8MM, UNIVERSAL 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (1st Tier Unifine Pentips)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (1st Tier Unifine Pentips)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (CareFine Pen Needle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP SIMPLI PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULT C 0.3 ML 29GX1/2" (1/2) 1/2 UNIT 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULT CMFRT 0.5 ML 29GX1/2" 1/2 ML 29 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 0.5 ML SYR 1/2 ML 30 GAUGE (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 29 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 30 GAUGE X 7/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 3/10 ML SYR 0.3 ML 30 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HEALTHWISE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEB INCONTROL ALCOHOL 70% PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INCONTROL PEN NEEDLE 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INPEN (FOR HUMALOG) BLUE SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INPEN (FOR HUMALOG) GREY SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INPEN (FOR HUMALOG) PINK SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) BLUE SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) GREY SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) PINK SUBCUTANEOUS INSULIN PEN	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INSULIN 1 ML SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 7/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 1/2 ML SYRINGE 1/2 ML 29 (Ulitet Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 1/2 ML SYRINGE 1/2 ML 30 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 3/10 ML SYRINGE 0.3 ML 30 (Ultra Comfort Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYR 0.3 ML 31GX1/4(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4" (UltiCare Insuln Syr(half unit))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYR 0.5 ML 28G 12.7MM (OTC) 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRIN 0.5 ML 30GX1/2" (RX) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRING 0.5 ML 27G 1/2" INNER 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2" (Easy Touch Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INSULIN SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.3 ML 31GX1/4 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4" (Sure Comfort Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.5 ML 1/2 ML 29 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.5 ML 31GX1/4 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4" (Sure Comfort Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 27G 1/2" INNER 1 ML 27 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 27G 16MM 1 ML 27 GAUGE X 5/8" (BD SafetyGlide Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 28G 12.7MM (OTC) 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 30GX1/2" SHORT NEEDLE (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (BD Eclipse Luer-Lok)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4" (Sure Comfort Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 31GX5/16" SHORT NEEDLE, THIN II (OTC) 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (Advocate Syringes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE NEEDLELESS SYRINGE 1 ML (Easy Touch Luer Lock Insulin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE (Ultilet Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 1/2 ML 28 GAUGE (Monoject Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INSULIN U-500 SYRINGE-NEEDLE SYRINGE 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 29GX1/2" (pen needle, diabetic) 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 31G 8MM (pen needle, diabetic) 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 32G 4MM (pen needle, diabetic) 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 32G 6MM (pen needle, diabetic) (RX) 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
IV ANTISEPTIC WIPES (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
KENDALL ALCOHOL 70% PREP PAD (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
LISCO SPONGES 100/BAG 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST
LITE TOUCH 31GX1/4" PEN (pen needle, diabetic) NEEDLE 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 0.5 ML (insulin syringe-needle u-100) SYR 1/2 ML 28 GAUGE, 1/2 ML 29 , 1/2 ML 30 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 1 ML SYR 1 ML 28 GAUGE, 1 ML 29 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 1 ML SYR (insulin syringe-needle u-100) 1 ML 30 GAUGE X 7/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN SYR 1 ML (insulin syringe-needle u-100) 1 ML 31 GAUGE X 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH PEN NEEDLE 29G (pen needle, diabetic) 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH PEN NEEDLE 31G (pen needle, diabetic) 31 GAUGE X 3/16", 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.3 ML 29GX1/2" (insulin syringe-needle u-100) 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LITETOUCH INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSUL SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 30 X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSUL SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT II PEN NDL 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MAXICOMFORT INS 0.5 ML 27GX1/2" 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXI-COMFORT INS 0.5 ML 28G 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT INS 1 ML 27GX1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXI-COMFORT INS 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT PEN NDL 29G X 5MM 29 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT PEN NDL 29G X 8MM 29 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 33GX4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT READYGARD NDL 31G 5MM OUTER 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(CareFine Pen Needle) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(Comfort EZ Pen Needles) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(Advocate Pen Needle) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(Comfort EZ Pen Needles) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(Comfort EZ Pen Needles) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI ULTRA-THIN II PEN NDL 31G STERILE 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT 0.5 ML SYRN 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MONOJECT 1 ML SYRN 27X1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT 1 ML SYRN 28GX1/2" (OTC) 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 (OTC) 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 .5ML,29GX1/2" (OTC) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 0.5 ML CONVERTS TO 29G (OTC) 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML 1 ML 25 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML 3'S, 29GX1/2" (OTC) 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML W/O NEEDLE (OTC)	(insulin syringes (disposable)) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.3 ML (OTC) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.5 ML (OTC) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 1 ML 3'S (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR U-100 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR U-100 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MONOJECT SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT SYRINGE 1 ML 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NANO 2 GEN PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NANO PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE 30 NEEDLE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE 32G NEEDLES 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE PLUS PEN NDL 32GX1/6" 32 GAUGE X 1/6"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOTWIST NEEDLE 32 GAUGE X 1/5"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
OMNIPOD 5 (G6/LIBRE 2 PLUS) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD 5 G6-G7 INTRO KT(GEN5) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD 5 G6-G7 PODS (GEN 5) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD 5 INTRO(G6/LIBRE2PLUS) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD CLASSIC PDM KIT(GEN 3)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
PC UNIFINE PENTIPS 8MM NEEDLE SHORT 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 30G 5MM OUTER 30 GAUGE X 3/16" (Embrace Pen Needle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 30G 8MM INNER 30 GAUGE X 5/16" (CareFine Pen Needle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 30G X 5/16" 30 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (1st Tier Unifine Pentips)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 31G X 1/4" HRI 31 GAUGE X 1/4" (1st Tier Unifine Pentips)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 6MM 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE, DIABETIC NEEDLE 29 GAUGE X 1/2" (1st Tier Unifine Pentips Plus)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 12MM 29G 29GX12MM,STRL 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 5MM 31G 31GX5MM,STRL,MINI (OTC) 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 8MM 31G 31GX8MM,STRL,SHORT (OTC) 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 29G 1/2" 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 31G 1/4" 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 31GX3/16" MINI, 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PENTIPS PEN NEEDLE 31GX5/16" (pen needle, diabetic) SHORT, 8MM 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 32G 1/4" (pen needle, diabetic) 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 32GX5/32" (pen needle, diabetic) 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PIP PEN NEEDLE 31G X 5MM 31 (pen needle, diabetic) GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PIP PEN NEEDLE 32G X 4MM 32 (pen needle, diabetic) GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREFPLS INS SYR 1 ML (Advocate Syringes) 30GX5/16" (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 5/16	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREVENT PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREVENT PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 30GX1/2" (insulin syringe-needle 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 30GX5/16" (insulin syringe-needle 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" (insulin syringe-needle 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 30GX1/2" 1 (insulin syringe-needle ML 30 GAUGE X 1/2" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 30GX5/16" 1 (insulin syringe-needle ML 30 GAUGE X 5/16" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 (insulin syringe-needle ML 31 GAUGE X 5/16" u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT ALCOHOL 70% (alcohol swabs) PADS	\$0 (Tier 1)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 32G (pen needle, diabetic) 8MM 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 32G X (pen needle, diabetic) 1/4" 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PRO COMFORT PEN NDL 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 5MM 32G 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO-COMFORT ALCOHOL 70% PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
PRODIGY INS SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRODIGY SYRNG 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRODIGY SYRNGE 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT ALCOHOL 70% PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 15/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32" (Comfort Touch Pen Needle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 13/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 6MM 31 GAUGE X 15/64" (True-Comfort Pro Pen Needle)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RELION INS SYR 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RELION INS SYR 0.5 ML 31GX6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
RELION INS SYR 1 ML 31GX15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.3 ML 30GX5/16",10X10 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.5 ML 29GX1/2",10X10 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.5 ML 30GX5/16",10X10 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 1 ML 28GX1/2",10X10 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 1 ML 29GX1/2",10X10 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32" (Comfort EZ PRO Safety Pen Ndl)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY PEN NEEDLE 5MM X 31G 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY SYRINGE 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SECURES SAFE PEN NDL 30GX5/16" OUTER 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SECURES SAFE SYR 0.5 ML 29G 1/2" OUTER 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SECURES SAFE SYRNG 1 ML 29G 1/2" OUTER 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SKY SAFETY PEN NEEDLE 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SKY SAFETY PEN NEEDLE 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SM ULT CFT 0.3 ML 31GX5/16(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
NEEDLES, INSULIN DISP., SAFETY	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
SURE COMFORT 0.5 ML SYRINGE 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
SURE COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
SURE COMFORT 3/10 ML SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
SURE COMFORT 3/10 ML SYRINGE INSULIN SYRINGE 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SURE COMFORT 30G PEN NEEDLE 30 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT ALCOHOL PREP PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
SURE COMFORT INS 0.3 ML 31GX1/4 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT INS 0.5 ML 31GX1/4 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT INS 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 29GX1/2" 12.7MM 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 12.7MM 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 1 ML 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SURE-JECT INSUL SYR U100 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-PREP ALCOHOL PREP PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 29GX12MM (1/2) 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 30GX8MM (1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 31GX6MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 31GX8MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 30GX12MM (1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 30GX8MM (1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 31GX6MM (1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 31GX8MM (1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 29GX12MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 30GX12MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 31GX6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 31GX8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 29GX3/8" 29 GAUGE X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 32GX5/16" 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE (pen needle, diabetic) 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PLUS PEN NDL 32G (pen needle, diabetic) 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1 (insulin syringe-needle u-100) ML 1 ML 27 GAUGE X 1/2", 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1 (Thinpro Insulin Syringe) ML 1 ML 30 GAUGE X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1/2 (insulin syringe-needle u-100) ML 1/2 ML 30 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1/3 (insulin syringe-needle u-100) ML 0.3 ML 30 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRNG U100-1/2 (insulin syringe-needle u-100) ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.3 (insulin syringe-needle u-100) ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
THINPRO INS SYRIN U100-0.3 ML 0.3 ML 31 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 30 X 3/8" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.5 ML 0.5 ML 31 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-1 ML 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 3/8" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-1 ML 1 ML 31 X 3/8"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TOPCARE CLICKFINE NEEDLE 31 GAUGE X 1/4", 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TOPCARE ULTRA COMFORT SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 30G 5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 32G 5/16" 1/2 ML 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 30G 5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs) \$0 (Tier 1)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31GX5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 30G 1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUE COMFORT PRO 1 ML 30G 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 32G 5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO ALCOHOL PADS (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST
TRUE COMFORT SFTY 1 ML 30G 1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT PRO 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 30G 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 32G 5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 15/64" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31G X 1/4" 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICAR INS 0.3 ML 31GX1/4(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syr/ndl u100 half mark) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 30G 8MM 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(Advocate Syringes) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 31G 6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (Advocate Syringes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 30G 8MM (OTC) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (Advocate Syringes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 31G 6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 31G 8MM (OTC) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (Advocate Syringes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLE 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 4MM 32G MICRO, 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFE PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFE PEN NDL 5MM 30G 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFETY 0.5 ML 29GX1/2 (RX) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.3 ML 29G 12.7MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2" (Comfort EZ Insulin Syringe)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.3 ML 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTICARE SYR 0.3 ML 31GX5/16" SHORT NDL 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.5 ML 31GX5/16" SHORT NDL 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFE 1 ML 30G 12.7MM 1 ML 30 X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFE0.3 ML 30G 12.7MM 0.3 ML 30 X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFE0.5 ML 30G 12.7MM 1/2 ML 30 X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 29G 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPK 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPK 0.5 ML 31G 8MM 1/2 ML 31 X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET ALCOHOL STERL SWAB (alcohol swabs)	\$0 (Tier 1)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTILET INSULIN SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET INSULIN SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET PEN NEEDLE 29 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET PEN NEEDLE 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.3 ML SYRINGE 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML 28GX1/2" CONVERTS TO 29G 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML SYRINGE 1/2 ML 28 GAUGE (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 30G 1/2" (1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 30G 5/16"(1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 31G 5/16"(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRA FLO PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLES 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 30G 5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.5 ML 29G 1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA THIN PEN NDL 32G X 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRACARE INS 1 ML 30G X 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 1 ML 31G X 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX3/16" 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 33GX5/32" 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 30G 12.7MM 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 31G 6MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 31G 8MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.5 ML 30G 12.7MM 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE INS SYR 1 ML 31G 6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NDL 29G 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 0.5 ML 31G 6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 0.5 ML 31G 8MM 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 1 ML 30G 12.7MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.3 ML 30G 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.3 ML 31G 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 29G 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 30G 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 31G 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS SYR 1 ML 29G 1 ML 29 GAUGE X 1/2" (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS SYR 1 ML 30G 1 ML 30 GAUGE X 5/16 (insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II PEN NDL 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II PEN NDL 31GX5/16 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE OTC PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE OTC PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
UNIFINE PENTIPS 12MM 29G (pen needle, diabetic) 29GX12MM, STRL 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 31GX3/16" (pen needle, diabetic) 31GX5MM,STRL,MINI 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 32G 4MM 32 (pen needle, diabetic) GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 32GX1/4" 32 (pen needle, diabetic) GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 33GX5/32" 33 (pen needle, diabetic) GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 6MM 31G 31 (pen needle, diabetic) GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS MAX (pen needle, diabetic) 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS NEEDLES 29G 29 GAUGE	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 29GX1/2" 12MM 29 GAUGE X 1/2"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 31GX1/4" ULTRA SHORT, 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 31GX3/16" MINI 31 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 31GX5/16" SHORT 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS (pen needle, diabetic) 33GX5/32" 33 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use	
UNIFINE PROTECT 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE PROTECT 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE PROTECT 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE SAFECONTROL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE SAFECONTROL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE SAFECONTROL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE SAFECONTROL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE SAFECONTROL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VANISHPOINT 0.5 ML 30GX1/2" SY OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VANISHPOINT INS 0.5 ML 30G 8MM OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	
VANISHPOINT INS 1 ML 30GX3/16" 1 ML 30 GAUGE X 3/16"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VANISHPOINT U-100 29X1/2 SYR 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE INS SYR 1 ML 29G 1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G X 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G X 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 32G X 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 32G X 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 32G 4MM-SHARPS CONTAINER 32 GAUGE X 5/32"	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRING 0.5 ML 29G 1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRING 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRNG 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRNG 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VERSALON ALL PURPOSE SPONGE 25'S,N-STERILE,3PLY 2 X 2 "	\$0 (Tier 1)	PA; ST
V-GO 20 DEVICE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
V-GO 30 DEVICE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
V-GO 40 DEVICE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
WEBCOL ALCOHOL PREPS (alcohol swabs) 20'S,LARGE	\$0 (Tier 1)	PA; ST
<b>Enzyme Cofactors/Chaperones</b>		
<b>Enzyme Cofactors/Chaperones</b>		
MIPLYFFA ORAL CAPSULE 124 MG, 47 MG, 62 MG, 93 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<b>Enzyme Replacement/Modifiers</b>		
<b>Enzyme Replacement/Modifiers</b>		
CREON ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 12,000-38,000 - 60,000 UNIT, 24,000-76,000 - 120,000 UNIT, 3,000-9,500- 15,000 UNIT, 36,000-114,000- 180,000 UNIT, 6,000-19,000 -30,000 UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>javygtor oral tablet,soluble 100 mg</i> (sapropterin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>nitisinone oral capsule 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Orfadin)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORFADIN ORAL SUSPENSION 4 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PULMOZYME INHALATION SOLUTION 1 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
REVCOVI INTRAMUSCULAR SOLUTION 2.4 MG/1.5 ML (1.6 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sapropterin oral tablet, soluble 100 mg</i> (Javygtor)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
STRENSIQ SUBCUTANEOUS SOLUTION 18 MG/0.45 ML, 28 MG/0.7 ML, 40 MG/ML, 80 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS
ZENPEP ORAL CAPSULE, DELAYED RELEASE (DR/EC) 10,000-32,000 - 42,000 UNIT, 15,000-47,000 - 63,000 UNIT, 20,000-63,000 - 84,000 UNIT, 25,000-79,000 - 105,000 UNIT, 3,000-10,000 - 14,000-UNIT, 40,000-126,000 - 168,000 UNIT, 5,000-17,000- 24,000 UNIT, 60,000-189,600- 252,600 UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<b>Eye, Ear, Nose, Throat Agents</b>		
<b>Eye, Ear, Nose, Throat Agents, Miscellaneous</b>		
<i>atropine ophthalmic (eye) drops 1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>azelastine nasal spray, non-aerosol 137 mcg (0.1 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>azelastine nasal spray, non-aerosol 205.5 mcg (0.15 %)</i> (Astepro Allergy)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 25 days)
<i>azelastine ophthalmic (eye) drops 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cromolyn ophthalmic (eye) drops 4 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>epinastine ophthalmic (eye) drops 0.05 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ipratropium bromide nasal spray, non-aerosol 21 mcg (0.03 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 28 days)
<i>ipratropium bromide nasal spray, non-aerosol 42 mcg (0.06 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (15 per 10 days)
MIEBO (PF) OPHTHALMIC (EYE) DROPS 100 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (12 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>olopatadine ophthalmic (eye) drops 0.1 %</i> (Eye Allergy Itch-Redness Rlf)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>olopatadine ophthalmic (eye) drops 0.2 %</i> (Advanced Eye Relief (olopatad))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Eye, Ear, Nose, Throat Anti-Infectives Agents</b>		
<i>acetic acid otic (ear) solution 2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ak-poly-bac ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram</i> (bacitracin-polymyxin b)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bacitracin ophthalmic (eye) ointment 500 unit/gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>bacitracin-polymyxin b ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram</i> (Polycin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ciprofloxacin hcl ophthalmic (eye) drops 0.3 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ciprofloxacin-dexamethasone otic (ear) drops,suspension 0.3-0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (7.5 per 7 days)
<i>erythromycin ophthalmic (eye) ointment 5 mg/gram (0.5 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (3.5 per 4 days)
<i>gentak ophthalmic (eye) ointment 0.3 % (3 mg/gram)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gentamicin ophthalmic (eye) drops 0.3 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone-acetic acid otic (ear) drops 1-2 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>moxifloxacin ophthalmic (eye) drops 0.5 %</i> (Vigamox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
NATACYN OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 5 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<i>neomycin-bacitracin-poly-hc ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit/g-1%</i> (Neo-Polycin HC)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin-bacitracin-polymyxin ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit-unit/g</i> (Neo-Polycin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>neomycin-polymyxin b-dexameth ophthalmic (eye) drops,suspension 3.5mg/ml-10,000 unit/ml-0.1 %</i> (Maxitrol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin-polymyxin b-dexameth ophthalmic (eye) ointment 3.5 mg/g-10,000 unit/g-0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin-polymyxin-gramicidin ophthalmic (eye) drops 1.75 mg-10,000 unit-0.025mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin-polymyxin-hc otic (ear) drops,suspension 3.5-10,000-1 mg/ml-unit/ml-%</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neomycin-polymyxin-hc otic (ear) solution 3.5-10,000-1 mg/ml-unit/ml-%</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neo-polycin hc ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit/g-1%</i> (neomycin-bacitracin-poly-hc)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>neo-polycin ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit-unit/g</i> (neomycin-bacitracin-polymyxin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ofloxacin ophthalmic (eye) drops 0.3 %</i> (Ocuflox)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ofloxacin otic (ear) drops 0.3 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>polycin ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram</i> (bacitracin-polymyxin b)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>polymyxin b sulf-trimethoprim ophthalmic (eye) drops 10,000 unit- 1 mg/ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sulfacetamide sodium ophthalmic (eye) drops 10 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sulfacetamide sodium ophthalmic (eye) ointment 10 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sulfacetamide-prednisolone ophthalmic (eye) drops 10 %-0.23 % (0.25 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tobramycin ophthalmic (eye) drops 0.3 %</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tobramycin-dexamethasone ophthalmic (eye) drops,suspension 0.3-0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tobramycin-lotepred ophthalmic (eye) drops,suspension 0.3-0.5 %</i> (Zylet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>trifluridine ophthalmic (eye) drops 1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
XDEMVI OPTHALMIC (EYE) DROPS 0.25 %	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (10 per 42 days)
ZIRGAN OPTHALMIC (EYE) GEL 0.15 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<b>Eye, Ear, Nose, Throat Anti-Inflammatory Agents</b>		
<i>bromfenac ophthalmic (eye) drops 0.07 %</i> (Prolensa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cyclosporine ophthalmic (eye) dropperette 0.05 %</i> (Restasis)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>dexamethasone sodium phosphate ophthalmic (eye) drops 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diclofenac sodium ophthalmic (eye) drops 0.1 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>difluprednate ophthalmic (eye) drops 0.05 %</i> (Durezol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
EYSUVIS OPTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 0.25 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (8.3 per 14 days)
<i>flunisolide nasal spray,non-aerosol 25 mcg (0.025 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (50 per 25 days)
<i>fluocinolone acetonide oil otic (ear) drops 0.01 %</i> (DermOtic Oil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fluorometholone ophthalmic (eye) drops,suspension 0.1 %</i> (FML Liquifilm)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>flurbiprofen sodium ophthalmic (eye) drops 0.03 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>fluticasone propionate nasal spray,suspension 50 mcg/actuation</i> (24 Hour Allergy Relief)	\$0 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
ILEVRO OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 0.3 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
INVELTYS OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 1 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (5.6 per 14 days)
<i>ketorolac ophthalmic (eye) drops 0.5 %</i> (Acular)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (10 per 25 days)
LOTEMAX OPHTHALMIC (EYE) OINTMENT 0.5 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (3.5 per 14 days)
LOTEMAX SM OPHTHALMIC (EYE) DROPS,GEL 0.38 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (5 per 16 days)
<i>loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,gel 0.5 %</i> (Lotemax)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (10 per 14 days)
<i>loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,suspension 0.2 %</i> (Alrex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST
<i>loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,suspension 0.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (15 per 19 days)
<i>mometasone nasal spray,non-aerosol 50 mcg/actuation</i> (Allergy Nasal (mometasone))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (34 per 30 days)
<i>prednisolone acetate ophthalmic (eye) drops,suspension 1 %</i> (Pred Forte)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
XIIDRA OPHTHALMIC (EYE) DROPPERETTE 5 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<b>Gastrointestinal Agents</b>		
<b>Antiulcer Agents And Acid Suppressants</b>		
<i>amoxicil-clarithromy-lansopraz oral combo pack 500-500-30 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cimetidine hcl oral solution 300 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>esomeprazole magnesium oral capsule,delayed release(dr/ec) 20 mg</i> (Acid Reducer (esomeprazole))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>esomeprazole magnesium oral capsule,delayed release(dr/ec) 40 mg</i> (Nexium)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>esomeprazole magnesium oral granules dr for susp in packet 10 mg, 20 mg</i> (Nexium Packet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
<i>esomeprazole magnesium oral granules dr for susp in packet 40 mg</i> (Nexium Packet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	ST; QL (60 per 30 days)
<i>famotidine oral tablet 20 mg</i> (Acid Controller)	\$0 (Tier 1)	
<i>famotidine oral tablet 40 mg</i> (Pepcid)	\$0 (Tier 1)	
<i>lansoprazole oral capsule, delayed release(dr/ec) 15 mg</i> (Acid Reducer (lansoprazole))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lansoprazole oral capsule, delayed release(dr/ec) 30 mg</i> (Prevacid)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>misoprostol oral tablet 100 mcg, 200 mcg</i> (Cytotec)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>omeprazole oral capsule, delayed release(dr/ec) 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pantoprazole oral tablet, delayed release (dr/ec) 20 mg</i> (Protonix)	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>pantoprazole oral tablet, delayed release (dr/ec) 40 mg</i> (Protonix)	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rabeprazole oral tablet, delayed release (dr/ec) 20 mg</i> (AcipHex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>sucralfate oral tablet 1 gram</i> (Carafate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
VOQUEZNA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA
<b>Gastrointestinal Agents, Other</b>		
<i>carglumic acid oral tablet, dispersible 200 mg</i> (Carbaglu)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>constulose oral solution 10 gram/15 ml</i> (lactulose)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cromolyn oral concentrate 100 mg/5 ml</i> (Gastrocrom)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dicyclomine oral capsule 10 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dicyclomine oral solution 10 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>dicyclomine oral tablet 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>diphenoxylate-atropine oral tablet 2.5-0.025 mg</i> (Lomotil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>enulose oral solution 10 gram/15 ml</i> (lactulose)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>generlac oral solution 10 gram/15 ml</i> (lactulose)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>glycopyrrolate oral tablet 1 mg</i> (Robinul)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>glycopyrrolate oral tablet 2 mg</i> (Robinul Forte)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>kionex oral suspension 15 gram/60 ml</i> (sodium polystyrene sulfonate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lactulose oral solution 10 gram/15 ml</i> (Constulose)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
LINZESS ORAL CAPSULE 145 MCG, 290 MCG, 72 MCG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
LOKELMA ORAL POWDER IN PACKET 10 GRAM, 5 GRAM	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>loperamide oral capsule 2 mg</i> (Anti-Diarrheal (loperamide))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>lubiprostone oral capsule 24 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>lubiprostone oral capsule 8 mcg</i> (Amitiza)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>metoclopramide hcl oral solution 5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>metoclopramide hcl oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Reglan)	\$0 (Tier 1)	
MOVANTIK ORAL TABLET 12.5 MG, 25 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>sodium polystyrene sulfonate oral powder 15 gram</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium polystyrene sulfonate oral suspension 15 gram/60 ml</i> (Kionex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>sps (with sorbitol) oral suspension 15-20 gram/60 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
TRULANCE ORAL TABLET 3 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>ursodiol oral capsule 200 mg, 400 mg</i> (Reltone)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>ursodiol oral capsule 300 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ursodiol oral tablet 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>ursodiol oral tablet 500 mg</i> (URSO Forte)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
VELTASSA ORAL POWDER IN PACKET 1 GRAM, 16.8 GRAM, 25.2 GRAM, 8.4 GRAM	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
XERMELO ORAL TABLET 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
<b>Laxatives</b>		
<i>gavilyte-c oral recon soln 240-22.72-6.72 -5.84 gram</i> (peg 3350-electrolytes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gavilyte-g oral recon soln 236-22.74-6.74 -5.86 gram</i> (peg 3350-electrolytes)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>gavilyte-n oral recon soln 420 gram</i> (peg-electrolyte soln)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>peg 3350-electrolytes oral recon soln 236-22.74-6.74 -5.86 gram</i> (GaviLyte-G)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>peg-electrolyte soln oral recon soln 420 gram</i> (GaviLyte-N)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium,potassium,mag sulfates oral recon soln 17.5-3.13-1.6 gram</i> (Suprep Bowel Prep Kit)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium,potassium,mag sulfates oral recon soln 17.5-3.13-1.6 gram 2 pack (480ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Phosphate Binders</b>		
<i>calcium acetate(phosphat bind) oral capsule 667 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>calcium acetate(phosphat bind) oral tablet 667 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sevelamer carbonate oral powder in packet 0.8 gram, 2.4 gram</i> (Renvela)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sevelamer carbonate oral tablet 800 mg</i> (Renvela)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sevelamer hcl oral tablet 400 mg, 800 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Genitourinary Agents</b>		
<b>Antispasmodics, Urinary</b>		
<i>bethanechol chloride oral tablet 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>fesoterodine oral tablet extended release 24 hr 4 mg, 8 mg</i> (Toviaz)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>flavoxate oral tablet 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
MYRBETRIQ ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 25 MG, 50 MG (mirabegron)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>oxybutynin chloride oral syrup 5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>oxybutynin chloride oral tablet 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>oxybutynin chloride oral tablet extended release 24hr 10 mg, 15 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>solifenacin oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Vesicare)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tolterodine oral capsule, extended release 24hr 2 mg, 4 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tolterodine oral tablet 1 mg, 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>trospium oral tablet 20 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Genitourinary Agents, Miscellaneous</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>alfuzosin oral tablet extended release 24 hr 10 mg</i> (Uroxatral)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>dutasteride oral capsule 0.5 mg</i> (Avodart)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>finasteride oral tablet 5 mg</i> (Proscar)	\$0 (Tier 1)	
<i>tamsulosin oral capsule 0.4 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>terazosin oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<b>Heavy Metal Antagonists</b>		
<b>Heavy Metal Antagonists</b>		
<i>deferasirox oral granules in packet 180 mg, 360 mg, 90 mg</i> (Jadenu Sprinkle)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>deferasirox oral tablet 180 mg, 360 mg, 90 mg</i> (Jadenu)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>penicillamine oral tablet 250 mg</i> (Depen Titratabs)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>trientine oral capsule 250 mg</i> (Syprine)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (240 per 30 days)
<b>Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying</b>		
<b>Androgens</b>		
<i>danazol oral capsule 100 mg, 200 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>oxandrolone oral tablet 10 mg, 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>testosterone cypionate intramuscular oil 100 mg/ml, 200 mg/ml</i> (Depo-Testosterone)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>testosterone cypionate intramuscular oil 200 mg/ml (1 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA
<i>testosterone enanthate intramuscular oil 200 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (5 per 28 days)
<i>testosterone transdermal gel in metered-dose pump 12.5 mg/ 1.25 gram (1 %)</i> (Vogelxo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>testosterone transdermal gel in metered-dose pump 20.25 mg/1.25 gram (1.62 %)</i> (AndroGel)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (150 per 30 days)
<i>testosterone transdermal gel in packet 1 % (25 mg/2.5gram)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)
<i>testosterone transdermal gel in packet 1 % (50 mg/5 gram)</i> (Vogelxo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)
<b>Estrogens And Antiestrogens</b>		
<i>abigale lo oral tablet 0.5-0.1 mg</i> (estradiol-norethindrone acet)	\$0 (Tier 1)	
<i>abigale oral tablet 1-0.5 mg</i> (estradiol-norethindrone acet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>conjugated estrogens oral tablet 0.3 mg, 0.45 mg, 0.625 mg, 0.9 mg, 1.25 mg</i> (Premarin)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>estradiol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>estradiol transdermal patch semiweekly 0.025 mg/24 hr, 0.0375 mg/24 hr, 0.05 mg/24 hr, 0.075 mg/24 hr, 0.1 mg/24 hr</i> (Dotti)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (8 per 28 days)
<i>estradiol transdermal patch weekly 0.025 mg/24 hr, 0.0375 mg/24 hr, 0.05 mg/24 hr, 0.06 mg/24 hr, 0.075 mg/24 hr, 0.1 mg/24 hr</i> (Climara)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>estradiol vaginal cream 0.01 % (0.1 mg/gram)</i> (Estrace)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>estradiol vaginal tablet 10 mcg</i> (Yuvafem)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
<i>estradiol-norethindrone acet oral tablet 0.5-0.1 mg</i> (Abigale Lo)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>estradiol-norethindrone acet oral tablet 1-0.5 mg</i> (Abigale)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>mimvey oral tablet 1-0.5 mg</i> (estradiol-norethindrone acet)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PREMARIN VAGINAL CREAM 0.625 MG/GRAM	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
PREMPHASE ORAL TABLET 0.625 MG (14)/ 0.625MG-5MG(14)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
PREMPRO ORAL TABLET 0.3-1.5 MG, 0.45-1.5 MG, 0.625-2.5 MG, 0.625-5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>raloxifene oral tablet 60 mg</i> (Evista)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>yuvafem vaginal tablet 10 mcg</i> (estradiol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
<b>Glucocorticoids/Mineralocorticoids</b>		
<i>dexamethasone oral solution 0.5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dexamethasone oral tablet 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dexamethasone sodium phosphate injection solution 10 mg/ml, 4 mg/ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fludrocortisone oral tablet 0.1 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg</i> (Cortef)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone acetate injection suspension 40 mg/ml</i> (Depo-Medrol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone oral tablet 16 mg, 4 mg, 8 mg</i> (Medrol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone oral tablet 32 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone oral tablets, dose pack 4 mg</i> (Medrol (Pak))	\$0 (Tier 1)	
<i>prednisolone 15 mg/5 ml soln d/f 15 mg/5 ml (3 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>prednisolone oral solution 15 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>prednisolone sodium phosphate oral solution 25 mg/5 ml (5 mg/ml), 5 mg base/5 ml (6.7 mg/5 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>prednisone oral solution 5 mg/5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>prednisone oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
<i>prednisone oral tablets, dose pack 10 mg, 10 mg (48 pack), 5 mg, 5 mg (48 pack)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide injection suspension 40 mg/ml</i> (Kenalog)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Pituitary</b>		
CORTROPHIN GEL INJECTION GEL 80 UNIT/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (35 per 28 days)
<i>desmopressin 10 mcg/0.1 ml spr 10 mcg/spray (0.1 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desmopressin nasal spray, non-aerosol 10 mcg/spray (0.1 ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>desmopressin oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg</i> (DDAVP)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
INCRELEX SUBCUTANEOUS SOLUTION 10 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>lanreotide subcutaneous syringe 120 mg/0.5 ml</i> (Somatuline Depot)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.5 per 28 days)
LUPRON DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 11.25 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 3.75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT-PED (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 11.25 MG, 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LUPRON DEPOT-PED INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 45 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NORDITROPIN FLEXPRO SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 10 MG/1.5 ML (6.7 MG/ML), 15 MG/1.5 ML (10 MG/ML), 30 MG/3 ML (10 MG/ML), 5 MG/1.5 ML (3.3 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>octreotide acetate injection solution</i> <i>1,000 mcg/ml</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>octreotide acetate injection solution</i> (Sandostatin) <i>100 mcg/ml, 50 mcg/ml, 500 mcg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>octreotide acetate injection solution</i> <i>200 mcg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
ORGOVYX ORAL TABLET 120 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ORILISSA ORAL TABLET 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
ORILISSA ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
SEROSTIM SUBCUTANEOUS RECON SOLN 4 MG, 5 MG, 6 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SIGNIFOR SUBCUTANEOUS SOLUTION 0.3 MG/ML (1 ML), 0.6 MG/ML (1 ML), 0.9 MG/ML (1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
SOMATULINE DEPOT (lanreotide) SUBCUTANEOUS SYRINGE 60 MG/0.2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.2 per 28 days)
SOMATULINE DEPOT (lanreotide) SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/0.3 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.3 per 28 days)
SOMAVERT SUBCUTANEOUS RECON SOLN 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Progestins</b>		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUBCUTANEOUS SYRINGE 104 MG/0.65 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (0.65 per 84 days)
<i>gallifrey oral tablet 5 mg</i> (norethindrone acetate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>medroxyprogesterone intramuscular suspension 150 mg/ml</i> (Depo-Provera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>medroxyprogesterone intramuscular syringe 150 mg/ml</i> (Depo-Provera)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>medroxyprogesterone oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg</i> (Provera)	\$0 (Tier 1)	
<i>megestrol oral suspension 400 mg/10 ml (40 mg/ml), 625 mg/5 ml (125 mg/ml)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
<i>norethindrone acetate oral tablet 5 mg</i> (Gallifrey)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>progesterone micronized oral capsule 100 mg, 200 mg</i> (Prometrium)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Thyroid And Antithyroid Agents</b>		
<i>levothyroxine oral tablet 100 mcg, 112 mcg, 125 mcg, 137 mcg, 150 mcg, 175 mcg, 200 mcg, 25 mcg, 300 mcg, 50 mcg, 75 mcg, 88 mcg</i> (Levo-T)	\$0 (Tier 1)	
<i>liomny oral tablet 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg</i> (liothyronine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>liothyronine oral tablet 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg</i> (Liomny)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methimazole oral tablet 10 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>propylthiouracil oral tablet 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
REZDIFFRA ORAL TABLET 100 MG, 60 MG, 80 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Immunological Agents</b>		
<b>Immunological Agents</b>		
<i>adalimumab-aaty subcutaneous auto-injector, kit 40 mg/0.4 ml</i> (Yuflyma(CF) Autoinjector)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>adalimumab-aaty subcutaneous auto-injector, kit 80 mg/0.8 ml</i> (adalimumab-aaty(CF) AI Crohns)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>adalimumab-aaty subcutaneous syringe kit 20 mg/0.2 ml, 40 mg/0.4 ml</i> (Yuflyma(CF))	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>adalimumab-aaty(cf) ai crohns subcutaneous auto-injector, kit 80 mg/0.8 ml</i> (adalimumab-aaty)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ARCALYST SUBCUTANEOUS RECON SOLN 220 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ASTAGRAF XL ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24HR 0.5 MG, 1 MG (tacrolimus)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
ASTAGRAF XL ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24HR 5 MG (tacrolimus)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>azathioprine oral tablet 50 mg</i> (Imuran)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>azathioprine sodium injection recon soln 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
BENLYSTA SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 200 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (8 per 28 days)
BENLYSTA SUBCUTANEOUS SYRINGE 200 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (8 per 28 days)
BESREMI SUBCUTANEOUS SYRINGE 500 MCG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (2 per 28 days)
CIMZIA POWDER FOR RECONST SUBCUTANEOUS KIT 400 MG (200 MG X 2 VIALS)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CIMZIA STARTER KIT SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 400 MG/2 ML (200 MG/ML X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CIMZIA SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 200 MG/ML, 400 MG/2 ML (200 MG/ML X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COSENTYX (2 SYRINGES) SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX PEN (2 PENS) SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 150 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX SUBCUTANEOUS SYRINGE 75 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX UNOREADY PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 300 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>cyclosporine intravenous solution</i> (Sandimmune) 250 mg/5 ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>cyclosporine modified oral capsule</i> (Gengraf) 100 mg, 25 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>cyclosporine modified oral capsule</i> 50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>cyclosporine modified oral solution</i> (Neoral) 100 mg/ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>cyclosporine oral capsule 100 mg, 25</i> (Sandimmune) <i>mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
CYLTEZO(CF) PEN CROHN'S-UC- (adalimumab-adbm) HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) PEN PSORIASIS- (adalimumab-adbm) UV SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) PEN (adalimumab-adbm) SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) SUBCUTANEOUS (adalimumab-adbm) SYRINGE KIT 10 MG/0.2 ML, 20 MG/0.4 ML, 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DUPIXENT PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/1.14 ML, 300 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
DUPIXENT SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/0.67 ML, 200 MG/1.14 ML, 300 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL MINI SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 50 MG/ML (1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS RECON SOLN 25 MG (1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS SOLUTION 25 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS SYRINGE 25 MG/0.5 ML (0.5), 50 MG/ML (1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SURECLICK SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 50 MG/ML (1 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>everolimus (immunosuppressive) oral (Zortress)</i> <i>tablet 0.25 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>everolimus (immunosuppressive) oral (Zortress)</i> <i>tablet 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
GAMUNEX-C INJECTION SOLUTION 1 GRAM/10 ML (10 %)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>gengraf oral capsule 100 mg, 25 mg</i> (cyclosporine modified)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>gengraf oral solution 100 mg/ml</i> (cyclosporine modified)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
HADLIMA PUSHTOUCH SUBCUTANEOUS AUTO- INJECTOR 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HADLIMA SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HADLIMA(CF) PUSHTOUCH (adalimumab-bwvd) SUBCUTANEOUS AUTO- INJECTOR 40 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HADLIMA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.4 ML (adalimumab-bwwd)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN CROHNS-UC-HS START SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN PSOR-UVEITS-ADOL HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 40 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEDI CROHNS STARTER SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 80 MG/0.8 ML, 80 MG/0.8 ML-40 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN CROHNS-UC-HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN PEDIATRIC UC SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-ADOL HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML-40 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 80 MG/0.8 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 10 MG/0.1 ML, 20 MG/0.2 ML, 40 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>infliximab intravenous recon soln</i> 100 mg (Remicade)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
KINERET SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/0.67 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>leflunomide oral tablet 10 mg, 20 mg</i> (Arava)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mycophenolate mofetil (hcl) intravenous recon soln 500 mg</i> (CellCept Intravenous)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>mycophenolate mofetil oral capsule 250 mg</i> (CellCept)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>mycophenolate mofetil oral suspension for reconstitution 200 mg/ml</i> (CellCept)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>mycophenolate mofetil oral tablet 500 mg</i> (CellCept)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>mycophenolate sodium oral tablet, delayed release (dr/ec) 180 mg, 360 mg</i> (Myfortic)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
NIKTIMVO INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
NULOJIX INTRAVENOUS RECON SOLN 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
ORENCIA (WITH MALTOSE) INTRAVENOUS RECON SOLN 250 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORENCIA CLICKJECT SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 125 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORENCIA SUBCUTANEOUS SYRINGE 125 MG/ML, 50 MG/0.4 ML, 87.5 MG/0.7 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA ORAL TABLET 20 MG, 30 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA STARTER ORAL TABLETS, DOSE PACK 10 MG (4)-20 MG (51), 10 MG (4)-20 MG (4)-30 MG (47), 10 MG (4)-20 MG (4)-30 MG (19)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA XR INITIATION ORAL TABLET AND TABLET ER DOSE PACK 10-20-30-75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OTEZLA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PROGRAF INTRAVENOUS SOLUTION 5 MG/ML (tacrolimus)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
PROGRAF ORAL GRANULES IN PACKET 0.2 MG, 1 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA BvD
RASUVO (PF) SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 10 MG/0.2 ML, 12.5 MG/0.25 ML, 15 MG/0.3 ML, 17.5 MG/0.35 ML, 20 MG/0.4 ML, 22.5 MG/0.45 ML, 25 MG/0.5 ML, 30 MG/0.6 ML, 7.5 MG/0.15 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	ST
REZUROCK ORAL TABLET 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
RINVOQ LQ ORAL SOLUTION 1 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (360 per 30 days)
RINVOQ ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 15 MG, 30 MG, 45 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SELARSDI INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SELARSDI SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
SELARSDI SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG/0.5 ML (ustekinumab-aekn)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
SELARSDI SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/ML (ustekinumab-aekn)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>sirolimus oral solution 1 mg/ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>sirolimus oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
SKYRIZI INTRAVENOUS SOLUTION 60 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SKYRIZI SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 150 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SKYRIZI SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SKYRIZI SUBCUTANEOUS WEARABLE INJECTOR 180 MG/1.2 ML (150 MG/ML), 360 MG/2.4 ML (150 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>tacrolimus intravenous solution 5 mg/ml</i> (Prograf)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>tacrolimus oral capsule 0.5 mg, 1 mg, 5 mg</i> (Prograf)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
TAVNEOS ORAL CAPSULE 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
TREMFYA INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/20 ML (10 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA ONE-PRESS SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA PEN INDUCTION PK(2PEN) SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/ML, 200 MG/2 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 162 MG/0.9 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/10 ML (20 MG/ML), 400 MG/20 ML (20 MG/ML), 80 MG/4 ML (20 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE SUBCUTANEOUS SYRINGE 162 MG/0.9 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ustekinumab-aauz subcutaneous syringe 45 mg/0.5 ml, 90 mg/ml</i> (Otulfi)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
XELJANZ ORAL SOLUTION 1 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XELJANZ ORAL TABLET 10 MG, 5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XELJANZ XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 11 MG, 22 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YESINTEK INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YESINTEK SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
YESINTEK SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA
YESINTEK SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) AI CROHN'S-UC-HS SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR, KIT 80 MG/0.8 ML (adalimumab-aaty)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR, KIT 40 MG/0.4 ML, 80 MG/0.8 ML (adalimumab-aaty)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 20 MG/0.2 ML, 40 MG/0.4 ML (adalimumab-aaty)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Vaccines</b>		
ABRYSVO (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 120 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
ACTHIB (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 10 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
ADACEL(TDAP ADOLESN/ADULT)(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2 LF-(2.5-5-3-5 MCG)-5LF/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ADACEL(TDAP ADOLESN/ADULT)(PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 2 LF-(2.5-5-3-5 MCG)-5LF/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
AREXVY (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 120 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
BCG VACCINE, LIVE (PF) PERCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
BEXSERO INTRAMUSCULAR SYRINGE 50-50-50-25 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
BOOSTRIX TDAP INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2.5-8-5 LF-MCG-LF/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
BOOSTRIX TDAP INTRAMUSCULAR SYRINGE 2.5-8-5 LF-MCG-LF/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
DAPTACEL (DTAP PEDIATRIC) (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 15-10-5 LF-MCG-LF/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
DENG VAXIA (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP4.5-6 CCID50/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (3 per 365 days)
ENGERIX-B (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 20 MCG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
ENGERIX-B (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 20 MCG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
ENGERIX-B PEDIATRIC (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
GARDASIL 9 (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
GARDASIL 9 (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
HAVRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,440 ELISA UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
HAVRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 720 ELISA UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
HEPLISAV-B (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 20 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
HIBERIX (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 10 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
IMOVAX RABIES VACCINE (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 2.5 UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
INFANRIX (DTAP) (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25- 58-10 LF-MCG-LF/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
IPOL INJECTION SUSPENSION 40-8-32 UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
IXIARO (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 6 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
JYNNEOS (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION 0.5X TO 3.95X 10EXP8 UNIT/0.5	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
KINRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 LF-58 MCG-10 LF/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
MENACTRA (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 4 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
MENQUADFI (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 10 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP (PF) INTRAMUSCULAR KIT 10-5 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
M-M-R II (PF) SUBCUTANEOUS RECON SOLN 1,000-12,500 TCID50/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
MRESVIA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PEDIARIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG-25LF-25 MCG-10LF/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
PEDVAX HIB (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 7.5 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
PENBRAYA (PF) INTRAMUSCULAR KIT 5-120 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PENBRAYA MENACWY COMPONENT(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 5 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PENBRAYA MENB COMPONENT (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 120 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PENMENVY MEN A-B-C-W-Y (PF) INTRAMUSCULAR KIT 0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PENMENVY MENACWY COMPONENT(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10-5 MCG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PENMENVY MENB COMPONENT (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50- 50-50-25 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PENTACEL (PF) INTRAMUSCULAR KIT 15LF- 20MCG-5LF- 62 DU/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
PRIORIX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP3.4-4.2- 3.3CCID50/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
PROQUAD (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP3-4.3-3- 3.99 TCID50/0.5	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
QUADRACEL (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 15 LF-48 MCG- 5 LF UNIT/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
QUADRACEL (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 15 LF-48 MCG- 5 LF UNIT/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
RABAVERT (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 2.5 UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
RECOMBIVAX HB (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 10 MCG/ML, 40 MCG/ML, 5 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
RECOMBIVAX HB (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG/ML, 5 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	PA BvD; \$0 copay
ROTARIX ORAL SUSPENSION 10EXP6 CCID50 /1.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
ROTARIX ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP6 CCID50/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
ROTATEQ VACCINE ORAL SOLUTION 2 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SHINGRIX (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay; QL (2 per 365 days)
SHINGRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay; QL (2 per 365 days)
TDVAX INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2-2 LF UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TENIVAC (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 5 LF UNIT- 2 LF UNIT/0.5ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TENIVAC (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 5-2 LF UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TICOVAC INTRAMUSCULAR SYRINGE 1.2 MCG/0.25 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
TICOVAC INTRAMUSCULAR SYRINGE 2.4 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TRUMENBA INTRAMUSCULAR SYRINGE 120 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TWINRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 720 ELISA UNIT- 20 MCG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SOLUTION 25 MCG/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 MCG/0.5 ML	(typhoid vi polysacch vaccine) \$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 25 UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 50 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 UNIT/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
VARIVAX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1,350 UNIT/0.5 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
VAXCHORA VACCINE ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 4X10EXP8 TO 2X 10EXP9 CF UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
VIMKUNYA INTRAMUSCULAR SYRINGE 40 MCG/0.8 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
VIVOTIF ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 2 BILLION UNIT	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay
YF-VAX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10 EXP4.74 UNIT/0.5 ML, 10 EXP4.74 UNIT/0.5 ML(2.5 ML IN 1 VIAL)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	\$0 copay

## **Inflammatory Bowel Disease Agents**

### **Inflammatory Bowel Disease Agents**

<i>alosetron oral tablet 0.5 mg</i> (Lotronex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>alosetron oral tablet 1 mg</i> (Lotronex)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>balsalazide oral capsule 750 mg</i> (Colazal)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>budesonide oral capsule, delayed, extend. release 3 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>budesonide rectal foam 2 mg/actuation</i> (Uceris)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone rectal enema 100 mg/60 ml</i> (Cortenema)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mesalamine oral capsule, extended release 500 mg</i> (Pentasa)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mesalamine oral capsule, extended release 24hr 0.375 gram</i> (Apriso)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mesalamine oral tablet, delayed release (dr/ec) 1.2 gram</i> (Lialda)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>sulfasalazine oral tablet 500 mg</i> (Azulfidine)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sulfasalazine oral tablet, delayed release (dr/ec) 500 mg</i> (Azulfidine EN-tabs)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	
<b>Metabolic Bone Disease Agents</b>		
<b>Metabolic Bone Disease Agents</b>		
<i>alendronate oral solution 70 mg/75 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (300 per 28 days)
<i>alendronate oral tablet 10 mg</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>alendronate oral tablet 35 mg</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>alendronate oral tablet 70 mg</i> (Fosamax)	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>calcitonin (salmon) nasal spray, non-aerosol 200 unit/actuation</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>calcitriol oral capsule 0.25 mcg, 0.5 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cinacalcet oral tablet 30 mg, 60 mg</i> (Sensipar)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>cinacalcet oral tablet 90 mg</i> (Sensipar)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>ibandronate oral tablet 150 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
NATPARA SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 MCG/DOSE, 25 MCG/DOSE, 50 MCG/DOSE, 75 MCG/DOSE	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (2 per 28 days)
OSENVELT SUBCUTANEOUS SOLUTION 120 MG/1.7 ML (70 MG/ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>paricalcitol oral capsule 1 mcg, 2 mcg</i> (Zemplar)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>paricalcitol oral capsule 4 mcg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RAYALDEE ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24 HR 30 MCG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
STOBOCLO SUBCUTANEOUS SYRINGE 60 MG/ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (1 per 180 days)
<i>teriparatide subcutaneous pen injector 20 mcg/dose (560mcg/2.24ml)</i> (Bonsity)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (2.24 per 28 days)
TYMLOS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 80 MCG (3,120 MCG/1.56 ML)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1.56 per 30 days)
<b>Miscellaneous Therapeutic Agents</b>		
<b>Miscellaneous Therapeutic Agents</b>		
ACTIMMUNE SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 MCG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
BAQSIMI NASAL SPRAY, NON-AEROSOL 3 MG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>betaine oral powder 1 gram/scoop</i> (Cystadane)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<i>bupirone oral tablet 10 mg, 15 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diazoxide oral suspension 50 mg/ml</i> (Proglycem)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>glucagon emergency kit (human) injection recon soln 1 mg</i>	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>glutamine (sickle cell) oral powder in packet 5 gram</i> (Endari)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
GVOKE HYPOPEN 2-PACK SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 0.5 MG/0.1 ML, 1 MG/0.2 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
GVOKE PFS 1-PACK SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 0.5 MG/0.1 ML, 1 MG/0.2 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GVOKE SUBCUTANEOUS SOLUTION 1 MG/0.2 ML	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>hydroxyzine pamoate oral capsule 100 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>hydroxyzine pamoate oral capsule 25 mg, 50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>leucovorin calcium oral tablet 10 mg, 15 mg, 25 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>mesna oral tablet 400 mg</i> (Mesnex)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS
<i>nitroglycerin rectal ointment 0.4 % (w/w)</i> (Rectiv)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>pyridostigmine bromide oral tablet 60 mg</i> (Mestinon)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
THALOMID ORAL CAPSULE 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
THALOMID ORAL CAPSULE 150 MG, 200 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
THALOMID ORAL CAPSULE 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
TYBOST ORAL TABLET 150 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
VEOZAH ORAL TABLET 45 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	PA; QL (30 per 30 days)
VOWST ORAL CAPSULE 1 X 10EXP6 TO 3 X 10EXP7 CELL	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 30 days)
<b>Ophthalmic Agents</b>		
<b>Antiglaucoma Agents</b>		
<i>acetazolamide oral capsule, extended release 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>acetazolamide oral tablet 125 mg, 250 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>acetazolamide sodium injection recon soln 500 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>betaxolol ophthalmic (eye) drops 0.5 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>brimonidine ophthalmic (eye) drops</i> (Alphagan P) 0.1 %, 0.15 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>brimonidine ophthalmic (eye) drops</i> 0.2 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>brimonidine-timolol ophthalmic (eye) drops</i> (Combigan) 0.2-0.5 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>brinzolamide ophthalmic (eye) drops,suspension</i> (Azopt) 1 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>carteolol ophthalmic (eye) drops</i> 1 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dorzolamide ophthalmic (eye) drops</i> 2 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dorzolamide-timolol ophthalmic (eye) drops</i> (Cosopt) 22.3-6.8 mg/ml	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>latanoprost ophthalmic (eye) drops</i> (Xalatan) 0.005 %	\$0 (Tier 1)	QL (2.5 per 25 days)
<i>levobunolol ophthalmic (eye) drops</i> 0.5 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
LUMIGAN OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.01 % (bimatoprost)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
<i>methazolamide oral tablet</i> 25 mg, 50 mg	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>pilocarpine hcl ophthalmic (eye) drops</i> 1 %, 2 %, 4 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
RHOPRESSA OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.02 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
ROCKLATAN OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.02-0.005 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
SIMBRINZA OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 1-0.2 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	
<i>timolol maleate ophthalmic (eye) drops</i> 0.25 %, 0.5 %	\$0 (Tier 1)	
<i>timolol ophthalmic (eye) drops</i> 0.5 % (Betimol)	\$0 (Tier 1)	
<i>travoprost ophthalmic (eye) drops</i> (Travatan Z) 0.004 %	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (2.5 per 25 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VYZULTA OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.024 %	\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (5 per 30 days)
<b>Replacement Preparations</b>		
<b>Replacement Preparations</b>		
<i>d5 % (d-glucose)-0.9 % sodchlr intravenous parenteral solution</i>	(d5 % and 0.9 % sodium chloride)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>d5 % and 0.9 % sodium chloride intravenous parenteral solution</i>	(D5 % (d-glucose)-0.9 % sodchlr)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>d5 %-0.45 % sodium chloride intravenous parenteral solution</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>klor-con m10 oral tablet,er particles/crystals 10 meq</i>	(potassium chloride)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>klor-con m15 oral tablet,er particles/crystals 15 meq</i>	(potassium chloride)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>klor-con m20 oral tablet,er particles/crystals 20 meq</i>	(potassium chloride)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>magnesium sulfate injection solution 500 mg/ml (50 %)</i>		\$4.90 - \$12.65 (Tier 4)
<i>magnesium sulfate injection syringe 500 mg/ml (50 %)</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride intravenous solution 2 meq/ml</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral capsule, extended release 10 meq, 8 meq</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral liquid 20 meq/15 ml, 40 meq/15 ml</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral tablet extended release 10 meq</i>	(Klor-Con 10)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral tablet extended release 15 meq, 20 meq</i>		\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral tablet extended release 8 meq</i>	(Klor-Con 8)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral tablet,er particles/crystals 10 meq</i>	(Klor-Con M10)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)
<i>potassium chloride oral tablet,er particles/crystals 15 meq</i>	(Klor-Con M15)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>potassium chloride oral tablet, er particles/crystals 20 meq</i> (Klor-Con M20)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>potassium citrate oral tablet extended release 10 meq (1,080 mg)</i> (Urocit-K 10)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>potassium citrate oral tablet extended release 15 meq</i> (Urocit-K 15)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>potassium citrate oral tablet extended release 5 meq (540 mg)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium chloride 0.45 % intravenous parenteral solution 0.45 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium chloride 0.9 % intravenous parenteral solution</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>sodium chloride 0.9% solution mini-bag, single use</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Respiratory Tract Agents</b>		
<b>Anti-Inflammatories, Inhaled Corticosteroids</b>		
ADVAIR HFA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 115-21 MCG/ACTUATION, 230-21 MCG/ACTUATION, 45-21 MCG/ACTUATION (fluticasone propion-salmeterol)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
AIRSUPRA 90-80 MCG INHALER 90-80 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (32.1 per 30 days)
ARNUITY ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100 MCG/ACTUATION, 200 MCG/ACTUATION, 50 MCG/ACTUATION (fluticasone furoate)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
BREO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100-25 MCG/DOSE, 200-25 MCG/DOSE (fluticasone furoate-vilanterol)	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 50-25 MCG/DOSE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>breyna inhalation hfa aerosol inhaler</i> (budesonide-formoterol) 160-4.5 mcg/actuation, 80-4.5 mcg/actuation	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30.9 per 30 days)
<i>budesonide inhalation suspension for nebulization</i> 0.25 mg/2 ml, 0.5 mg/2 ml, 1 mg/2 ml (Pulmicort)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (120 per 30 days)
<i>budesonide-formoterol inhalation hfa aerosol inhaler</i> 160-4.5 mcg/actuation, 80-4.5 mcg/actuation (Breyna)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30.6 per 30 days)
<i>fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler</i> 110 mcg/actuation	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
<i>fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler</i> 220 mcg/actuation	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
<i>fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler</i> 44 mcg/actuation	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (21.2 per 30 days)
<i>fluticasone propion-salmeterol inhalation blister with device</i> 100-50 mcg/dose, 250-50 mcg/dose, 500-50 mcg/dose (Wixela Inhub)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>wixela inhub inhalation blister with device</i> 100-50 mcg/dose, 250-50 mcg/dose, 500-50 mcg/dose (fluticasone propion-salmeterol)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<b>Antileukotrienes</b>		
<i>montelukast oral tablet</i> 10 mg (Singulair)	\$0 (Tier 1)	
<i>montelukast oral tablet, chewable</i> 4 mg, 5 mg (Singulair)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>zafirlukast oral tablet</i> 10 mg, 20 mg (Accolate)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<b>Bronchodilators</b>		
AIRSUPRA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 90-80 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (32.1 per 30 days)
<i>albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler</i> 90 mcg/actuation (Ventolin HFA)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (17 per 30 days)
<i>albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler</i> 90 mcg/actuation (nda020503)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (13.4 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler 90 mcg/actuation (nda020983)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
<i>albuterol sulfate inhalation solution for nebulization 0.63 mg/3 ml, 1.25 mg/3 ml, 2.5 mg /3 ml (0.083 %), 2.5 mg/0.5 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
ANORO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 62.5-25 MCG/ACTUATION	(\$umeclidinium-vilanterol) \$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ATROVENT HFA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 17 MCG/ACTUATION	(\$ipratropium bromide) \$4.90 - \$12.65 (Tier 4)	QL (25.8 per 28 days)
BREZTRI AEROSPHERE INHALATION HFA AEROSOL INHALER 160-9-4.8 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (10.7 per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT INHALATION MIST 20-100 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (8 per 30 days)
<i>ipratropium bromide inhalation hfa aerosol inhaler 17 mcg/actuation</i>	(\$Atrovent HFA) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (25.8 per 28 days)
<i>ipratropium bromide inhalation solution 0.02 %</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
<i>ipratropium-albuterol inhalation solution for nebulization 0.5 mg-3 mg(2.5 mg base)/3 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (540 per 30 days)
SEREVENT DISKUS INHALATION BLISTER WITH DEVICE 50 MCG/DOSE	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT INHALATION MIST 1.25 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT INHALATION MIST 2.5 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
STIOLTO RESPIMAT INHALATION MIST 2.5-2.5 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
STRIVERDI RESPIMAT INHALATION MIST 2.5 MCG/ACTUATION	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
<i>theophylline oral solution 80 mg/15 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>theophylline oral tablet extended release 12 hr 100 mg, 200 mg, 300 mg, 450 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>theophylline oral tablet extended release 24 hr 400 mg, 600 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tiotropium bromide inhalation capsule, w/inhalation device 18 mcg</i>	(\$piriva with HandiHaler) \$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100-62.5-25 MCG, 200- 62.5-25 MCG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<b>Respiratory Tract Agents, Other</b>		
<i>acetylcysteine solution 100 mg/ml (10 %), 200 mg/ml (20 %)</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
ALYFTREK ORAL TABLET 10- 50-125 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
ALYFTREK ORAL TABLET 4-20- 50 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
BRONCHITOL INHALATION CAPSULE, W/INHALATION DEVICE 40 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	NDS; QL (560 per 28 days)
<i>cromolyn inhalation solution for nebulization 20 mg/2 ml</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA BvD
FASENRA PEN SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 30 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
FASENRA SUBCUTANEOUS SYRINGE 10 MG/0.5 ML, 30 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
JASCAYD ORAL TABLET 18 MG, 9 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
KALYDECO ORAL GRANULES IN PACKET 13.4 MG, 25 MG, 5.8 MG, 50 MG, 75 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
KALYDECO ORAL TABLET 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
<i>nintedanib oral capsule 100 mg, 150 mg</i> (Ofev)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 100 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.4 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (0.4 per 28 days)
OFEV ORAL CAPSULE 100 MG, 150 MG (nintedanib)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
ORKAMBI ORAL TABLET 100-125 MG, 200-125 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
<i>pirfenidone oral capsule 267 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (270 per 30 days)
<i>pirfenidone oral tablet 267 mg</i> (Esbriet)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (270 per 30 days)
<i>pirfenidone oral tablet 534 mg</i>	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>pirfenidone oral tablet 801 mg</i> (Esbriet)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
PROLASTIN-C INTRAVENOUS SOLUTION 1,000 MG (+/-)/20 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
<i>roflumilast oral tablet 250 mcg</i> (Daliresp)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (28 per 28 days)
<i>roflumilast oral tablet 500 mcg</i> (Daliresp)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
TRIKAFTA ORAL GRANULES IN PACKET, SEQUENTIAL 100-50-75MG (D) /75 MG (N), 80-40-60 MG (D) /59.5 MG (N)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
TRIKAFTA ORAL TABLETS, SEQUENTIAL 100-50-75 MG(D) /150 MG (N), 50-25-37.5 MG (D)/75 MG (N)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
WINREVAIR SUBCUTANEOUS KIT 120 MG (60 MG X 2), 45 MG, 60 MG, 90 MG (45 MG X 2)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 21 days)
XOLAIR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 150 MG/ML, 300 MG/2 ML, 75 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XOLAIR SUBCUTANEOUS RECON SOLN 150 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XOLAIR SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML, 300 MG/2 ML, 75 MG/0.5 ML	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS

### **Skeletal Muscle Relaxants**

#### **Skeletal Muscle Relaxants**

<i>baclofen oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>cyclobenzaprine oral tablet 10 mg, 5 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>dantrolene oral capsule 100 mg, 50 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>dantrolene oral capsule 25 mg</i> (Dantrium)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>methocarbamol oral tablet 500 mg, 750 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tizanidine oral tablet 2 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	
<i>tizanidine oral tablet 4 mg</i> (Zanaflex)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	

### **Sleep Disorder Agents**

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<b>Sleep Disorder Agents</b>		
<i>armodafinil oral tablet 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg</i> (Nuvigil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
BELSOMRA ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 5 MG	\$4.90 - \$12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>doxepin oral tablet 3 mg, 6 mg</i> (Silenor)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>eszopiclone oral tablet 1 mg, 2 mg, 3 mg</i> (Lunesta)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>modafinil oral tablet 100 mg</i> (Provigil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
<i>modafinil oral tablet 200 mg</i> (Provigil)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
<i>sodium oxybate oral solution 500 mg/ml</i> (Xyrem)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (540 per 30 days)
<i>zaleplon oral capsule 10 mg, 5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem oral tablet 10 mg, 5 mg</i> (Ambien)	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<b>Vasodilating Agents</b>		
<b>Vasodilating Agents</b>		
ADEMPAS ORAL TABLET 0.5 MG, 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 2.5 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
<i>alyq oral tablet 20 mg</i> (tadalafil (pulm. hypertension))	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
<i>bosentan oral tablet 125 mg, 62.5 mg</i> (Tracleer)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (60 per 30 days)
OPSUMIT ORAL TABLET 10 MG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
<i>sildenafil (pulm.hypertension) oral tablet 20 mg</i> (Revatio)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (360 per 30 days)
<i>tadalafil oral tablet 2.5 mg</i>	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
<i>tadalafil oral tablet 5 mg</i> (Cialis)	\$1.60 - \$5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
UPTRAVI ORAL TABLET 1,000 MCG, 1,200 MCG, 1,400 MCG, 1,600 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
UPTRAVI ORAL TABLET 200 MCG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (240 per 30 days)
UPTRAVI ORAL TABLETS,DOSE PACK 200 MCG (140)- 800 MCG (60)	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUTREPIA INHALATION CAPSULE, W/INHALATION DEVICE 106 MCG, 26.5 MCG, 53 MCG, 79.5 MCG	\$1.60 - \$12.65 (Tier 5)	PA; NDS
<b>Vitamins And Minerals</b>		
<b>Vitamins And Minerals</b>		
<i>bal-care dha combo pack 27-1-430 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bal-care dha essential pack 27 mg iron-1 mg -374 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>c-nate dha softgel 28 mg iron-1 mg - 200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>completenate tablet chew 29 mg iron-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>folivane-ob capsule 85-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>kosher prenatal plus iron tab 30 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>marnatal-f capsule 60 mg iron-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>m-natal plus tablet 27 mg iron- 1 mg</i> (pnv,calcium 72-iron-folic acid)	\$0 (Tier 1)	
<i>mynatal advance oral tablet 90-1-50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mynatal capsule 65 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mynatal oral tablet 90-1-50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mynatal plus captab 65 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mynatal-z captab 65 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mynate 90 plus oral tablet extended release 90 mg iron-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>newgen tablet 32-1,000 mg-mcg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>niva-plus tablet 27 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>obstetrix dha combo pack 29 mg iron- 1,700 mcg dfe</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>obstetrix dha oral combo pack,tablet and cap,dr 29 mg iron-1 mg -50 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pnv prenatal plus multivit tab gluten-free (rx) 27 mg iron- 1 mg</i>	(pnv,calcium 72-iron-folic acid) \$0 (Tier 1)	
<i>pnv-dha + docusate oral capsule 27-1.25-55-300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pnv-omega softgel 28-1-300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pr natal 400 combo pack 29-1-400 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pr natal 400 ec combo pack 29-1-400 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pr natal 430 combo pack 29 mg iron-1 mg -430 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pr natal 430 ec combo pack 29-1-430 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenal true combo pack 30 mg iron-1.4 mg-300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenaissance oral capsule 29-1.25-55-325 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenaissance plus oral capsule 28-1-50-250 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenatabs fa tablet 29-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenatal 19 (with docusate) oral tablet 29 mg iron- 1 mg-25 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenatal 19 chewable tablet 29 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prenatal plus iron tablet (rx) 29 mg iron- 1 mg</i>	(pnv,calcium 72-iron,carb-folic) \$0 (Tier 1)	
<i>prenatal vitamin plus low iron oral tablet 27 mg iron- 1 mg</i>	(pnv,calcium 72-iron-folic acid) \$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

<b>Name of Drug</b>	<b>What the drug will cost you (tier level)</b>	<b>Necessary actions, restrictions, or limits on use</b>
<i>prenatal-u capsule 106.5-1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>preplus oral tablet 27 mg iron- 1 mg (pnv,calcium 72-iron-folic acid)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>r-natal ob softgel 20 mg iron- 1 mg-320 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>select-ob chewable caplet 29 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>select-ob chewable caplet 29 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>se-natal 19 chewable tablet 29 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>taron-c dha capsule 35-1-200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>taron-prex prenatal-dha oral capsule 30 mg iron-1.2 mg-55 mg-265 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>virt-c dha oral capsule 35-1-200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>virt-nate dha softgel 28 mg iron-1 mg -200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>virt-pn dha softgel (rx) 27 mg iron-1 mg -300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vitafol gummies 3.33 mg iron- 0.33 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vitafol nano oral tablet 18 mg iron- 1 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vitafol-ob+dha combo pack 65-1-250 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vp-ch-pnv oral capsule 30 mg iron-1 mg -50 mg-260 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vp-pnv-dha oral capsule 28 mg iron-1 mg-200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>zatean-pn dha capsule 27 mg iron-1 mg -300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>zatean-pn plus softgel 28-1-300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>zingiber tablet 1.2 mg-40 mg- 124.1 mg-100 mg</i>	\$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

---

## **D. Chỉ Mục Thuốc Được Đãi Thọ**

Trong phần này, quý vị có thể tìm thấy một loại thuốc bằng cách tìm kiếm tên theo thứ tự bảng chữ cái. Điều này sẽ cho quý vị biết số trang mà quý vị có thể tìm thấy thông tin đãi thọ bổ sung cho thuốc của mình.

## INDEX

<b>1</b>		
1ST TIER UNIFINE PENTIPS		
.....	137	
1ST TIER UNIFINE PENTIPS PLUS	.....	137, 138
<b>A</b>		
<i>abacavir</i> .....	96	
<i>abacavir-lamivudine</i> .....	96	
ABELCET.....	79	
<i>abigale</i> .....	198	
<i>abigale lo</i> .....	198	
ABILIFY ASIMTUFII.....	89	
ABILIFY MAINTENA.....	89	
<i>abiraterone</i> .....	42	
<i>abiraterone, submicronized</i> ....	42	
<i>abirtega</i> .....	42	
ABRYSVO (PF).....	210	
<i>acamprosate</i> .....	31	
<i>acarbose</i> .....	73	
<i>acebutolol</i> .....	111	
<i>acetaminophen-codeine</i> .....	27	
<i>acetazolamide</i> .....	219	
<i>acetazolamide sodium</i> .....	219	
<i>acetic acid</i> .....	189	
<i>acetylcysteine</i> .....	225	
<i>acitretin</i> .....	132	
ACTHIB (PF).....	210	
ACTIMMUNE.....	218	
<i>acyclovir</i> .....	103, 132	
<i>acyclovir sodium</i> .....	103	
ADACEL(TDAP		
ADOLESN/ADULT)(PF)	.....	210, 211
<i>adalimumab-aaty</i> .....	202, 203	
<i>adalimumab-aaty(cf) ai crohns</i>	.....	203
<i>adapalene</i> .....	137	
<i>adefovir</i> .....	103	
ADEMPAS.....	228	
<i>adrucil</i> .....	42	
ADVAIR HFA.....	222	
ADVOCATE PEN NEEDLE	.....	138
ADVOCATE SYRINGES..	138	
<i>afirmelle</i> .....	123	
AIMOVIG AUTOINJECTOR	.....	83
AIRSUPRA.....	222, 223	
AKEEGA.....	42	
<i>ak-poly-bac</i> .....	189	
<i>ala-cort</i> .....	134	
<i>albendazole</i> .....	86	
<i>albuterol sulfate</i> .....	223, 224	
ALCOHOL PADS.....	139	
ALCOHOL PREP PADS ...	161	
ALCOHOL PREP SWABS.	139	
ALCOHOL SWABS.....	157	
ALCOHOL WIPES.....	139	
ALECENSA.....	42	
<i>alendronate</i> .....	217	
<i>alfuzosin</i> .....	197	
<i>aliskiren</i> .....	118	
<i>allopurinol</i> .....	82	
<i>alosepron</i> .....	216	
<i>alprazolam</i> .....	32	
<i>altavera (28)</i> .....	123	
ALTRENO.....	137	
ALUNBRIG.....	42	
ALVAIZ.....	106	
<i>alyacen 1/35 (28)</i> .....	123	
<i>alyacen 7/7/7 (28)</i> .....	123	
ALYFTREK.....	225	
<i>alyq</i> .....	228	
<i>amantadine hcl</i> .....	87	
<i>amethyst (28)</i> .....	123	
<i>amikacin</i> .....	34	
<i>amiloride</i> .....	115	
<i>amiloride-hydrochlorothiazide</i>	.....	115
<i>amiodarone</i> .....	111	
<i>amitriptyline</i> .....	70	
<i>amlodipine</i> .....	114	
<i>amlodipine-atorvastatin</i> .....	116	
<i>amlodipine-benazepril</i> .	114, 115	
<i>amlodipine-olmesartan</i> .....	115	
<i>amlodipine-valsartan</i> .....	115	
<i>amlodipine-valsartan-hcthiamid</i>	.....	115
<i>ammonium lactate</i> .....	132	
<i>amoxapine</i> .....	70	
<i>amoxicil-clarithromy-lansopraz</i>	.....	192
<i>amoxicillin</i> .....	38	
<i>amoxicillin-pot clavulanate</i> ..	38,	
	39	
<i>amphotericin b</i> .....	79	
<i>amphotericin b liposome</i> .....	79	
<i>ampicillin</i> .....	39	
<i>ampicillin sodium</i> .....	39	
<i>ampicillin-sulbactam</i> .....	39	
<i>anagrelide</i> .....	107	
<i>anastrozole</i> .....	42	
ANKTIVA.....	42	
ANORO ELLIPTA.....	224	
<i>aprepitant</i> .....	85	
<i>apri</i> .....	123	
APTIVUS.....	96	
AQINJECT PEN NEEDLE .	139	
ARCALYST.....	203	
AREXVY (PF).....	211	
ARIKAYCE.....	34	

<i>aripiprazole</i> .....	89	AVMAPKI-FAKZYNJA.....	42	BD ULTRA-FINE MINI PEN	
ARISTADA.....	89, 90	AVONEX .....	120	NEEDLE .....	141
ARISTADA INITIO .....	89	AXTLE .....	42	BD ULTRA-FINE NANO PEN	
<i>armodafinil</i> .....	228	<i>ayuna</i> .....	124	NEEDLE .....	141
ARNUITY ELLIPTA.....	222	AYVAKIT .....	43	BD ULTRA-FINE ORIG PEN	
<i>asenapine maleate</i> .....	90	<i>azacitidine</i> .....	43	NEEDLE.....	141
<i>aspirin-dipyridamole</i> .....	107	<i>azathioprine</i> .....	203	BD ULTRA-FINE SHORT	
ASSURE ID DUO PRO SFTY		<i>azathioprine sodium</i> .....	203	PEN NEEDLE .....	141
PEN NDL .....	139	<i>azelastine</i> .....	188	BD VEO INSULIN SYR	
ASSURE ID DUO-SHIELD	139	<i>azithromycin</i> .....	37	(HALF UNIT).....	141
ASSURE ID INSULIN		<i>aztreonam</i> .....	38	BD VEO INSULIN SYRINGE	
SAFETY.....	139	<i>azurette (28)</i> .....	124	UF .....	141
ASSURE ID PEN NEEDLE	139	<b>B</b>		BELSOMRA.....	228
ASSURE ID PRO PEN		<i>bacitracin</i> .....	189	<i>benazepril</i> .....	110
NEEDLE .....	139	<i>bacitracin-polymyxin b</i> .....	189	<i>benazepril-hydrochlorothiazide</i>	
ASTAGRAF XL .....	203	<i>baclofen</i> .....	227	.....	110
<i>atazanavir</i> .....	96	<i>bal-care dha</i> .....	229	<i>bendamustine</i> .....	43
<i>atenolol</i> .....	111	<i>bal-care dha essential</i> .....	229	BENDAMUSTINE .....	43
<i>atenolol-chlorthalidone</i> .....	111	<i>balsalazide</i> .....	216	BENDEKA .....	43
<i>atomoxetine</i> .....	119	BALVERSA .....	43	BENLYSTA.....	203
<i>atorvastatin</i> .....	116	BAQSIMI .....	218	<i>benztropine</i> .....	87
<i>atovaquone</i> .....	86	BCG VACCINE, LIVE (PF)211		BESREMI .....	203
<i>atovaquone-proguanil</i> .....	86	BD ALCOHOL SWABS.....	141	<i>betaine</i> .....	218
<i>atropine</i> .....	188	BD AUTOSHIELD DUO PEN		<i>betamethasone dipropionate</i> 134	
ATROVENT HFA .....	224	NEEDLE.....	139	<i>betamethasone valerate</i> .....	134
ATTRUBY .....	113	BD ECLIPSE LUER-LOK..	140	<i>betamethasone, augmented</i> . 134,	
<i>aubra eq</i> .....	123	BD INSULIN SYRINGE ....	140	135	
AUGTYRO .....	42	BD INSULIN SYRINGE		BETASERON .....	120
<i>aurovela 1.5/30 (21)</i> .....	123	(HALF UNIT).....	140	<i>betaxolol</i> .....	219
<i>aurovela 1/20 (21)</i> .....	124	BD INSULIN SYRINGE		<i>bethanechol chloride</i> .....	196
<i>aurovela 24 fe</i> .....	124	ULTRA-FINE.....	140	<i>bexarotene</i> .....	43
<i>aurovela fe 1.5/30 (28)</i> .....	124	BD LO-DOSE ULTRA-FINE		BEXSERO .....	211
<i>aurovela fe 1-20 (28)</i> .....	124	.....	140	<i>bicalutamide</i> .....	43
AUSTEDO .....	119	BD NANO 2ND GEN PEN		BICILLIN L-A.....	39
AUSTEDO XR.....	120	NEEDLE.....	140	BIKTARVY .....	96
AUSTEDO XR TITRATION		BD SAFETYGLIDE INSULIN		<i>bisoprolol fumarate</i> .....	111
KT(WK1-4).....	120	SYRINGE.....	140, 141	<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide</i>	
AUTOSHIELD DUO PEN		BD SAFETYGLIDE SYRINGE		.....	111
NEEDLE .....	139	.....	140	BIZENGRI .....	43
AUVELITY .....	70	BD ULTRA-FINE MICRO		<i>bleomycin</i> .....	43
<i>aviane</i> .....	124	PEN NEEDLE .....	141	<i>blisovi 24 fe</i> .....	124
AVMAPKI .....	42			<i>blisovi fe 1.5/30 (28)</i> .....	124

<i>blisovi fe 1/20 (28)</i> .....	124	<i>calcium acetate(phosphat bind)</i> .....	195, 196	<i>cefuroxime axetil</i> .....	37
BOOSTRIX TDAP .....	211	CALQUENCE.....	44	<i>cefuroxime sodium</i> .....	37
BORDERED GAUZE.....	141	CALQUENCE (ACALABRUTINIB MAL)	.....	<i>celecoxib</i> .....	29
<i>bortezomib</i> .....	43	.....	44	<i>cephalexin</i> .....	37
BORUZU .....	43	CAMCEVI (6 MONTH) .....	44	<i>cevimeline</i> .....	132
<i>bosentan</i> .....	228	<i>camila</i> .....	124	<i>chateal eq (28)</i> .....	124
BOSULIF .....	44	CAMZYOS.....	113	<i>chlordiazepoxide hcl</i> .....	33
BRAFTOVI.....	44	<i>candesartan</i> .....	108	<i>chlorhexidine gluconate</i> .....	132
BREO ELLIPTA .....	222	<i>candesartan-hydrochlorothiazid</i> .....	108	<i>chloroquine phosphate</i> .....	86
<i>breyna</i> .....	223	CAPLYTA.....	90	<i>chlorpromazine</i> .....	90
BREZTRI AEROSPHERE ..	224	CAPRELSA.....	44	<i>chlorthalidone</i> .....	115
<i>brimonidine</i> .....	220	<i>captopril</i> .....	110	<i>cholestyramine (with sugar)</i>	117
<i>brimonidine-timolol</i> .....	220	<i>carbamazepine</i> .....	62, 63	<i>cholestyramine light</i> .....	117
<i>brinzolamide</i> .....	220	<i>carbidopa-levodopa</i> .....	87, 88	<i>ciclopirox</i> .....	79, 80
<i>brivaracetam</i> .....	62	CAREFINE PEN NEEDLE	141, 142	<i>cilostazol</i> .....	107
BRIVIACT .....	62	CARETOUCH ALCOHOL PREP PAD.....	142	CIMDUO .....	97
<i>bromfenac</i> .....	191	CARETOUCH INSULIN SYRINGE.....	142, 143	<i>cimetidine hcl</i> .....	192
<i>bromocriptine</i> .....	87	CARETOUCH PEN NEEDLE .....	142	CIMZIA .....	203
BRONCHITOL .....	225	<i>carglumic acid</i> .....	193	CIMZIA POWDER FOR RECONST .....	203
BRUKINSA .....	44	<i>carteolol</i> .....	220	CIMZIA STARTER KIT .....	203
<i>budesonide</i> .....	216, 223	<i>cartia xt</i> .....	112	<i>cinacalcet</i> .....	217
<i>budesonide-formoterol</i> .....	223	<i>carvedilol</i> .....	112	<i>ciprofloxacin hcl</i> .....	40, 189
<i>bumetanide</i> .....	115	CAYSTON .....	38	<i>ciprofloxacin in 5 % dextrose</i>	40
<i>buprenorphine</i> .....	27	<i>cefaclor</i> .....	36	<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i> .....	189
<i>buprenorphine hcl</i> .....	31	<i>cefadroxil</i> .....	36	<i>citalopram</i> .....	70
<i>buprenorphine-naloxone</i> .....	32	<i>cefazolin</i> .....	36	<i>clarithromycin</i> .....	37
<i>bupropion hcl</i> .....	70	<i>cefdinir</i> .....	36	CLICKFINE PEN NEEDLE .....	143, 157
<i>bupropion hcl (smoking deter)</i> .....	32	<i>cefepime</i> .....	36	<i>clindamycin hcl</i> .....	34
<i>buspirone</i> .....	218	<i>cefexime</i> .....	36	<i>clindamycin phosphate</i> ....	34, 35, 82, 133
<i>butalbital-acetaminop-caf-cod</i> .....	27	<i>cefoxitin</i> .....	36	<i>clindamycin-benzoyl peroxide</i> .....	133
<i>butalbital-acetaminophen-caff</i> 27		<i>cefpodoxime</i> .....	36	CLINIMIX 6%-D5W (SULFITE-FREE).....	107
<b>C</b>		<i>cefprozil</i> .....	36	CLINIMIX 8%- D10W(SULFITE-FREE) .	107
CABENUVA.....	97	<i>ceftaroline fosamil</i> .....	36	CLINIMIX 8%- D14W(SULFITE-FREE) .	107
<i>cabergoline</i> .....	87	<i>ceftazidime</i> .....	36		
CABOMETYX.....	44	<i>ceftriaxone</i> .....	37		
<i>cabotegravir</i> .....	97				
<i>calcipotriene</i> .....	132, 133				
<i>calcitonin (salmon)</i> .....	217				
<i>calcitriol</i> .....	217				

CLINIMIX E 8%-D10W	COSENTYX.....	DAPTACEL (DTAP
SULFITEFREE .....	COSENTYX (2 SYRINGES)	PEDIATRIC) (PF) .....
CLINIMIX E 8%-D14W	.....	<i>daptomycin</i> .....
SULFITEFREE .....	COSENTYX PEN (2 PENS)204	<i>darunavir</i> .....
<i>clobazam</i> .....	COSENTYX UNOREADY	<i>dasatinib</i> .....
<i>clobetasol</i> .....	PEN.....	<i>dasetta 1/35 (28)</i> .....
<i>clobetasol-emollient</i> .....	COTELLIC.....	<i>dasetta 7/7/7 (28)</i> .....
<i>clomipramine</i> .....	CREON.....	DATROWAY .....
<i>clonazepam</i> .....	CRESEMBA.....	DAURISMO .....
<i>clonidine</i> .....	<i>cromolyn</i> .....	<i>deblitane</i> .....
<i>clonidine hcl</i> .....	<i>cryselle (28)</i> .....	<i>decitabine</i> .....
<i>clopidogrel</i> .....	CURAD GAUZE PAD.....	<i>deferasirox</i> .....
<i>clorazepate dipotassium</i> .....	CURITY ALCOHOL SWABS	DELSTRIGO .....
<i>clotrimazole</i> .....	.....	<i>demeclocycline</i> .....
<i>clotrimazole-betamethasone</i> ..	CURITY GAUZE.....	DENGVAXIA (PF) .....
<i>clozapine</i> .....	<i>cyclobenzaprine</i> .....	<i>denta 5000 plus</i> .....
<i>c-nate dha</i> .....	<i>cyclophosphamide</i> .....	<i>dentagel</i> .....
COARTEM .....	<i>cyclosporine</i> .....	DEPO-SUBQ PROVERA 104
COBENFY .....	<i>cyclosporine modified</i> .....	.....
COBENFY STARTER PACK	CYLTEZO(CF) .....	DERMACEA .....
.....	CYLTEZO(CF) PEN .....	DERMACEA NON-WOVEN
<i>colchicine</i> .....	CYLTEZO(CF) PEN	.....
<i>colesevelam</i> .....	CROHN'S-UC-HS.....	<i>dermacinrx lidocan</i> .....
<i>colestipol</i> .....	CYLTEZO(CF) PEN	DESCOVY.....
<i>colistin (colistimethate na)</i> .....	PSORIASIS-UV .....	<i>desipramine</i> .....
COMBIVENT RESPIMAT .224	<i>cyred eq</i> .....	<i>desmopressin</i> .....
COMETRIQ.....	<b>D</b>	<i>desog-e.estradiol/e.estradiol</i> 124
COMFORT EZ INSULIN	<i>d5 % (d-glucose)-0.9 % sodchl</i>	<i>desogestrel-ethinyl estradiol</i> 125
SYRINGE.....	.....	<i>desvenlafaxine succinate</i> .....
COMFORT EZ PEN NEEDLES	<i>d5 % and 0.9 % sodium chloride</i>	<i>dexamethasone</i> .....
.....	.....	<i>dexamethasone sodium</i>
COMFORT EZ PRO SAFETY	<i>d5 %-0.45 % sodium chloride</i>	<i>phosphate</i> .....
PEN NDL .....	.....	<i>dextroamphetamine-</i>
COMFORT TOUCH PEN	<i>dabigatran etexilate</i> .....	<i>amphetamine</i> .....
NEEDLE .....	<i>dalfampridine</i> .....	<i>dextrose 5 % in water (d5w)</i> 108
<i>completenate</i> .....	<i>danazol</i> .....	DIACOMIT.....
<i>compro</i> .....	<i>dantrolene</i> .....	<i>diazepam</i> .....
<i>conjugated estrogens</i> .....	DANYELZA .....	<i>diazepam intensol</i> .....
<i>constulose</i> .....	DANZITEN.....	<i>diazoxide</i> .....
COPIKTRA.....	<i>dapagliflozin</i> .....	<i>diclofenac epolamine</i> .....
CORLANOR.....	<i>dapagliflozin-metformin</i> .....	<i>diclofenac potassium</i> .....
CORTROPHIN GEL.....	<i>dapsone</i> .....	<i>diclofenac sodium</i> ....
		29, 30, 191

<i>diclofenac-misoprostol</i> .....	30	<i>droxidopa</i> .....	108	EASYLIFE ALCOHOL PADS	
<i>dicloxacillin</i> .....	39	<i>duloxetine</i> .....	71	.....	154
<i>dicyclomine</i> .....	193, 194	DUPIXENT PEN.....	205	EASYLIFE INSULIN PEN	
<i>didanosine</i> .....	97	DUPIXENT SYRINGE.....	205	NEEDLE .....	154, 155
<i>difluprednate</i> .....	191	<i>dutasteride</i> .....	197	EASYLIFE INSULIN	
<i>digoxin</i> .....	114	<b>E</b>		SYRINGE .....	155
<i>dihydroergotamine</i> .....	83	EASY COMFORT ALCOHOL		EASYLIFE SAFETY PEN	
DILANTIN.....	63	PAD .....	150	NEEDLE .....	155
<i>diltiazem hcl</i> .....	112, 113	EASY COMFORT INSULIN		<i>econazole nitrate</i> .....	80
<i>dilt-xr</i> .....	113	SYRINGE.....	150, 151	EDURANT .....	97
<i>dimethyl fumarate</i> .....	121	EASY COMFORT PEN		EDURANT PED.....	97
<i>diphenoxylate-atropine</i> .....	194	NEEDLES .....	151	<i>efavirenz</i> .....	97
<i>dipyridamole</i> .....	107	EASY COMFORT SAFETY		<i>efavirenz-emtricitabin-tenofovr97</i>	
<i>disulfiram</i> .....	32	PEN NEEDLE .....	150	<i>efavirenz-lamivu-tenofov disop</i>	
<i>divalproex</i> .....	63	EASY GLIDE INSULIN		.....	98
<i>dofetilide</i> .....	111	SYRINGE .....	151	ELAHERE .....	45
<i>dolishale</i> .....	125	EASY GLIDE PEN NEEDLE		ELEPSIA XR.....	63, 64
<i>donepezil</i> .....	69	.....	152	ELIGARD.....	46
<i>dorzolamide</i> .....	220	EASY TOUCH .....	154	ELIGARD (3 MONTH).....	45
<i>dorzolamide-timolol</i> .....	220	EASY TOUCH ALCOHOL		ELIGARD (4 MONTH).....	46
DOVATO .....	97	PREP PADS .....	152	ELIGARD (6 MONTH).....	46
<i>doxazosin</i> .....	108	EASY TOUCH		<i>elinest</i> .....	125
<i>doxepin</i> .....	70, 228	AUTORETRACT SYRINGE		ELIQUIS.....	104
<i>doxorubicin, peg-liposomal</i> ....	45	.....	152	ELIQUIS DVT-PE TREAT 30D	
<i>doxy-100</i> .....	41	EASY TOUCH FLIPLOCK		START .....	104
<i>doxycycline hyclate</i> .....	41	INSULIN .....	153	ELIQUIS SPRINKLE.....	104
<i>doxycycline monohydrate</i> .....	41	EASY TOUCH FLIPLOCK		ELREXFIO .....	46
DRIZALMA SPRINKLE.....	70	SYRINGE.....	152	<i>eltrombopag olamine</i> .....	106
<i>dronabinol</i> .....	85	EASY TOUCH INSULIN		<i>eluryng</i> .....	125
DROPLET INSULIN		SAFETY SYR .....	152	EMBRACE PEN NEEDLE .	156
SYR(HALF UNIT) ..	146, 147	EASY TOUCH INSULIN		EMCYT.....	46
DROPLET INSULIN		SYRINGE.....	152, 153, 154	EMGALITY PEN .....	83
SYRINGE.....	146, 147, 148	EASY TOUCH LUER LOCK		EMGALITY SYRINGE .....	83
DROPLET MICRON PEN		INSULIN .....	153	EMRELIS .....	46
NEEDLE .....	148	EASY TOUCH PEN NEEDLE		EMSAM.....	71
DROPLET PEN NEEDLE..	148,	.....	154	<i>emtricitabine</i> .....	98
149		EASY TOUCH SAFETY PEN		<i>emtricitabine-tenofovir (tdf)</i> ...	98
DROPSAFE ALCOHOL PREP		NEEDLE.....	154, 156	<i>emtricitabine-tenofovir df</i> ..	98
PADS.....	149	EASY TOUCH		EMTRIVA .....	98
DROPSAFE INSULIN		SHEATHLOCK INSULIN		<i>emzahh</i> .....	125
SYRINGE.....	149	.....	153	<i>enalapril maleate</i> .....	110
DROPSAFE PEN NEEDLE	149	EASY TOUCH UNI-SLIP ..	154		

<i>enalapril-hydrochlorothiazide</i>	<i>esomeprazole magnesium</i> ...	FASENRA PEN.....
.....110	192,	225
ENBREL.....205	193	<i>febuxostat</i> .....82
ENBREL MINI.....205	<i>estarylla</i> .....125	<i>feirza</i> .....125
ENBREL SURECLICK.....205	<i>estradiol</i> .....198	<i>felbamate</i> .....64
<i>endocet</i> .....27	<i>estradiol-norethindrone acet</i> 198	<i>felodipine</i> .....115
ENGERIX-B (PF).....211	<i>eszopiclone</i> .....228	<i>femynor</i> .....125
ENGERIX-B PEDIATRIC (PF)	<i>ethambutol</i> .....84	<i>fenofibrate</i> .....117
.....211	<i>ethosuximide</i> .....64	<i>fenofibrate micronized</i> .....117
<i>enilloring</i> .....125	<i>ethynodiol diac-eth estradiol</i> 125	<i>fenofibrate nanocrystallized</i> .117
<i>enoxaparin</i> .....104, 105	<i>etodolac</i> .....30	<i>fentanyl</i> .....28
<i>enpresse</i> .....125	<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	<i>fentanyl citrate</i> .....27, 28
ENSACOVE.....46	.....125	<i>fesoterodine</i> .....196
<i>enskyce</i> .....125	ETOPOPHOS.....47	FETZIMA.....71
<i>entacapone</i> .....88	<i>etoposide</i> .....47	FIASP FLEXTOUCH U-100
<i>entecavir</i> .....103	<i>etravirine</i> .....98	INSULIN.....76
ENTRESTO.....108	EUCRISA.....135	FIASP PENFILL U-100
ENTRESTO SPRINKLE.....109	EULEXIN.....47	INSULIN.....76
<i>enulose</i> .....194	<i>everolimus (antineoplastic)</i> ...47	FIASP PUMPCART.....76
EPCLUSA.....103	<i>everolimus</i>	FIASP U-100 INSULIN.....76
EPIDIOLEX.....64	(immunosuppressive).....205	<i>fidaxomicin</i> .....38
<i>epinastine</i> .....188	EVOTAZ.....98	<i>finasteride</i> .....197
<i>epinephrine</i> .....114	EXEL INSULIN.....156	<i>finngolimod</i> .....121
<i>epitol</i> .....64	<i>exemestane</i> .....47	FINTEPLA.....64
EPIVIR HBV.....98	EXTENCILLINE.....39	FIRMAGON KIT W DILUENT
EPKINLY.....46	EXXUA.....71	SYRINGE.....47
<i>eplerenone</i> .....119	EYSUVIS.....191	<i>flavoxate</i> .....196
ERBITUX.....46	<i>ezetimibe</i> .....117	<i>flecainide</i> .....111
<i>ergoloid</i> .....69	<i>ezetimibe-simvastatin</i> .....117	<i>floxuridine</i> .....47
ERIVEDGE.....46	<b>F</b>	<i>fluconazole</i> .....80
ERLEADA.....46	FAKZYNJA.....47	<i>fluconazole in nacl (iso-osm)</i> .80
<i>erlotinib</i> .....46	<i>falmina (28)</i> .....125	<i>flucytosine</i> .....80
<i>errin</i> .....125	<i>famciclovir</i> .....104	<i>fludrocortisone</i> .....199
<i>ertapenem</i> .....38	<i>famotidine</i> .....193	<i>flunisolide</i> .....191
<i>erythromycin</i> .....38, 189	FANAPT.....91	<i>fluocinolone</i> .....135
<i>erythromycin ethylsuccinate</i> ..37,	FANAPT TITRATION PACK	<i>fluocinolone acetonide oil</i> ...191
38	A.....91	<i>fluocinonide</i> .....135
<i>erythromycin with ethanol</i> ...133	FANAPT TITRATION PACK	<i>fluoride (sodium)</i> .....132
ERZOFRI.....90, 91	B.....91	<i>fluorometholone</i> .....191
<i>escitalopram oxalate</i> .....71	FANAPT TITRATION PACK	<i>fluorouracil</i> .....47, 133
<i>eslicarbazepine</i> .....64	C.....91	<i>fluoxetine</i> .....71
	FARXIGA.....73	<i>fluphenazine decanoate</i> .....91
	FASENRA.....225	<i>fluphenazine hcl</i> .....91

<i>flurbiprofen</i> .....	30	<i>gentamicin sulfate (ped) (pf)</i> ..	34	HARVONI .....	103
<i>flurbiprofen sodium</i> .....	191	<i>gentamicin sulfate (pf)</i> .....	34	HAVRIX (PF).....	212
<i>flutamide</i> .....	47	GENVOYA .....	98	HEALTHWISE INSULIN	
<i>fluticasone propionate</i> ..	136, 192, 223	GILOTRIF .....	48	SYRINGE .....	157, 158
<i>fluticasone propion-salmeterol</i>		<i>glatiramer</i> .....	121	HEALTHWISE PEN NEEDLE	
.....	223	<i>glatopa</i> .....	121	.....	158
<i>fluvastatin</i> .....	117	<i>glimepiride</i> .....	79	HEALTHY ACCENTS	
<i>fluvoxamine</i> .....	71	<i>glipizide</i> .....	79	UNIFINE PENTIP .....	158
<i>folivane-ob</i> .....	229	<i>glipizide-metformin</i> .....	79	<i>heather</i> .....	126
<i>fondaparinux</i> .....	105	<i>glucagon emergency kit</i>		<i>heparin (porcine)</i> .....	105
<i>fosamprenavir</i> .....	98	( <i>human</i> ).....	218	HEPLISAV-B (PF).....	212
<i>fosfomycin tromethamine</i> .....	35	<i>glutamine (sickle cell)</i> .....	218	HERCEPTIN HYLECTA.....	48
<i>fosinopril</i> .....	110	<i>glyburide</i> .....	79	HERNEXEOS.....	48
<i>fosinopril-hydrochlorothiazide</i>		<i>glyburide micronized</i> .....	79	HIBERIX (PF) .....	212
.....	110	<i>glyburide-metformin</i> .....	79	HUMIRA .....	206
<i>fosphenytoin</i> .....	64	<i>glycopyrrolate</i> .....	194	HUMIRA PEN.....	206
FOTIVDA .....	47	<i>glydo</i> .....	31	HUMIRA PEN CROHNS-UC-	
FREESTYLE PRECISION ..	156	GLYXAMBI.....	73	HS START.....	206
FRUZAQLA.....	48	GOMEKLI.....	48	HUMIRA PEN PSOR-	
<i>fulvestrant</i> .....	48	<i>griseofulvin microsize</i> .....	80	UVEITS-ADOL HS.....	206
<i>furosemide</i> .....	115	<i>griseofulvin ultramicrosize</i> ....	80	HUMIRA(CF).....	206
FUZEON .....	98	<i>guanfacine</i> .....	108, 121	HUMIRA(CF) PEDI CROHNS	
FYARRO.....	48	GVOKE .....	219	STARTER.....	206
<b>G</b>		GVOKE HYPOPEN 2-PACK		HUMIRA(CF) PEN .....	206
<i>gabapentin</i> .....	64	.....	218	HUMIRA(CF) PEN CROHNS-	
<i>galantamine</i> .....	69	GVOKE PFS 1-PACK		UC-HS.....	206
<i>gallifrey</i> .....	202	SYRINGE.....	218	HUMIRA(CF) PEN	
GAMUNEX-C .....	205	<b>H</b>		PEDIATRIC UC .....	206
GARDASIL 9 (PF).....	212	HADLIMA .....	205	HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-	
GAUZE BANDAGE.....	157	HADLIMA PUSHTOUCH .	205	ADOL HS .....	206
GAUZE PAD .....	156	HADLIMA(CF).....	206	HUMULIN R U-500 (CONC)	
<i>gavilyte-c</i> .....	195	HADLIMA(CF) PUSHTOUCH		INSULIN.....	76
<i>gavilyte-g</i> .....	195	.....	205	HUMULIN R U-500 (CONC)	
<i>gavilyte-n</i> .....	195	HAEGARDA.....	106	KWIKPEN .....	76
GAVRETO.....	48	<i>hailey 24 fe</i> .....	125	<i>hydralazine</i> .....	114
<i>gefitinib</i> .....	48	<i>hailey fe 1.5/30 (28)</i> .....	126	<i>hydrochlorothiazide</i> .....	116
<i>gemfibrozil</i> .....	117	<i>hailey fe 1/20 (28)</i> .....	126	<i>hydrocodone-acetaminophen</i> ..	28
<i>generlac</i> .....	194	<i>halobetasol propionate</i> .....	136	<i>hydrocortisone</i> .....	136, 199, 216
<i>gengraf</i> .....	205	<i>haloette</i> .....	126	<i>hydrocortisone valerate</i> .....	136
<i>gentak</i> .....	189	<i>haloperidol</i> .....	91	<i>hydrocortisone-acetic acid</i> ...	189
<i>gentamicin</i> .....	34, 133, 189	<i>haloperidol decanoate</i> .....	91	<i>hydromorphone</i> .....	28
		<i>haloperidol lactate</i> .....	91	<i>hydroxychloroquine</i> .....	86

<i>hydroxyurea</i> .....	48	INLEXZO.....	49	<i>ipratropium-albuterol</i> .....	224
<i>hydroxyzine hcl</i> .....	82	INLURIYO.....	49	<i>irbesartan</i> .....	109
<i>hydroxyzine pamoate</i> .....	219	INLYTA.....	49	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	
HYRNUO.....	48	INPEN (FOR HUMALOG)		.....	109
<b>I</b>		BLUE.....	159	ISENTRESS.....	98, 99
<i>ibandronate</i> .....	217	INPEN (FOR HUMALOG)		ISENTRESS HD.....	98
IBRANCE.....	48	GREY.....	159	<i>isibloom</i> .....	126
IBTROZI.....	48	INPEN (FOR HUMALOG)		<i>isoniazid</i> .....	84
<i>ibu</i> .....	30	PINK.....	159	<i>isosorbide dinitrate</i> .....	119
<i>ibuprofen</i> .....	30	INPEN (NOVOLOG OR		<i>isosorbide mononitrate</i> .....	119
<i>icatibant</i> .....	114	FIASP) BLUE.....	159	ITOVEBI.....	50
<i>iclevia</i> .....	126	INPEN (NOVOLOG OR		<i>itraconazole</i> .....	80
ICLUSIG.....	49	FIASP) GREY.....	159	IV PREP WIPES.....	161
<i>icosapent ethyl</i> .....	117, 118	INPEN (NOVOLOG OR		<i>ivabradine</i> .....	114
IDHIFA.....	49	FIASP) PINK.....	159	<i>ivermectin</i> .....	86
<i>ifosfamide</i> .....	49	INQOVI.....	49	IWILFIN.....	50
ILEVRO.....	192	INREBIC.....	50	IXIARO (PF).....	212
<i>imatinib</i> .....	49	<i>insulin asp prt-insulin aspart</i> 76,		<b>J</b>	
IMBRUVICA.....	49	77		JAKAFI.....	50
IMDELLTRA.....	49	<i>insulin aspart u-100</i> .....	77	<i>jantoven</i> .....	105
<i>imipenem-cilastatin</i> .....	38	<i>insulin glargine-yfgn</i> .....	77	JANUMET.....	73
<i>imipramine hcl</i> .....	71	<i>insulin lispro</i> .....	77	JANUMET XR.....	73, 74
<i>imiquimod</i> .....	133	INSULIN SYR/NDL U100		JANUVIA.....	74
IMJUDO.....	49	HALF MARK.....	159	JARDIANCE.....	74
IMKELDI.....	49	INSULIN SYRINGE		JASCAYD.....	226
IMOVAX RABIES VACCINE		MICROFINE.....	140	<i>javygtor</i> .....	187
(PF).....	212	INSULIN SYRINGE		JAYPIRCA.....	50
IMPAVIDO.....	86	NEEDLELESS.....	160	JEMPERLI.....	50
<i>incassia</i> .....	126	INSULIN SYRINGE-NEEDLE		<i>jencycla</i> .....	126
INCONTROL ALCOHOL		U-100.....	156, 159, 160, 167,	JENTADUETO.....	74
PADS.....	158	169, 173, 177, 178		JENTADUETO XR.....	74
INCONTROL PEN NEEDLE		INSULIN U-500 SYRINGE-		<i>jolessa</i> .....	126
.....	158, 159	NEEDLE.....	161	<i>juleber</i> .....	126
INCRELEX.....	200	INSUPEN PEN NEEDLE ..	161	JULUCA.....	99
<i>indapamide</i> .....	116	INTELENCE.....	98	<i>junel 1.5/30 (21)</i> .....	126
<i>indomethacin</i> .....	30	<i>introvale</i> .....	126	<i>junel 1/20 (21)</i> .....	126
INFANRIX (DTAP) (PF).....	212	INVEGA HAFYERA.....	92	<i>junel fe 1.5/30 (28)</i> .....	126
<i>infliximab</i> .....	206	INVEGA SUSTENNA.....	92	<i>junel fe 1/20 (28)</i> .....	126
INGREZZA.....	121	INVEGA TRINZA.....	92	<i>junel fe 24</i> .....	126
INGREZZA INITIATION		INVELTYS.....	192	JYLAMVO.....	50
PK(TARDIV).....	121	IPOL.....	212	JYNARQUE.....	116
INGREZZA SPRINKLE.....	121	<i>ipratropium bromide</i> ..	188, 224	JYNNEOS (PF).....	212

<b>K</b>	LANTUS U-100 INSULIN ...	77	<i>liomny</i> .....	202
KALETRA .....	<i>lapatinib</i> .....	51	<i>liothyronine</i> .....	202
KALYDECO.....	<i>larin 1.5/30 (21)</i> .....	127	LISCO .....	161
<i>kariva (28)</i> .....	<i>larin 1/20 (21)</i> .....	127	<i>lisinopril</i> .....	110
<i>kelnor 1/35 (28)</i> .....	<i>larin 24 fe</i> .....	127	<i>lisinopril-hydrochlorothiazide</i>	110
<i>kelnor 1/50 (28)</i> .....	<i>larin fe 1.5/30 (28)</i> .....	127	.....	110
KERENDIA .....	<i>larin fe 1/20 (28)</i> .....	127	LITE TOUCH INSULIN PEN	
KESIMPTA PEN .....	<i>latanoprost</i> .....	220	NEEDLES.....	161
<i>ketoconazole</i> .....	LAZCLUZE.....	51	LITE TOUCH INSULIN	
<i>ketorolac</i> .....	<i>leflunomide</i> .....	207	SYRINGE .....	161, 162
KEYTRUDA.....	<i>lenalidomide</i> .....	51	<i>lithium carbonate</i> .....	121, 122
KEYTRUDA QLEX .....	LENTOCILIN S .....	39	<i>lithium citrate</i> .....	122
KIMMTRAK.....	LENVIMA.....	51	LIVTENCITY.....	102
KINERET.....	<i>lessina</i> .....	127	LOKELMA .....	194
KINRIX (PF).....	<i>letrozole</i> .....	52	<i>lomustine</i> .....	52
<i>kionex</i> .....	<i>leucovorin calcium</i> .....	219	LONSURF .....	52
KISQALI.....	LEUKERAN.....	52	<i>loperamide</i> .....	194
KISQALI FEMARA CO-PACK	<i>leuprolide</i> .....	52	<i>lopinavir-ritonavir</i> .....	99
.....	<i>leuprolide acetate (3 month)</i> ..	52	LOQTORZI.....	52
KLISYRI (250 MG).....	<i>levetiracetam</i> .....	65	<i>lorazepam</i> .....	33
<i>klor-con m10</i> .....	<i>levobunolol</i> .....	220	<i>lorazepam intensol</i> .....	33
<i>klor-con m15</i> .....	<i>levocetirizine</i> .....	82	LORBRENA.....	52
<i>klor-con m20</i> .....	<i>levofloxacin</i> .....	40	<i>losartan</i> .....	109
KLOXXADO .....	<i>levofloxacin in d5w</i> .....	40	<i>losartan-hydrochlorothiazide</i>	109
KOMZIFTI.....	<i>levonest (28)</i> .....	127	.....	109
KOSELUGO .....	<i>levonorgest-eth.estradiol-iron</i>	127	LOTEMAX.....	192
<i>kosher prenatal plus iron</i> ....	.....	127	LOTEMAX SM .....	192
KRAZATI .....	<i>levonorgestrel-ethinyl estrad</i>	127	<i>loteprednol etabonate</i> .....	192
<i>kurvelo (28)</i> .....	<i>levonorg-eth estrad triphasic</i>	127	<i>lovastatin</i> .....	118
KYLEENA.....	<i>levora-28</i> .....	127	<i>low-ogestrel (28)</i> .....	128
KYNMOBI.....	<i>levothyroxine</i> .....	202	<i>loxapine succinate</i> .....	92
<b>L</b>	LEXIVA .....	99	<i>lubiprostone</i> .....	194
<i>labetalol</i> .....	LIBERVANT.....	65	<i>luizza</i> .....	128
<i>lacosamide</i> .....	<i>lidocaine</i> .....	31	LUMAKRAS .....	52
<i>lactulose</i> .....	<i>lidocaine hcl</i> .....	31	LUMIGAN.....	220
<i>lamivudine</i> .....	<i>lidocaine viscous</i> .....	31	LUNSUMIO .....	52
<i>lamivudine-zidovudine</i> .....	<i>lidocaine-prilocaine</i> .....	31	LUNSUMIO VELO.....	52
<i>lamotrigine</i> .....	<i>lidocan iii</i> .....	31	LUPRON DEPOT.....	53, 200
<i>lanreotide</i> .....	LILETTA.....	128	LUPRON DEPOT (3 MONTH)	
<i>lansoprazole</i> .....	<i>linezolid</i> .....	35	.....	53, 200
LANTUS SOLOSTAR U-100	<i>linezolid in dextrose 5%</i> .....	35	LUPRON DEPOT (4 MONTH)	
INSULIN.....	LINZESS .....	194	.....	53

LUPRON DEPOT (6 MONTH) .....	53	MAXICOMFORT II PEN NEEDLE.....	162	<i>methylphenidate hcl</i> .....	122
LUPRON DEPOT-PED .....	201	MAXICOMFORT INSULIN SYRINGE.....	163	<i>methylprednisolone</i> .....	199
LUPRON DEPOT-PED (3 MONTH).....	200	MAXI-COMFORT INSULIN SYRINGE.....	163	<i>methylprednisolone acetate</i> .	199
<i>lurasidone</i> .....	92, 93	MAXI-COMFORT INSULIN SYRINGE.....	163	<i>metoclopramide hcl</i> .....	194
<i>lutera</i> (28).....	128	MAXI-COMFORT INSULIN SYRINGE.....	163	<i>metolazone</i> .....	116
LUTRATE DEPOT (3 MONTH).....	53	MAXICOMFORT SAFETY PEN NEEDLE .....	163	<i>metoprolol succinate</i> .....	112
LYBALVI .....	93	MAYZENT.....	122	<i>metoprolol ta-hydrochlorothiaz</i> .....	112
<i>lyleq</i> .....	128	MAYZENT STARTER(FOR 1MG MAINT) .....	122	<i>metoprolol tartrate</i> .....	112
LYNOZYFIC .....	53	MAYZENT STARTER(FOR 2MG MAINT) .....	122	<i>metronidazole</i> .....	35, 82, 134
LYNPARZA.....	53	<i>meclizine</i> .....	85	<i>metronidazole in nacl (iso-os)</i>	35
LYSODREN.....	53	<i>medroxyprogesterone</i> .....	202	<i>metyrosine</i> .....	114
LYTGOBI .....	53	<i>mefloquine</i> .....	86	<i>micafungin</i> .....	81
<i>lyza</i> .....	128	<i>megestrol</i> .....	53, 202	<i>miconazole-3</i> .....	81
<b>M</b>		MEKINIST .....	53, 54	MICRODOT INSULIN PEN NEEDLE .....	163
MAGELLAN INSULIN SAFETY SYRNG .....	162	MEKTOVI.....	54	MICRODOT READYGARD PEN NEEDLE .....	163
MAGELLAN SYRINGE .....	162	<i>meleya</i> .....	128	<i>microgestin 1.5/30 (21)</i> .....	128
<i>magnesium sulfate</i> .....	221	<i>meloxicam</i> .....	30	<i>microgestin 1/20 (21)</i> .....	128
<i>malathion</i> .....	137	<i>memantine</i> .....	69	<i>microgestin 24 fe</i> .....	128
<i>maraviroc</i> .....	99	MENACTRA (PF).....	212	<i>microgestin fe 1.5/30 (28)</i> ....	128
MARGENZA .....	53	MENQUADFI (PF).....	212	<i>microgestin fe 1/20 (28)</i> .....	128
<i>marlissa</i> (28) .....	128	MENVEO A-C-Y-W-135-DIP (PF).....	213	<i>midodrine</i> .....	108
<i>marnatal-f</i> .....	229	<i>mercaptapurine</i> .....	54	MIEBO (PF).....	188
MARPLAN .....	71	<i>meropenem</i> .....	38	<i>mifepristone</i> .....	74
MATULANE .....	53	<i>mesalamine</i> .....	216, 217	<i>mili</i> .....	128
MAVENCLAD (10 TABLET PACK).....	122	<i>mesna</i> .....	219	<i>mimvey</i> .....	198
MAVENCLAD (4 TABLET PACK).....	122	<i>metformin</i> .....	74	MINI ULTRA-THIN II.....	163
MAVENCLAD (5 TABLET PACK).....	122	<i>methadone</i> .....	28	<i>minocycline</i> .....	41
MAVENCLAD (6 TABLET PACK).....	122	<i>methazolamide</i> .....	220	<i>minoxidil</i> .....	119
MAVENCLAD (7 TABLET PACK).....	122	<i>methenamine hippurate</i> .....	35	MIPLYFFA.....	187
MAVENCLAD (8 TABLET PACK).....	122	<i>methimazole</i> .....	202	MIRENA.....	128
MAVENCLAD (9 TABLET PACK).....	122	<i>methocarbamol</i> .....	227	<i>mirtazapine</i> .....	71, 72
		<i>methotrexate sodium</i> .....	54	<i>misoprostol</i> .....	193
		<i>methotrexate sodium (pf)</i> .....	54	<i>mitoxantrone</i> .....	54
		<i>methoxsalen</i> .....	133	M-M-R II (PF) .....	213
		<i>methsuximide</i> .....	65	<i>m-natal plus</i> .....	229
				<i>modafinil</i> .....	228
				MODEYSO.....	54
				<i>moexipril</i> .....	110
				<i>molindone</i> .....	93

<i>mometasone</i> .....	136, 192	NATACYN.....	189	<i>norethindrone (contraceptive)</i>	
MONOJECT INSULIN		<i>nateglinide</i> .....	74	.....	129
SAFETY SYRING.....	164	NATPARA .....	217	<i>norethindrone acetate</i> .....	202
MONOJECT INSULIN		NAYZILAM.....	65	<i>norethindrone-e.estradiol-iron</i>	
SYRINGE.....	164, 165	<i>nebivolol</i> .....	112	.....	129
MONOJECT SYRINGE .....	163	<i>nefazodone</i> .....	72	<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	
MONOJECT ULTRA		<i>neomycin</i> .....	34	.....	129
COMFORT INSULIN.....	180	<i>neomycin-bacitracin-poly-hc</i>	189	<i>nortrel 1/35 (21)</i> .....	129
<i>mono-linyah</i> .....	128	<i>neomycin-bacitracin-polymyxin</i>		<i>nortrel 1/35 (28)</i> .....	129
<i>montelukast</i> .....	223	.....	189	<i>nortrel 7/7/7 (28)</i> .....	129
<i>morphine</i> .....	28	<i>neomycin-polymyxin b-</i>		<i>nortriptyline</i> .....	72
MORPHINE .....	28	<i>dexameth</i> .....	190	NORVIR .....	99, 100
<i>morphine concentrate</i> .....	28	<i>neomycin-polymyxin-gramicidin</i>		NOVOFINE 30 .....	165
MOUNJARO.....	74	.....	190	NOVOFINE 32 .....	165
MOVANTIK .....	194	<i>neomycin-polymyxin-hc</i> .....	190	NOVOFINE PLUS .....	165
<i>moxifloxacin</i> .....	40, 189	<i>neo-polycin</i> .....	190	NOVOLIN 70/30 U-100	
<i>moxifloxacin-sod.ace,sul-water</i>		<i>neo-polycin hc</i> .....	190	INSULIN.....	77
.....	40	NERLYNX .....	54	NOVOLIN 70-30 FLEXPEN U-	
<i>moxifloxacin-sod.chloride(iso)</i>		<i>nevirapine</i> .....	99	100.....	77
.....	40	<i>newgen</i> .....	230	NOVOLIN N FLEXPEN .....	77
MRESVIA (PF).....	213	NEXLETOL .....	118	NOVOLIN N NPH U-100	
MULTAQ.....	111	NEXLIZET .....	118	INSULIN.....	78
<i>mupirocin</i> .....	134	NEXPLANON.....	128	NOVOLIN R FLEXPEN .....	78
<i>mycophenolate mofetil</i> .....	207	<i>niacin</i> .....	118	NOVOLIN R REGULAR U100	
<i>mycophenolate mofetil (hcl)</i> .....	207	NICOTROL NS.....	32	INSULIN.....	78
<i>mycophenolate sodium</i> .....	207	<i>nifedipine</i> .....	115	NOVOLOG FLEXPEN U-100	
<i>mynatal</i> .....	229	NIKTIMVO .....	207	INSULIN.....	78
<i>mynatal advance</i> .....	229	<i>nilotinib hcl</i> .....	54	NOVOLOG MIX 70-30 U-100	
<i>mynatal plus</i> .....	229	<i>nilutamide</i> .....	54	INSULN .....	78
<i>mynatal-z</i> .....	229	NINLARO .....	54	NOVOLOG MIX 70-	
<i>mynate 90 plus</i> .....	230	<i>nintedanib</i> .....	226	30FLEXPEN U-100.....	78
MYRBETRIQ .....	196	<i>nitazoxanide</i> .....	86	NOVOLOG PENFILL U-100	
<b>N</b>		<i>nitisinone</i> .....	187	INSULIN.....	78
<i>nabumetone</i> .....	30	<i>nitrofurantoin macrocrystal</i> ..	35	NOVOLOG U-100 INSULIN	
<i>nafcillin</i> .....	39	<i>nitrofurantoin monohyd/m-cryst</i>		ASPART .....	78
<i>naloxone</i> .....	32	.....	35	NOVOTWIST.....	165
<i>naltrexone</i> .....	32	<i>nitroglycerin</i> .....	119, 219	NUBEQA .....	54
NANO 2ND GEN PEN		<i>niva-plus</i> .....	230	NUCALA .....	226
NEEDLE .....	165	NIVESTYM.....	106	NULOJIX.....	207
NANO PEN NEEDLE .....	165	NORDITROPIN FLEXPRO 201		NUPLAZID.....	93
<i>naproxen</i> .....	30	<i>norelgestromin-ethin.estradiol</i>		NURTEC ODT .....	83
<i>naratriptan</i> .....	83	.....	129	<i>nyamyc</i> .....	81

<i>nylia 1/35 (28)</i> .....	129	OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4) .....	165	<i>pantoprazole</i> .....	193
<i>nylia 7/7/7 (28)</i> .....	129	OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4) .....	165	<i>paricalcitol</i> .....	217
<i>nymyo</i> .....	129	OMNIPOD DASH PODS (GEN 4).....	166	<i>paroxetine hcl</i> .....	72
<i>nystatin</i> .....	81	ONAPGO.....	88	PAXLOVID .....	102
<i>nystatin-triamcinolone</i> .....	81	<i>ondansetron</i> .....	85	<i>pazopanib</i> .....	55
<i>nystop</i> .....	81	<i>ondansetron hcl</i> .....	85	PEDIARIX (PF).....	213
NYVEPRIA.....	106	ONUREG.....	55	PEDVAX HIB (PF) .....	213
<b>O</b>		OPDIVO .....	55	<i>peg 3350-electrolytes</i> .....	195
<i>obstetrix dha</i> .....	230	OPDIVO QVANTIG.....	55	PEGASYS.....	103
<i>obstetrix dha prenatal duo</i> .....	230	OPDUALAG .....	55	<i>peg-electrolyte soln</i> .....	195
<i>octreotide acetate</i> .....	201	OPIPZA .....	93	PEMAZYRE .....	55
ODEFSEY .....	100	OPSUMIT .....	228	<i>pemetrexed disodium</i> .....	56
ODOMZO .....	54	ORENCIA .....	207	PEMRYDI RTU.....	56
OFEV .....	226	ORENCIA (WITH MALTOSE) .....	207	PEN NEEDLE .....	166
<i>ofloxacin</i> .....	190	ORENCIA CLICKJECT .....	207	PEN NEEDLE, DIABETIC 145, 157, 163, 166, 168, 169	
OGIVRI.....	54	ORFADIN .....	187	PEN NEEDLE, DIABETIC, SAFETY .....	169
OGSIVEO .....	55	ORGOVYX .....	201	PENBRAYA (PF).....	213
OJEMDA.....	55	ORLISSA .....	201	PENBRAYA MENACWY COMPONENT(PF).....	213
OJJAARA.....	55	ORKAMBI .....	226	PENBRAYA MENB COMPONENT (PF).....	213
<i>olanzapine</i> .....	93	<i>orquidea</i> .....	129	<i>penicillamine</i> .....	197
<i>olmesartan</i> .....	109	ORSERDU.....	55	<i>penicillin g potassium</i> .....	40
<i>olmesartan-amlodipin-hcthiamid</i> .....	109	<i>oseltamivir</i> .....	102	<i>penicillin g procaine</i> .....	40
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide</i> .....	109	OSENVELT.....	217	<i>penicillin v potassium</i> .....	40
<i>olopatadine</i> .....	189	OTEZLA.....	207	PENMENVY MEN A-B-C-W- Y (PF).....	213
<i>omega-3 acid ethyl esters</i> .....	118	OTEZLA STARTER.....	207	PENMENVY MENACWY COMPONENT(PF).....	213
<i>omeprazole</i> .....	193	OTEZLA XR .....	208	PENMENVY MENB COMPONENT (PF).....	213
OMNIPOD 5 (G6/LIBRE 2 PLUS).....	165	OTEZLA XR INITIATION .....	207	PENTACEL (PF).....	214
OMNIPOD 5 G6-G7 INTRO KT(GEN5).....	165	<i>oxandrolone</i> .....	197	<i>pentamidine</i> .....	87
OMNIPOD 5 G6-G7 PODS (GEN 5).....	165	<i>oxcarbazepine</i> .....	65	PENTIPS PEN NEEDLE....	166, 167
OMNIPOD 5 INTRO(G6/LIBRE2PLUS) .....	165	<i>oxybutynin chloride</i> .....	196	<i>pentoxifylline</i> .....	107
OMNIPOD CLASSIC PDM KIT(GEN 3) .....	165	<i>oxycodone</i> .....	28, 29	<i>perampanel</i> .....	65, 66
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3).....	165	<i>oxycodone-acetaminophen</i> ....	29	<i>perindopril erbumine</i> .....	110
		OZEMPIC.....	75	<i>periogard</i> .....	132
		<b>P</b>		<i>permethrin</i> .....	137
		<i>pacerone</i> .....	111		
		<i>paclitaxel protein-bound</i> .....	55		
		<i>paliperidone</i> .....	93		
		PANRETIN .....	133		

<i>perphenazine</i> .....	93	<i>prazosin</i> .....	108	<i>prochlorperazine edisylate</i> ....	85, 94
<i>perphenazine-amitriptyline</i> ....	72	<i>prednisolone</i> .....	199	<i>prochlorperazine maleate</i> .....	85
PERSERIS.....	93	<i>prednisolone acetate</i> .....	192	PRO-COMFORT ALCOHOL	
<i>phenelzine</i> .....	72	<i>prednisolone sodium phosphate</i>	199, 200	PADS .....	168
<i>phenobarbital</i> .....	66	.....		<i>procto-med hc</i> .....	136
<i>phenytek</i> .....	66	<i>prednisone</i> .....	200	<i>proctosol hc</i> .....	136
<i>phenytoin</i> .....	66	<i>pregabalin</i> .....	66	<i>proctozone-hc</i> .....	136
<i>phenytoin sodium</i> .....	66	PREMARIN.....	199	PRODIGY INSULIN	
<i>phenytoin sodium extended</i> ....	66	PREMPHASE.....	199	SYRINGE .....	168
PIFELTRO .....	100	PREMPRO .....	199	<i>progesterone micronized</i> .....	202
<i>pilocarpine hcl</i> .....	132, 220	<i>prenal true</i> .....	230	PROGRAF .....	208
<i>pimecrolimus</i> .....	136	<i>prenaissance</i> .....	230	PROLASTIN-C.....	226
<i>pimozide</i> .....	94	<i>prenaissance plus</i> .....	230	<i>promethazine</i> .....	85
<i>pimtree (28)</i> .....	129	<i>prenatabs fa</i> .....	230	<i>promethegan</i> .....	85
<i>pioglitazone</i> .....	75	<i>prenatal 19</i> .....	230	<i>propafenone</i> .....	111
<i>pioglitazone-metformin</i> .....	75	<i>prenatal 19 (with docusate)</i> .	230	<i>propranolol</i> .....	112
PIP PEN NEEDLE .....	167	<i>prenatal plus</i> .....	230	<i>propylthiouracil</i> .....	202
<i>piperacillin-tazobactam</i> .....	40	<i>prenatal plus (calcium carb)</i>	230	PROQUAD (PF) .....	214
PIQRAY .....	56	<i>prenatal vitamin plus low iron</i>	230	<i>protriptyline</i> .....	72
<i>pirfenidone</i> .....	226	.....	230	PULMOZYME .....	187
<i>pitavastatin calcium</i> .....	118	<i>prenatal-u</i> .....	231	PURE COMFORT ALCOHOL	
PLEGRIDY .....	122, 123	<i>preplus</i> .....	231	PADS .....	168
<i>pnv-dha + docusate</i> .....	230	<i>prevalite</i> .....	118	PURE COMFORT PEN	
<i>pnv-omega</i> .....	230	PREVENT DROPSAFE PEN		NEEDLE .....	168
<i>podofilox</i> .....	133	NEEDLE.....	167	PURE COMFORT SAFETY	
<i>polycin</i> .....	190	PREVYMIS .....	102	PEN NEEDLE .....	168
<i>polymyxin b sulf-trimethoprim</i>	190	PREZCOBIX.....	100	<i>pyrazinamide</i> .....	84
.....		PREZISTA.....	100	<i>pyridostigmine bromide</i> .....	219
<i>pomalidomide</i> .....	56	PRIFTIN .....	84	<i>pyrimethamine</i> .....	87
POMALYST .....	56	PRIMAQUINE .....	87	<b>Q</b>	
<i>portia 28</i> .....	130	<i>primidone</i> .....	66	QINLOCK.....	56
<i>posaconazole</i> .....	81	PRIORIX (PF) .....	214	QUADRACEL (PF).....	214
<i>potassium chloride</i> .....	221, 222	PRO COMFORT ALCOHOL		<i>quetiapine</i> .....	94
<i>potassium citrate</i> .....	222	PADS .....	167	<i>quinapril</i> .....	110
<i>pr natal 400</i> .....	230	PRO COMFORT INSULIN		<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i>	110
<i>pr natal 400 ec</i> .....	230	SYRINGE .....	167	.....	110
<i>pr natal 430</i> .....	230	PRO COMFORT PEN		<i>quinidine sulfate</i> .....	111
<i>pr natal 430 ec</i> .....	230	NEEDLE.....	167, 168	<i>quinine sulfate</i> .....	87
<i>pramipexole</i> .....	88	<i>probenecid</i> .....	82	QULIPTA .....	83
<i>prasugrel hcl</i> .....	107	<i>probenecid-colchicine</i> .....	82	<b>R</b>	
<i>pravastatin</i> .....	118	<i>prochlorperazine</i> .....	85	RABAVERT (PF).....	214
<i>praziquantel</i> .....	87				

<i>rabeprazole</i> .....	193	<i>r-natal ob</i> .....	231	<i>sertraline</i> .....	72
RALDESY .....	72	ROCKLATAN.....	220	<i>setlakin</i> .....	130
<i>raloxifene</i> .....	199	<i>roflumilast</i> .....	226	<i>sevelamer carbonate</i> .....	196
<i>ramipril</i> .....	110	ROMVIMZA.....	57	<i>sevelamer hcl</i> .....	196
<i>ranolazine</i> .....	114	<i>ropinirole</i> .....	88	SEZABY .....	67
<i>rasagiline</i> .....	88	<i>rosadan</i> .....	134	<i>sf 5000 plus</i> .....	132
RASUVO (PF) .....	208	<i>rosuvastatin</i> .....	118	<i>sharobel</i> .....	130
RAYALDEE .....	218	ROTARIX .....	214	SHINGRIX (PF) .....	215
<i>reclipsen (28)</i> .....	130	ROTATEQ VACCINE.....	214	SIGNIFOR .....	201
RECOMBIVAX HB (PF) ....	214	ROZLYTREK .....	57	<i>sildenafil (pulm.hypertension)</i> .....	228
RELENZA DISKHALER ....	102	RUBRACA.....	57	<i>silver sulfadiazine</i> .....	134
<i>repaglinide</i> .....	75	<i>rufinamide</i> .....	67	SIMBRINZA.....	220
REPATHA PUSHTRONEX	118	RUKOBIA.....	100	<i>simliya (28)</i> .....	130
REPATHA SURECLICK ....	118	RYBELSUS.....	75	SIMPLI PEN NEEDLE .....	157
REPATHA SYRINGE .....	118	RYBREVANT.....	57	<i>simvastatin</i> .....	118
RETACRIT .....	106	RYBREVANT FASPRO.....	57	<i>sirolimus</i> .....	208
RETEVMO.....	56	RYDAPT .....	57	SIRTURO .....	84
RETROVIR.....	100	RYKINDO.....	94	SKY SAFETY PEN NEEDLE .....	170
REVCOVI .....	187	RYTELO .....	57	SKYLA .....	130
REVUFORJ.....	56	<b>S</b>		SKYRIZI.....	208, 209
REXULTI.....	94	<i>sacubitril-valsartan</i> .....	109	<i>sodium chloride 0.45 %</i> .....	222
REYATAZ .....	100	SAFESNAP INSULIN SYRINGE.....	169	<i>sodium chloride 0.9 %</i> .....	222
REZDIFFRA .....	202	SAFETY PEN NEEDLE ....	169	<i>sodium fluoride-pot nitrate</i> ..	132
REZLIDHIA.....	56	SANTYL .....	133	<i>sodium oxybate</i> .....	228
REZUROCK .....	208	<i>sapropterin</i> .....	188	<i>sodium polystyrene sulfonate</i>	194
RHOPRESSA.....	220	SCSEMBLIX.....	57	<i>sodium,potassium,mag sulfates</i> .....	195
<i>ribavirin</i> .....	104	<i>scopolamine base</i> .....	86	<i>solifenacin</i> .....	196
<i>rifabutin</i> .....	84	SECUADO .....	95	SOLIQUA 100/33.....	78
<i>rifampin</i> .....	84	SECURESAFE INSULIN SYRINGE.....	170	SOLTAMOX .....	57
<i>rilpivirine</i> .....	100	SECURESAFE PEN NEEDLE .....	169	SOMATULINE DEPOT.....	201
<i>rilpivirine hcl</i> .....	100	SELARSDI .....	208	SOMAVERT.....	201
<i>riluzole</i> .....	123	<i>select-ob</i> .....	231	<i>sorafenib</i> .....	57
RINVOQ .....	208	<i>select-ob (folic acid)</i> .....	231	<i>sorine</i> .....	112
RINVOQ LQ.....	208	<i>selegiline hcl</i> .....	88	<i>sotalol</i> .....	112
<i>risperidone</i> .....	94	<i>selenium sulfide</i> .....	134	<i>sotalol af</i> .....	112
<i>risperidone microspheres</i> .....	94	SELZENTRY .....	100	SPIRIVA RESPIMAT .....	224
<i>ritonavir</i> .....	100	<i>se-natal 19 chewable</i> .....	231	<i>spironolactone</i> .....	116
RITUXAN HYCELA.....	57	SEREVENT DISKUS .....	224	<i>spironolacton-hydrochlorothiaz</i> .....	116
<i>rivaroxaban</i> .....	105	SEROSTIM .....	201		
<i>rivastigmine</i> .....	69				
<i>rivastigmine tartrate</i> .....	69				
<i>rizatriptan</i> .....	83				

SPRAVATO.....	72	SURE-JECT INSULIN		<i>telmisartan-hydrochlorothiazid</i>	
<i>sprintec (28)</i> .....	130	SYRINGE.....	171, 172	.....	109
SPRITAM.....	67	SURE-PREP ALCOHOL PREP		<i>temazepam</i> .....	33, 34
<i>sps (with sorbitol)</i> .....	195	PADS.....	172	TEMIXYS.....	101
<i>sronyx</i> .....	130	SYMPAZAN.....	67	TENIVAC (PF).....	215
<i>ssd</i> .....	134	SYMTUZA.....	101	<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>	
<i>stavudine</i> .....	101	SYNJARDY .....	75	.....	101
STERILE PADS.....	156	SYNJARDY XR.....	75	TEPMETKO .....	58
STIOLTO RESPIMAT .....	225	SYNRIBO.....	58	<i>terazosin</i> .....	197
STIVARGA.....	58	SYRINGE WITH NEEDLE,		<i>terbinafine hcl</i> .....	81
STOBOCLO.....	218	SAFETY .....	169	<i>terconazole</i> .....	82
STRENSIQ.....	188	<b>T</b>		<i>teriparatide</i> .....	218
<i>streptomycin</i> .....	34	TABLOID.....	58	TERUMO INSULIN SYRINGE	
STRIBILD.....	101	TABRECTA .....	58	.....	173
STRIVERDI RESPIMAT .....	225	<i>tacrolimus</i> .....	136, 209	<i>testosterone</i> .....	197, 198
<i>subvenite</i> .....	67	<i>tadalafil</i> .....	228	<i>testosterone cypionate</i> .....	197
SUBVENITE.....	67	TAFINLAR .....	58	<i>testosterone enanthate</i> .....	197
<i>sucralfate</i> .....	193	TAGRISSE.....	58	<i>tetrabenazine</i> .....	123
<i>sulfacetamide sodium</i> .....	190	TALVEY .....	58	<i>tetracycline</i> .....	41
<i>sulfacetamide-prednisolone</i> .....	190	TALZENNA.....	58	TEVIMBRA.....	58
<i>sulfadiazine</i> .....	40	<i>tamoxifen</i> .....	58	THALOMID .....	219
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i>		<i>tamsulosin</i> .....	197	<i>theophylline</i> .....	225
.....	41	<i>tarina 24 fe</i> .....	130	THINPRO INSULIN SYRINGE	
<i>sulfasalazine</i> .....	217	<i>tarina fe 1-20 eq (28)</i> .....	130	.....	173, 174
<i>sulindac</i> .....	30	<i>taron-c dha</i> .....	231	<i>thioridazine</i> .....	95
<i>sumatriptan</i> .....	84	<i>taron-prex prenatal-dha</i> .....	231	<i>thiothixene</i> .....	95
<i>sumatriptan succinate</i> .....	83, 84	TASIGNA.....	58	<i>tiadylt er</i> .....	113
<i>sunitinib malate</i> .....	58	TAVNEOS.....	209	<i>tiagabine</i> .....	67
SUNLENCA.....	101	<i>tazarotene</i> .....	137	TIBSOVO .....	59
SURE COMFORT ALCOHOL		<i>tazicef</i> .....	37	<i>ticagrelor</i> .....	107
PREP PADS .....	171	<i>taztia xt</i> .....	113	TICE BCG .....	59
SURE COMFORT INS. SYR.		TAZVERIK.....	58	TICOVAC.....	215
U-100.....	170	TDVAX.....	215	<i>tigecycline</i> .....	41
SURE COMFORT INSULIN		TECHLITE INSULIN		<i>tilia fe</i> .....	130
SYRINGE.....	170, 171	SYRINGE.....	172	<i>timolol</i> .....	220
SURE COMFORT PEN		TECHLITE INSULN		<i>timolol maleate</i> .....	112, 220
NEEDLE .....	171	SYR(HALF UNIT).....	172	<i>tinidazole</i> .....	87
SURE COMFORT SAFETY		TECHLITE PEN NEEDLE .....	173	<i>tiotropium bromide</i> .....	225
PEN NEEDLE.....	170	TECHLITE PLUS PEN		TIVDAK .....	59
SURE-FINE PEN NEEDLES		NEEDLE.....	173	TIVICAY .....	101
.....	171	TECVAYLI .....	58	TIVICAY PD .....	101
		<i>telmisartan</i> .....	109	<i>tizanidine</i> .....	227

TOBI PODHALER .....	34	<i>triamterene-hydrochlorothiazid</i>		TRUE COMFORT SAFETY	
<i>tobramycin</i> .....	191	.....	116	PEN NEEDLE .....	174, 175
<i>tobramycin in 0.225 % nacl</i> ...	34	<i>tridacaine ii</i> .....	31	TRUE-COMFORT PRO PEN	
<i>tobramycin sulfate</i> .....	34	<i>trientine</i> .....	197	NEEDLE .....	176
<i>tobramycin-dexamethasone</i> ..	191	<i>tri-estarylla</i> .....	130	TRUEPLUS INSULIN .....	177
<i>tobramycin-lotepred</i> .....	191	<i>trifluoperazine</i> .....	95	TRUEPLUS PEN NEEDLE	176
<i>tolterodine</i> .....	196	<i>trifluridine</i> .....	191	TRULANCE .....	195
<i>tolvaptan (polycys kidney dis)</i>		<i>trihexyphenidyl</i> .....	88	TRULICITY .....	76
.....	116	TRIJARDY XR .....	75	TRUMENBA .....	215
TOPCARE CLICKFINE.....	174	TRIKAFTA .....	227	TRUQAP.....	59
TOPCARE ULTRA		<i>tri-legest fe</i> .....	130	TRUXIMA.....	59
COMFORT.....	174	<i>tri-linyah</i> .....	130	TUKYSA .....	59
<i>topiramate</i> .....	67	<i>tri-lo-estarylla</i> .....	130	TURALIO .....	59
<i>toposar</i> .....	59	<i>tri-lo-marzia</i> .....	130	<i>turqoz (28)</i> .....	131
<i>toremifene</i> .....	59	<i>tri-lo-mili</i> .....	130	TWINRIX (PF).....	215
<i>torpenz</i> .....	59	<i>tri-lo-sprintec</i> .....	131	<i>tyblume</i> .....	131
<i>torse mide</i> .....	116	<i>trimethoprim</i> .....	35	TYBOST .....	219
TOUJEO MAX U-300		<i>tri-mili</i> .....	131	TYENNE.....	209
SOLOSTAR .....	78	<i>trimipramine</i> .....	73	TYENNE AUTOINJECTOR	
TOUJEO SOLOSTAR U-300		TRINTELLIX.....	73	.....	209
INSULIN.....	78	<i>tri-nymyo</i> .....	131	TYMLOS .....	218
TRADJENTA.....	75	<i>tri-sprintec (28)</i> .....	131	TYPHIM VI.....	215
<i>tramadol</i> .....	29	TRIUMEQ .....	101	U	
<i>tramadol-acetaminophen</i> .....	29	TRIUMEQ PD.....	101	UBRELVY .....	84
<i>trandolapril</i> .....	111	<i>trivora (28)</i> .....	131	UDENYCA ONBODY .....	106
<i>tranexamic acid</i> .....	107	<i>tri-vylibra</i> .....	131	ULTICARE.....	178, 179
<i>tranylcypromine</i> .....	72	<i>tri-vylibra lo</i> .....	131	ULTICARE INSULIN	
<i>travoprost</i> .....	220	TRIZIVIR .....	101	SYRINGE .....	177, 178
<i>trazodone</i> .....	72	TROGARZO .....	101	ULTICARE INSULN	
TRECATOR.....	84	<i>trosipium</i> .....	196	SYR(HALF UNIT).....	177
TRELEGY ELLIPTA .....	225	TRUE COMFORT ALCOHOL		ULTICARE PEN NEEDLE.	178
TRELSTAR.....	59	PADS .....	175	ULTICARE SAFETY PEN	
TREMFYA.....	209	TRUE COMFORT INSULIN		NEEDLE.....	178
TREMFYA ONE-PRESS ....	209	SYRINGE.....	175	ULTIGUARD SAFEPACK-	
TREMFYA PEN .....	209	TRUE COMFORT PEN		INSULIN SYR.....	179
TREMFYA PEN INDUCTION		NEEDLE.....	175	ULTIGUARD SAFEPACK-	
PK(2PEN).....	209	TRUE COMFORT PRO		PEN NEEDLE .....	179
<i>tretinoin</i> .....	137	ALCOHOL PADS.....	176	ULTILET ALCOHOL SWAB	
<i>tretinoin (antineoplastic)</i> .....	59	TRUE COMFORT PRO INS		.....	179
<i>triamcinolone acetonide</i> .....	132,	SYRINGE.....	174, 175, 176	ULTILET INSULIN SYRINGE	
137, 200		TRUE COMFORT SAFE		.....	160, 180
		INSULIN SYRG.....	175, 176	ULTILET PEN NEEDLE ....	180

ULTRA CMFT INS SYR (HALF UNIT) .....	157, 170	UNIFINE ULTRA PEN NEEDLE.....	185	VERIFINE PLUS PEN NEEDLE-SHARP.....	186
ULTRA COMFORT INSULIN SYRINGE.....	150, 157, 180	UPTRAVI.....	229	VERQUVO .....	114
ULTRA FLO INSUL SYR(HALF UNIT) .....	180	<i>ursodiol</i> .....	195	VERSACLOZ .....	95
ULTRA FLO INSULIN SYRINGE.....	181	<i>ustekinumab-aauz</i> .....	210	VERSALON .....	187
ULTRA FLO PEN NEEDLE .....	181	UZEDY .....	95	VERZENIO.....	60
ULTRA THIN PEN NEEDLE .....	181	<b>V</b>		V-GO 20.....	187
ULTRACARE INSULIN SYRINGE.....	181, 182	<i>valacyclovir</i> .....	104	V-GO 30.....	187
ULTRACARE PEN NEEDLE .....	182	VALCHLOR .....	133	V-GO 40.....	187
ULTRA-FINE INS SYR (HALF UNIT).....	182	<i>valganciclovir</i> .....	104	<i>vienna</i> .....	131
ULTRA-FINE INSULIN SYRINGE.....	182, 183	<i>valproate sodium</i> .....	67	<i>vigabatrin</i> .....	68
ULTRA-FINE PEN NEEDLE .....	182, 183	<i>valproic acid</i> .....	67	<i>vigadrone</i> .....	68
ULTRA-THIN II (SHORT) INS SYR .....	183	<i>valproic acid (as sodium salt)</i>	67	<i>vigpoder</i> .....	68
ULTRA-THIN II (SHORT) PEN NDL .....	183	<i>valsartan</i> .....	109	<i>vilazodone</i> .....	73
ULTRA-THIN II INS PEN NEEDLES .....	183	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i> .....	109	VIMKUNYA .....	216
ULTRA-THIN II INSULIN SYRINGE.....	183	VALTOCO .....	68	<i>vinorelbine</i> .....	60
UNIFINE OTC PEN NEEDLE .....	183	<i>valtya</i> .....	131	<i>violele (28)</i> .....	131
UNIFINE PEN NEEDLE.....	183	<i>vancomycin</i> .....	35	VIRACEPT .....	101
UNIFINE PENTIPS .....	166, 184	VANFLYTA.....	59	VIREAD .....	101, 102
UNIFINE PENTIPS MAXFLOW .....	184	VANISHPOINT INSULIN SYRINGE.....	185	<i>virt-c dha</i> .....	231
UNIFINE PENTIPS PLUS ..	184	VANISHPOINT SYRINGE	185,	<i>virt-nate dha</i> .....	231
UNIFINE PENTIPS PLUS MAXFLOW .....	184	186		<i>virt-pn dha</i> .....	231
UNIFINE PROTECT .....	185	VAQTA (PF).....	215	<i>vitafol gummies</i> .....	231
UNIFINE SAFECONTROL PEN NEEDLE.....	185	<i>varenicline tartrate</i> .....	32	<i>vitafol nano</i> .....	231
		VARIVAX (PF).....	216	<i>vitafol-ob+dha</i> .....	231
		VAXCHORA VACCINE....	216	VITRAKVI .....	60
		VELTASSA.....	195	VIVIMUSTA .....	60
		VEMLIDY.....	101	VIVOTIF.....	216
		VENCLEXTA .....	59, 60	VIZIMPRO .....	60
		VENCLEXTA STARTING PACK.....	60	VOCABRIA.....	102
		<i>venlafaxine</i> .....	73	<i>volnea (28)</i> .....	131
		VEOZAH.....	219	VONJO .....	60
		<i>verapamil</i> .....	113	VOQUEZNA .....	193
		VERIFINE INSULIN SYRINGE.....	186	VORANIGO .....	60
		VERIFINE PEN NEEDLE..	186	<i>voriconazole</i> .....	81, 82
		VERIFINE PLUS PEN NEEDLE.....	186	VOSEVI.....	103
				VOWST .....	219
				<i>vp-ch-pnv</i> .....	231
				<i>vp-pnv-dha</i> .....	231
				VRAYLAR .....	95, 96
				VUMERITY .....	123
				VYALEV .....	88

<i>vylibra</i> .....	131	XIFAXAN .....	35, 36	<i>zatean-pn plus</i> .....	231
VYLOY .....	60	XIGDUO XR.....	76	ZEJULA .....	61
VYNDAMAX .....	114	XIIDRA .....	192	ZELBORAF .....	62
VYZULTA .....	221	XOLAIR .....	227	<i>zenatane</i> .....	133
<b>W</b>		XOSPATA.....	61	ZENPEP .....	188
<i>warfarin</i> .....	105	XPOVIO .....	61	<i>zidovudine</i> .....	102
WEBCOL .....	187	XTANDI.....	61	ZIIHERA.....	62
WELIREG .....	60	<i>xulane</i> .....	131	<i>zingiber</i> .....	231
WINREVAIR.....	227	XULTOPHY 100/3.6.....	79	<i>ziprasidone hcl</i> .....	96
<i>wixela inhub</i> .....	223	<b>Y</b>		<i>ziprasidone mesylate</i> .....	96
<b>X</b>		YERVOY.....	61	ZIRABEV .....	62
XALKORI.....	60, 61	YESINTEK.....	210	ZIRGAN .....	191
<i>xarah fe</i> .....	131	YF-VAX (PF).....	216	ZOLADEX.....	62
XARELTO .....	105	YONSA .....	61	ZOLINZA .....	62
XARELTO DVT-PE TREAT		YUFLYMA(CF).....	210	<i>zolpidem</i> .....	228
30D START .....	105	YUFLYMA(CF) AI CROHN'S-		ZONISADE.....	68
XATMEP .....	61	UC-HS .....	210	<i>zonisamide</i> .....	68
XCOPRI .....	68	YUFLYMA(CF)		<i>zovia 1-35 (28)</i> .....	131
XCOPRI MAINTENANCE		AUTOINJECTOR .....	210	ZTALMY .....	69
PACK .....	68	YUTREPIA .....	229	ZTLIDO .....	31
XCOPRI TITRATION PACK		<i>yuvafem</i> .....	199	ZURZUVAE .....	73
.....	68	<b>Z</b>		ZYDELIG .....	62
XDEMVI .....	191	<i>zafemy</i> .....	131	ZYKADIA .....	62
XELJANZ .....	210	<i>zafirlukast</i> .....	223	ZYNLONTA.....	62
XELJANZ XR.....	210	<i>zaleplon</i> .....	228	ZYNYZ.....	62
XERMELO.....	195	<i>zatean-pn dha</i> .....	231	ZYPREXA RELPREVV .....	96



Danh Sách Thuốc này được cập nhật vào

Để biết thêm thông tin gần đây hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9 hoặc truy cập trang [www.hpsj-mvhp.org](http://www.hpsj-mvhp.org).